

TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 1  
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐA NHIM - HÀM THUẬN - ĐA MI



**EVN HPC DHD**

## TÀI LIỆU HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020



*Lâm Đồng, ngày 22/05/2020*

**BIÊN BẢN CUỘC HỌP  
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020**

**Tên Công ty:** Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi  
(ĐHĐ)

**Mã chứng khoán:** DNH

**Thời gian:** 08 giờ 30 phút, ngày 22/05/2020.

**Địa điểm:** Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi, số 80A Trần Phú, phường Lộc Sơn, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

**Phần I**

**GIỚI THIỆU KHAI MẠC CUỘC HỌP**

**I. BÁO CÁO KIỂM TRA TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG**

- Người báo cáo: Ông Lê Xuân Phong - Chức vụ: Phó Phòng Tài chính và Kế toán Công ty ĐHD.

- Nội dung báo cáo:

+ Tổng số cổ đông mời tham dự: Toàn bộ 115 cổ đông sở hữu 422.400.000 cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty theo danh sách chốt đến 16 giờ 30 phút ngày 27/03/2020.

+ Hôm nay, vào lúc 8 giờ 30 phút, Cổ đông và người được ủy quyền tham dự đại hội: 22 đại biểu, đại diện cho 422.318.700 cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm 99,98 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2014 và Điều lệ Công ty, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi đủ điều kiện để tiến hành Đại hội.

**II. GIỚI THIỆU ĐOÀN CHỦ TỊCH, THƯ KÝ ĐẠI HỘI, BAN KIỂM TRA KẾT QUẢ BIỂU QUYẾT**

**1. Đoàn Chủ tịch:**

- Ông Nguyễn Trọng Oánh, Chủ tịch HĐQT - Chủ tọa đại hội;

- Ông Lê Văn Quang, Ủy viên HĐQT, Tổng Giám đốc - Thành viên;
- Ông Đỗ Minh Lộc - Ủy viên HĐQT, P. Tổng Giám đốc - Thành viên.

**2. Ban Thư ký Đại hội:**

- Ông Nguyễn Ngọc Tuấn, Thư ký HĐQT - Trưởng Ban Thư ký Đại hội.
- Ông Trịnh Quang Tiến Phước - PP.HCLĐ - Thành viên.

Đại hội nhất trí thông qua danh sách Ban Thư ký Đại hội với tỷ lệ đồng ý 100%.

**3. Ban Kiểm tra kết quả biểu quyết:**

- Ông Lê Xuân Phong, Phó Phòng Tài chính và Kế toán - Trưởng Ban;
- Ông Đặng Như Tấn, Chuyên viên Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật - Thành viên;
- Bà Lê Đặng Hoàng Phương, Chuyên viên Phòng Tài chính và Kế toán - Thành viên.

Đại hội nhất trí thông qua danh sách Ban Kiểm tra kết quả biểu quyết với tỷ lệ đồng ý 100%.

**III. THÔNG QUA CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI, QUY CHẾ TỔ CHỨC ĐẠI HỘI, QUY ĐỊNH THỂ LỆ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2020**

Ông Nguyễn Ngọc Tuấn, Thư ký đại hội trình bày Chương trình Đại hội, Quy chế tổ chức Đại hội, Quy định thể lệ biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 và xin ý kiến của Đại hội.

Đại hội nhất trí thông qua Chương trình Đại hội, các Quy chế tổ chức Đại hội, Quy định thể lệ biểu quyết với tỷ lệ đồng ý 100%.

**Phần II**

**NỘI DUNG ĐẠI HỘI**

**I. ĐẠI HỘI NGHE TRÌNH BÀY NỘI DUNG CÁC BÁO CÁO VÀ TỜ TRÌNH**

1. Ông Đỗ Minh Lộc, Ủy viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc trình bày Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2019 và kế hoạch năm 2020.

2. Ông Lê Văn Quang, Ủy viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trình bày Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị về tình hình quản lý Công ty năm 2019 và kế hoạch hoạt động năm 2020.

3. Ông Ngô Thế Long, Trưởng Ban Kiểm soát trình bày Báo cáo của Ban Kiểm soát trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2020; Tờ trình lựa chọn công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020.

4. Bà Phạm Thị Hồng Hà - Kế toán trưởng trình bày Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính năm 2019; Tờ trình thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2019.

5. Ông Lê Thành Cẩm - Phó Phòng Hành chính và Lao động trình bày Tờ trình thông qua tiền lương, thù lao thực hiện năm 2019 và tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2020 của HĐQT và BKS; Tờ trình thông qua sửa đổi Điều lệ công ty; Tờ trình thông qua sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

### Phần III

#### Ý KIẾN CỦA CỔ ĐÔNG

Các cổ đông đã thảo luận và thống nhất tiến hành biểu quyết toàn bộ nội dung được trình bày tại Đại hội, kết quả biểu quyết được ghi nhận tại Phần IV của Biên bản này.

### Phần IV

#### KẾT QUẢ BIỂU QUYẾT

STT	Các nội dung biểu quyết	Kết quả biểu quyết
1.	Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2019 và kế hoạch năm 2020: 1. Kết quả hoạt động SXKD-ĐTXD năm 2019: a) Kết quả hoạt động SXKD: - Sản lượng điện sản xuất: 2.669,8 triệu kWh. - Sản lượng điện thương phẩm: 2.651,0 triệu kWh. - Tổng doanh thu: 2.253.238 triệu đồng. - Tổng chi phí: 978.332 triệu đồng; - Tổng lợi nhuận trước thuế: 1.274.906 triệu đồng. - Lợi nhuận sau thuế: 1.047.756 triệu đồng. - Cổ tức: 24%.	- Tỷ lệ đồng ý: 100% - Tỷ lệ không đồng ý: 0% - Tỷ lệ không có ý kiến: 0%



EVNHPC DHD

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐA NHIM - HÀM THUẬN - ĐA MI

Địa chỉ: 80A Trần Phú, Bảo Lộc, Lâm Đồng  
Điện thoại: 02633.728171 - Fax: 02633.866457  
Email: [trusochinh@dhd.com.vn](mailto:trusochinh@dhd.com.vn)

Trang: 3/6

	<p>b) Kết quả ĐTXD-ĐTPT: Giá trị thực hiện 961.785 triệu đồng.</p> <p>2. Kế hoạch SXKD - Tài chính - ĐTXD năm 2020:</p> <p>a) Kế hoạch SXKD:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sản lượng điện sản xuất: 2.571,12 triệu kWh.</li> <li>- Sản lượng điện thương phẩm: 2.543,13 triệu kWh.</li> <li>- Tổng doanh thu: 1.859.098 triệu đồng.</li> <li>- Tổng chi phí: 1.091.431 triệu đồng.</li> <li>- Tổng lợi nhuận trước thuế: 767.667 triệu đồng.</li> <li>- Tổng lợi nhuận sau thuế: 614.079 triệu đồng</li> <li>- Cổ tức: 14%.</li> </ul> <p>b) Kế hoạch ĐTXD: 108.487 triệu đồng.</p> <p>c) Kế hoạch ĐTPT: 30.927 triệu đồng.</p> <p>d) Kế hoạch Sửa chữa lớn: 45.388 triệu đồng.</p>	
2.	Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về tình hình quản lý Công ty năm 2019 và kế hoạch hoạt động năm 2020.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tỷ lệ đồng ý: 100%</li> <li>- Tỷ lệ không đồng ý: 0%</li> <li>- Tỷ lệ không có ý kiến: 0%</li> </ul>
3.	Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tỷ lệ đồng ý: 100%</li> <li>- Tỷ lệ không đồng ý: 0%</li> <li>- Tỷ lệ không có ý kiến: 0%</li> </ul>
4.	Thông qua Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tỷ lệ đồng ý: 100%</li> <li>- Tỷ lệ không đồng ý: 0%</li> <li>- Tỷ lệ không có ý kiến: 0%</li> </ul>
5.	<p>Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2019. Tổng lợi nhuận được phân phối là 1.063.588.409.380 đồng (trong đó lợi nhuận năm trước để lại được phân phối là 15.832.885.383 đồng):</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cổ tức (24%) : 1.013.760.000.000 đồng.</li> <li>- Quỹ đầu tư phát triển: 0 đồng.</li> <li>- Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành Công ty:</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tỷ lệ đồng ý: 100%</li> <li>- Tỷ lệ không đồng ý: 0%</li> <li>- Tỷ lệ không có ý kiến: 0%</li> </ul>

	<p>515.649.000 đồng.</p> <p>- Quỹ khen thưởng phúc lợi: 15.478.178.750 đồng.</p> <p>- Lợi nhuận để lại: 33.834.581.630 đồng.</p>	
6.	<p>Thông qua tiền lương, thù lao thực hiện năm 2019 và tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2020 của HĐQT và Ban kiểm soát, chi tiết như sau:</p> <p>- Thực hiện năm 2019: 1.682.324.000 đồng.</p> <p>- Kế hoạch năm 2020: 1.681.248.000 đồng.</p>	<p>- Tỷ lệ đồng ý: 100%</p> <p>- Tỷ lệ không đồng ý: 0%</p> <p>- Tỷ lệ không có ý kiến: 0%</p>
7.	<p>Thông qua phương án lựa chọn và ký kết hợp đồng với Công ty TNHH KPMG để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020.</p>	<p>- Tỷ lệ đồng ý: 100%</p> <p>- Tỷ lệ không đồng ý: 0%</p> <p>- Tỷ lệ không có ý kiến: 0%</p>
8.	<p>Thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung khoản 11, điều 20 của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.</p>	<p>- Tỷ lệ đồng ý: 100%</p> <p>- Tỷ lệ không đồng ý: 0%</p> <p>- Tỷ lệ không có ý kiến: 0%</p>
9.	<p>Thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty:</p> <p>Bổ sung hình thức họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và Hướng dẫn thực hiện bỏ phiếu điện tử.</p>	<p>- Tỷ lệ đồng ý: 100%</p> <p>- Tỷ lệ không đồng ý: 0%</p> <p>- Tỷ lệ không có ý kiến: 0%</p>

## Phần V

### THÔNG QUA BIÊN BẢN VÀ NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI

#### 1. Trình bày Biên bản và Nghị quyết Đại hội

Ông Nguyễn Ngọc Tuấn - Trưởng Ban Thư ký Đại hội trình bày Biên bản và Nghị quyết Đại hội.

Đại hội biểu quyết và nhất trí thông qua toàn văn Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 với tỷ lệ biểu quyết tán thành đạt 100%.

#### 2. Phát biểu bế mạc Đại hội

Vào lúc 11 giờ 30 cùng ngày, ông Nguyễn Trọng Oánh - Chủ tọa Đại hội đã tuyên bố bế mạc Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi.

Biên bản này được lập thành 02 bản và được lưu tại Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi./.

**Nơi nhận:**

- ĐHĐCĐ thường niên 2020;
- HĐQT;
- Ban KS;
- Lưu: VT, HCLĐ.



**CHỦ TỌA ĐẠI HỘI**

**Nguyễn Trọng Oánh**

**THƯ KÝ ĐẠI HỘI**

**Trịnh Quang Tiến Phước**

**Nguyễn Ngọc Tuấn**



**EVNHPC DHD**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐA NHIM - HÀM THUẬN - ĐA MI**

Địa chỉ: 80A Trần Phú, Bảo Lộc, Lâm Đồng  
Điện thoại: 02633.728171 - Fax: 02633.866457  
Email: [trusochinh@dhd.com.vn](mailto:trusochinh@dhd.com.vn)

Trang: 6/6

**NGHỊ QUYẾT**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020**

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐA NHIM - HÀM THUẬN - ĐA MI**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

Căn cứ Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi ngày 22/05/2020,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua kết quả hoạt động SXKD - Tài chính - ĐTXD năm 2019 và kế hoạch SXKD - Tài chính - ĐTXD năm 2020 của Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi, bao gồm một số chỉ tiêu cơ bản như sau:

**1. Kết quả hoạt động SXKD - Tài chính - ĐTXD năm 2019**

Nội dung	Thực hiện	Đơn vị tính
- Sản lượng điện sản xuất	2.669,8	Tr.kWh
- Sản lượng điện thương phẩm	2.651,0	Tr.kWh
- Tổng doanh thu	2.253.238	Triệu đồng
- Tổng chi phí	978.332	Triệu đồng
- Lợi nhuận trước thuế	1.274.906	Triệu đồng
- Lợi nhuận sau thuế	1.047.756	Triệu đồng
- Cổ tức	24	%
- Đầu tư xây dựng - ĐTPT	961.785	Triệu đồng

## 2. Kế hoạch SXKD - Tài chính - ĐTXD năm 2020

Nội dung	Kế hoạch	Đơn vị tính
- Sản lượng điện sản xuất	2.571,12	Tr.kWh
- Sản lượng điện thương phẩm	2.543,13	Tr.kWh
- Tổng doanh thu	1.859.098	Triệu đồng
- Tổng chi phí	1.091.431	Triệu đồng
- Lợi nhuận trước thuế	767.667	Triệu đồng
- Lợi nhuận sau thuế	614.079	Triệu đồng
- Cổ tức	14	%
- Đầu tư xây dựng - ĐTPT	139.414	Triệu đồng

**Điều 2.** Thông qua Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG.

**Điều 3.** Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi về tình hình quản lý Công ty năm 2019 và kế hoạch hoạt động năm 2020.

**Điều 4.** Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

**Điều 5.** Thông qua lựa chọn Công ty TNHH KPMG thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020.

**Điều 6.** Thông qua tiền lương, thù lao thực hiện năm 2019 và tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2020 của HĐQT và Ban kiểm soát, chi tiết như sau:

- Thực hiện năm 2019: 1.682.324.000 đồng.

- Kế hoạch năm 2020: 1.681.248.000 đồng.

**Điều 7.** Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2019:

(ĐVT: Đồng)

STT	Nội dung	Số tiền (đ)	Tỷ lệ (%)
1	Lợi nhuận sau thuế	1.047.755.523.997	
2	Lợi nhuận các năm trước để lại	15.832.885.383	
<b>3</b>	<b>Phân phối lợi nhuận</b>	<b>1.063.588.409.380</b>	<b>100,00</b>
3.1	Cổ tức (24%)	1.013.760.000.000	95,32
	<i>Trong đó: Đã tạm ứng 12%</i>	<i>506.880.000.000</i>	
3.2	Quỹ Đầu tư phát triển	0	

3.3	Quỹ thưởng Ban điều hành	515.649.000	0,05
3.4	Quỹ Khen thưởng phúc lợi	15.478.178.750	1,45
3.5	Lợi nhuận để lại	<b>33.834.581.630</b>	3,18

**Điều 8.** Thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung khoản 11, điều 20 của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

**Điều 9.** Thông qua nội dung sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

**Điều 10.** Điều khoản thi hành

Tất cả cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này theo chức năng nhiệm vụ của mình, phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi.

Nghị quyết có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- ĐHĐCĐ thường niên 2020;
- HĐQT;
- Ban KS;
- Lưu: VT, HCLĐ.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỌA - CHỦ TỊCH HĐQT**



**Nguyễn Trọng Oánh**

## BÁO CÁO

### Kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2019 và Kế hoạch năm 2020

#### Phần I

#### KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM 2019

##### I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

###### 1. Tình hình thiết bị

- Hệ thống công trình, thiết bị và các tổ máy phát điện được kiểm tra, bảo dưỡng và sửa chữa theo đúng kế hoạch, đảm bảo vận hành an toàn, đáp ứng yêu cầu của Hệ thống điện.

- Tổ máy phát điện số 5 - Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim đã đưa vào vận hành thương mại 45 MW từ ngày 22/04/2019.

- Nhà máy điện mặt trời Đa Mi đã đưa vào vận hành thương mại từ ngày 01/06/2019, sớm hơn một tháng so với kế hoạch.

- Một số thiết bị còn nhiều tiềm ẩn, nguy cơ xảy ra hiện tượng bất thường, đặc biệt là hệ thống máy phát, điều khiển, điều tốc, kích từ nhà máy Đa Mi và Sông Pha.

###### 2. Tình hình thủy văn

- Hồ Đơn Dương: Tình hình thủy văn không thuận lợi, trong tháng 01/2019 phải xả điều tiết với tổng lượng nước là 35,64 triệu m<sup>3</sup> nhưng từ giữa tháng 11/2019 đến 31/12/2019 trên lưu vực hồ chứa không mưa (mùa lũ từ tháng 8 đến tháng 12 hàng năm), lưu lượng nước về hồ giảm, tần suất nước về trong tháng 12/2019 chỉ đạt 84,34%; lưu lượng bình quân nước về là 20,80m<sup>3</sup>/s, thấp hơn TBNN; MNH cuối năm là 1039,29m, thấp hơn MNDBT là 2,7m.

- Hồ Hàm Thuận: Lưu lượng bình quân nước về là 50,11m<sup>3</sup>/s, thấp hơn TBNN, MNH cuối năm là 603,21m, thấp hơn MNDBT là 1,79m.

Chi tiết như sau:

Nội dung	ĐVT	Hồ Đơn Dương		Hồ Hàm Thuận	
		2018	2019	2018	2019
Lưu lượng nước vào hồ	m <sup>3</sup> /s	19,94	20,80	61,34	50,11

Lưu lượng nước chạy máy	m <sup>3</sup> /s	17,82	20,03	61,83	44,72
Lưu lượng nước xả bình quân	m <sup>3</sup> /s	1,88	1,13	3,51	0,85 <sup>1</sup>
Tổng lượng nước xả qua đập	tr.m <sup>3</sup>	60,50	35,64	111,54	26,96
Mức nước hồ đầu kỳ	m	1042,00	1041,90	603,49	597,84
Mức nước hồ cuối kỳ	m	1041,90	1039,29	597,84	603,21

## II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

### 1. Công tác vận hành sản xuất điện

Kế hoạch sản lượng năm 2019 là 2.665 triệu kWh, thực hiện 2.669,8 triệu kWh, đạt 100,18% kế hoạch. Chi tiết như sau:

Nội dung	KH 2019	TH 2019	TH 2018	TH/KH (%)	SS 2018 (%)
	(1)	(2)	(3)	(2)/(1)	(2)/(3)
<b>Sản lượng điện sản xuất (Tr.kWh)</b>	<b>2.665</b>	<b>2.669,8</b>	<b>3.069,8</b>	<b>100,18</b>	<b>86,97</b>
Đa Nhim - Sông Pha - Đa Nhim MR	1.090	1.177,8	1.048,1	108,06	112,37
Hàm Thuận - Đa Mi	1.543	1.451,4	2.021,7	94,06	71,79
Điện mặt trời Đa Mi	32	40,5	-	126,56	-
<b>Sản lượng điện thương phẩm (Tr.kWh)</b>	<b>2.640</b>	<b>2.651,0</b>	<b>3.048,8</b>	<b>100,42</b>	<b>86,95</b>
Đa Nhim - Sông Pha - Đa Nhim MR	1.080	1.168,5	1.040,4	108,19	112,31
Hàm Thuận - Đa Mi	1.529	1.442,3	2.008,4	94,34	71,81
Điện mặt trời Đa Mi	31	40,2	-	129,68	-
<b>Tỉ lệ điện tự dùng (%SLĐ)</b>	<b>0,99</b>	<b>0,80</b>	<b>0,74</b>	<b>80,81</b>	<b>108,11</b>
<b>Hệ số khả dụng (%)</b>	<b>96,21</b>	<b>96,98</b>	<b>95,27</b>	<b>100,80</b>	<b>101,79</b>
<b>Tỉ lệ ngừng máy bảo dưỡng theo kế hoạch (%)</b>	<b>3,29</b>	<b>2,99</b>	<b>4,72</b>	<b>90,88</b>	<b>63,35</b>
<b>Tỉ lệ ngừng máy do sự cố (%)</b>	<b>0,50</b>	<b>0,02</b>	<b>0,01</b>	<b>4,00</b>	<b>200,00</b>

### 2. Sửa chữa lớn

Trong năm 2019, Công ty thực hiện hoàn thành 15/16 hạng mục với giá trị là 55.369/65.487 triệu đồng, đạt 84,58% kế hoạch năm.

Giá trị thực hiện thấp hơn kế hoạch do tiết giảm chi phí trong quá trình đấu thầu lựa chọn nhà thầu, chưa thay thế Hệ thống điều tốc H4 Sông Pha (khoảng 4.000 triệu đồng) và không thực hiện hạng mục SCL các xe ô tô (330 triệu đồng).

<sup>1</sup> Duy trì dòng chảy tối thiểu sau đập Hàm Thuận.

(Phụ lục I: Tình hình thực hiện kế hoạch sửa chữa lớn tài sản cố định năm 2019)

### 3. Công tác cung cấp dịch vụ

Công ty và Trung tâm đã thực hiện ký kết 35 hợp đồng dịch vụ kỹ thuật. Tổng giá trị hợp đồng đã ký kết khoảng 27,67 tỉ đồng (bao gồm 10% thuế VAT), giá trị doanh thu trong năm đạt khoảng 15,54 tỉ đồng. Giá trị được thanh toán trong năm 2019 và thu hồi nợ từ các hợp đồng đã thực hiện trong các năm trước khoảng 15,257 tỉ đồng.

### 4. Đầu tư phát triển

Giá trị thực hiện trong năm là 61.667/72.220 triệu đồng, đạt 85,39% kế hoạch năm.

Giá trị giải ngân thấp hơn kế hoạch do có 2 hạng mục không thực hiện (xe ô tô 2 chỗ ngồi và tải gắn cầu nâng người làm việc trên cao) và tiết giảm chi phí trong quá trình đấu thầu lựa chọn nhà thầu.

(Phụ lục II: Tình hình thực hiện kế hoạch mua sắm tài sản cố định bằng nguồn vốn DTPT năm 2019)

### 5. Hoạt động sản xuất kinh doanh

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	TH/KH (%)
<b>I.</b>	<b>Hoạt động sản xuất điện</b>				
1.	Doanh thu (bao gồm lãi tiền gửi)	Tr.đồng	1.687.554	2.215.055	131,26
2.	Chi phí (bao gồm lỗ chênh lệch tỉ giá)	Tr.đồng	1.015.381	959.051	94,45
3.	Lợi nhuận SXKD điện	Tr.đồng	672.173	1.256.004	186,86
<b>II.</b>	<b>Hoạt động tài chính (không lãi vay)</b>				
1.	Doanh thu	Tr.đồng	20.309	20.087	98,91
2.	Chi phí	Tr.đồng	-	-	-
3.	Lợi nhuận	Tr.đồng	20.309	20.087	98,91
<b>III.</b>	<b>Hoạt động SX kinh doanh khác</b>				
1.	Doanh thu	Tr.đồng	10.133	18.095	178,57
2.	Chi phí	Tr.đồng	9.315	19.280 <sup>2</sup>	206,98
3.	Lợi nhuận	Tr.đồng	818	(1.185)	(145,0)

<sup>2</sup> Chi phí hoạt động SX kinh doanh khác tăng do Công ty tiến hành hạch toán chi phí thực hiện giải pháp phát điện Tổ máy số 5 Dự án mở rộng NMTĐ Đa Nhim với số tiền 6,04 tỷ đồng vào khoản mục chi phí khác trong năm 2019 theo chỉ đạo tại Văn bản số 393/EVNGENCO1-TH ngày 10/10/2019 của Tổng công ty Phát điện 1.

<b>IV.</b>	<b>Tổng lợi nhuận (I)+(II)+(III)</b>	Tr.đồng	<b>693.300</b>	<b>1.274.906</b>	<b>183,98</b>
<b>V.</b>	<b>Tỉ lệ cổ tức</b>	<b>%</b>	<b>12</b>	<b>24</b>	<b>200,0</b>

(Phụ lục III: Tổng hợp tình hình thực hiện kế hoạch tài chính năm 2019 và kế hoạch năm 2020)

### **III. CÔNG TÁC ĐẦU TƯ**

#### **1. Tóm tắt giải ngân của 3 dự án**

Đơn vị tính: Triệu đồng

<b>TT</b>	<b>Dự án</b>	<b>Kế hoạch</b>	<b>Thực hiện</b>	<b>Tỉ lệ (%)</b>
1	Mở rộng NMTĐ Đa Nhim	269.221	199.543	74,12
2	Nhà máy điện mặt trời Đa Mi	721.311	700.575	97,13
3	Mở rộng NMTĐ Đa Nhim (giai đoạn 2)	2.271	0	0
	<b>Tổng cộng</b>	<b>992.803</b>	<b>900.118</b>	<b>90,66</b>

#### **2. Tình hình thực hiện**

##### **a) Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim**

Đã hoàn thành các thủ tục để đưa Tổ máy số 5 của Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim vào vận hành thương mại 45MW từ ngày 22/4/2019 và sản lượng điện đã phát lên lưới đến ngày 31/12/2019 là 154,5 triệu kWh. Trong đó, sản lượng điện phát được kể từ ngày vận hành thương mại đến 31/12/2019 là 144 triệu kWh, đạt 145% so với thiết kế (SLĐ thiết kế là 99 triệu kWh tương ứng công suất 80MW).

Tuy nhiên, do hiện tượng bất thường của địa chất đã gây sụt trượt bùn đất vào hầm nên phải tạm dừng thi công đào hầm từ ngày 23/03/2019 đến 06/02/2020. Trong thời gian này, các bên nỗ lực xử lý và hoàn thiện thủ tục chuyển phương án thi công từ khoan hầm bằng TBM sang khoan nổ và đã tiến hành khoan từ ngày 06/02/2020. Đến ngày 29/2/2020, chiều dài đào hầm bằng khoan nổ phía thượng lưu được 30,55m/929m và hoàn thành công tác tháo hệ thống phụ trợ TBM. Nhà thầu tiếp tục thi công khoan nổ phía thượng lưu và tháo thiết bị chính TBM phía hạ lưu.

Đã hoàn thành Báo cáo quyết toán giai đoạn 1 và trình Tổng công ty Phát điện 1 trong tháng 12/2019.

##### **b) Dự án nhà máy điện mặt trời Đa Mi**

Hoàn thành và đưa vào vận hành thương mại từ 01/06/2019; hoàn thành Báo cáo quyết toán giai đoạn 1 và trình Tổng công ty Phát điện 1 trong tháng 11/2019.

Trong năm 2019, Nhà máy điện mặt trời sản xuất được khoảng 40,5 triệu kWh, đạt 126,6% so với kế hoạch và đạt 108,9% so thiết kế; hiệu suất trung bình PR là 83,7% cao hơn thiết kế (PR thiết kế là 81,43%).

##### **c) Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim - Giai đoạn 2**

Trong năm 2019, tạm dừng nghiên cứu theo ý kiến của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Ninh Thuận. Công ty sẽ tiếp tục giải trình với các cơ quan địa phương để xin chủ trương thực hiện dự án.

(Phụ lục IV: Tình hình thực hiện kế hoạch ĐTXD năm 2019)

## Phần II

### PHƯƠNG HƯỚNG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN SXKD, ĐẦU TƯ DÀI HẠN

- Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim: Hoàn thành hạng mục đào hầm và phát điện với công suất 80MW vào quý 3/2021.
- Cải tạo, nâng cấp hệ thống thiết bị các nhà máy Đa Mi, Đa Nhim và Sông Pha.
- Nghiên cứu, đầu tư Dự án mở rộng nhà máy điện mặt trời Đa Mi - giai đoạn 2 với công suất 100MW.
- Nghiên cứu, hoàn thiện hồ sơ bổ sung quy hoạch Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim - giai đoạn 2.

## Phần III

### PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2020

#### I. CÁC CHỈ TIÊU VỀ KỸ THUẬT

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch
<b>1.</b>	<b>Sản lượng điện sản xuất (Tr. kWh)</b>	<b>2.571,12</b>
	<i>Đa Nhim - Sông Pha - Đa Nhim MR</i>	<i>1.058,57</i>
	<i>Hàm Thuận - Đa Mi</i>	<i>1.443,05</i>
	<i>Điện mặt trời Đa Mi</i>	<i>69,50</i>
<b>2.</b>	<b>Sản lượng điện thương phẩm (Tr. kWh)</b>	<b>2.543,13</b>
	<i>Đa Nhim - Sông Pha - Đa Nhim MR</i>	<i>1.045,70</i>
	<i>Hàm Thuận - Đa Mi</i>	<i>1.428,63</i>
	<i>Điện mặt trời Đa Mi</i>	<i>68,80</i>
<b>3.</b>	<b>Tỉ lệ tổn thất và tự dùng (%SLĐ)</b>	<b>0,99</b>
<b>4.</b>	<b>Hệ số khả dụng (%)</b>	<b>96,57</b>
<b>5.</b>	<b>Tỉ lệ ngừng máy bảo dưỡng theo kế hoạch (%)</b>	<b>2,93</b>
<b>6.</b>	<b>Tỉ lệ ngừng máy do sự cố (%)</b>	<b>0,50</b>

(Phụ lục V: Tổng hợp kế hoạch sản xuất điện năm 2020)

## II. CÔNG TÁC SỬA CHỮA LỚN

Trong năm 2020, Công ty đăng ký 14 hạng mục, công trình với tổng giá trị là 45.388 triệu đồng. Trong đó, hạng mục phân bổ chi phí bánh xe công tác cho tổ máy H1 và H3 Đa Nhim là 5.067 triệu đồng (Phân bổ từ 2017-2020).

(Phụ lục VI: Kế hoạch sửa chữa lớn TSCĐ năm 2020)

## III. CÔNG TÁC ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN

Trong năm 2020, Công ty đăng ký 14 hạng mục (13 hạng mục đăng ký mới và 01 hạng mục chuyển tiếp từ năm 2019) với tổng giá trị là 30.927 triệu đồng.

(Phụ lục VII: Kế hoạch mua sắm TSCĐ bằng nguồn vốn ĐTPT năm 2020)

## IV. HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Công ty đăng ký kế hoạch sản xuất kinh doanh theo các chỉ tiêu chính như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch
<b>I.</b>	<b>Hoạt động sản xuất điện</b>		
1.	Doanh thu (đã bao gồm lãi tiền gửi)	Tr.đồng	1.840.311
2.	Chi phí (bao gồm lỗ chênh lệch tỉ giá)	Tr.đồng	1.082.380
3.	Lợi nhuận SXKD điện	Tr.đồng	757.931
<b>II.</b>	<b>Hoạt động tài chính (không lãi vay)</b>		
1.	Doanh thu	Tr.đồng	8.730
2.	Chi phí	Tr.đồng	-
3.	Lợi nhuận	Tr.đồng	8.730
<b>III.</b>	<b>Hoạt động SX kinh doanh khác (SX khác, dịch vụ, thu nhập khác)</b>		
1.	Doanh thu	Tr.đồng	10.057
2.	Chi phí	Tr.đồng	9.051
3.	Lợi nhuận	Tr.đồng	1.006
<b>IV.</b>	<b>Tổng lợi nhuận (I)+(II)+(III)</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>767.667</b>
<b>V.</b>	<b>Tỉ lệ cổ tức</b>	<b>%</b>	<b>14</b>

(Phụ lục III: Tổng hợp tình hình thực hiện kế hoạch tài chính năm 2019 và kế hoạch năm 2020)

## V. CÔNG TÁC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

### 1. Dự án mở rộng NMTĐ Đa Nhim:

Kế hoạch giải ngân là 91.377 triệu đồng.

## **2. Dự án nhà máy điện mặt trời Đa Mi:**

Kế hoạch giải ngân là 17.110 triệu đồng chủ yếu là thực hiện công tác bảo hành các gói thầu chính của dự án và đánh giá hiệu suất nhà máy sau 1 năm vận hành.

*(Phụ lục VIII: Kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2020)*

## **VI. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP**

### **1. Mục tiêu**

- Đảm bảo hệ thống công trình, thiết bị và các tổ máy phát điện vận hành an toàn, ổn định, hiệu quả;
- Hoàn thành kế hoạch doanh thu, chi phí, lợi nhuận, tỉ lệ cổ tức, chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật, tài chính, năng suất lao động;
- Vận hành khai thác tối ưu các hồ chứa và đảm bảo cấp nước hạ du;
- Thi công hoàn thành các hạng mục còn lại của Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim và phát điện tổ máy H5 với công suất 80 MW trong quý 3/2021; quyết toán Dự án nhà máy điện mặt trời Đa Mi trong năm 2020;
- Nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và đảm bảo thu nhập cho người lao động.

### **2. Nhiệm vụ và giải pháp**

#### **2.1. Nhiệm vụ**

- Cập nhật, hiệu chỉnh và bổ sung các quy trình, quy định, hướng dẫn công việc đối công tác quản lý vận hành, sửa chữa bảo dưỡng và kỹ thuật, an toàn;
- Tiếp tục củng cố và nâng cao kỷ luật vận hành, sửa chữa đảm bảo các thiết bị, tổ máy vận hành ổn định, an toàn, tin cậy và hiệu quả;
- Xây dựng kế hoạch kiểm tra, bảo dưỡng thiết bị, tổ máy hợp lý để thuận lợi trong việc chào giá nhằm tăng doanh thu đồng thời đảm bảo tiến độ sửa chữa để thiết bị vận hành an toàn, ổn định;
- Hoàn thành các chỉ tiêu theo chương trình thực hành tiết kiệm và chống lãng phí năm 2020 theo kế hoạch 5 năm (2016-2020);
- Tiếp tục nâng cao chất lượng đào tạo, xây dựng đội ngũ nhân lực kế thừa, năng lực quản trị và chất lượng nguồn nhân lực, đảm bảo đáp ứng nhu cầu trong các lĩnh vực hoạt động của Công ty;
- Bảo vệ tốt môi trường, an toàn trong lao động; không để xảy ra sự cố cháy nổ, tai nạn trong lao động;
- Hoàn thành công tác khoan nổ đạt 847/929m đường hầm trong năm 2020 và mục tiêu hoàn thành toàn bộ Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim chậm nhất trong quý 3/2021;

- Hoàn thiện các quy chế, quy định áp dụng trong công tác quản trị nội bộ, đẩy mạnh công tác quản lý và giám sát trong quá trình hoạt động của Công ty.

## **2.2. Giải pháp**

**a) Tăng cường kỷ luật trong công tác quản lý vận hành, kỹ thuật, đảm bảo các tổ máy phát điện sẵn sàng phát điện, hoàn thành kế hoạch doanh thu và lợi nhuận**

- Phân công, theo dõi chặt chẽ tình trạng hệ thống thiết bị, công trình; có biện pháp ngăn ngừa hiệu quả các nguy cơ xảy ra sự cố; chuẩn bị đầy đủ vật tư dự phòng và các phương án xử lý sự cố; xử lý nhanh chóng, chính xác các sự cố khách quan, hạn chế đến mức thấp nhất các sự cố chủ quan;

- Rà soát, cập nhật và hoàn thiện các phương án kỹ thuật đối với công tác bảo dưỡng, sửa chữa lớn, cải tạo, nâng cấp; tổ chức đấu thầu mua sắm kịp thời, đảm bảo số lượng và chất lượng theo yêu cầu. Nâng cao chất lượng SCL từ giai đoạn khảo sát, lập PAKT, lập kế hoạch đến giai đoạn nghiệm thu vận hành; thực hiện tốt lịch kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa, hệ thống thiết bị, công trình...;

- Nghiên cứu, đánh giá chất lượng, kiểm định năng lượng đối với thiết bị, tổ máy đặc biệt đối với các thiết bị đã vận hành trên 10 năm để có kế hoạch cải tạo, nâng cấp phù hợp nhằm vận hành ổn định lâu dài;

- Nghiên cứu kỹ các quy định về vận hành thị trường điện; hệ thống truyền tải, phân phối, trào lưu công suất, nhu cầu của phụ tải, tình trạng các nhà máy điện...; vận dụng linh hoạt các quy định phù hợp với điều kiện thực tế để đạt doanh thu, lợi nhuận cao nhất;

- Thường xuyên trao đổi và phối hợp A0 để kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc; nghiên cứu, xây dựng các bản chào khoa học, tối ưu nhất về doanh thu, lợi nhuận và kết hợp các công tác khác có liên quan đến thiết bị;

- Phối hợp chặt chẽ với A0, các địa phương trong công tác vận hành, khai thác hồ chứa, đảm bảo hiệu quả cao nhất trong công tác phát điện và cấp nước hạ du, tích nước hồ chứa đạt mực nước cao nhất vào cuối năm.

**b) Thực hiện tốt công tác nâng cao hiệu quả SXKD và NSLĐ, tối ưu hóa chi phí**

- Quản lý chặt chẽ lực lượng lao động; bố trí, phân bổ lực lượng lao động hợp lý, phù hợp với công việc để nâng cao năng suất lao động và hiệu quả trong sản xuất kinh doanh. Hoàn chỉnh các quy định, hướng dẫn để trả lương theo 3P;

- Tổ chức triển khai thực hiện đề án nâng cao độ tin cậy và hiệu quả vận hành các tổ máy phát điện nhằm tăng hiệu quả vận hành tối đa của thiết bị và giảm chi phí trong BDSC; áp dụng sửa chữa theo RCM;

- Thực hiện tiết kiệm chi phí trong sản xuất; tổ chức mua sắm tập trung; tổ chức đấu thầu/chào hàng rộng rãi qua mạng, hạn chế tối đa chỉ định thầu hoặc mua sắm trực tiếp trong công tác đấu thầu mua sắm VTTB;

- Xây dựng định mức VTTB dự phòng cho sản xuất điện, sử dụng hiệu quả VTTB tồn kho;

- Kiểm soát chặt chẽ chi phí và sử dụng hiệu quả dòng tiền;

- Tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ trong công tác quản lý và dây chuyền sản xuất.

**c) Xây dựng lực lượng nhân lực kế thừa, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và năng lực quản trị của Công ty**

- Thực hiện tốt công tác quy hoạch cán bộ, xây dựng kế hoạch đào tạo và tuyển dụng nhằm đáp ứng nhu cầu trong các lĩnh vực hoạt động của Công ty;

- Tổ chức đào tạo chuyên gia trong các lĩnh vực khác nhau, có năng lực giải quyết công việc ở nhiều lĩnh vực mới và phức tạp;

- Tổ chức đánh giá hiệu quả công việc theo hệ thống KPI đã xây dựng.

**d) Hoàn thiện công tác quản trị nội bộ, thực hiện tốt công tác AT-VSLĐ, PCCN, BVMT, PCTT&TKCN, ANTT**

- Cập nhật, hiệu chỉnh Quy chế quản trị và các quy định nội bộ dựa trên các quy chế, quy định của EVN, Tổng công ty Phát điện 1;

- Cập nhật, nghiên cứu và triển khai thực hiện các văn bản pháp luật về công tác quản lý hồ chứa, PCCN, bảo vệ môi trường;

- Tổ chức kiểm tra, bảo dưỡng toàn bộ hệ thống thiết bị, công trình; phối hợp chặt chẽ với các BCH PCTT&TKCN tỉnh Lâm Đồng và Bình Thuận thực hiện tốt kế hoạch công tác PCTT&TKCN hàng năm;

- Phối hợp với cơ quan công an, quân sự địa phương tổ chức thực hiện tốt kế hoạch bảo vệ, đảm bảo an ninh, trật tự trong khu vực và an toàn cho công trình;

- Thực hiện rà soát, hiệu chỉnh, sửa đổi và ban hành mới các quy chế, quy định, quy trình, hướng dẫn công việc theo yêu cầu nhiệm vụ và đúng quy định của ngành và pháp luật hiện hành. Nghiêm túc thực hiện các quy định quản lý nội bộ của Công ty và quy định của pháp luật.

**e) Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim**

Để đạt mục tiêu hoàn thành toàn bộ Dự án chậm nhất trong quý 3/2021, cần thực hiện các giải pháp như sau:

+ Hoán đổi tiến độ thi công một số hạng mục theo điều kiện thực tế: Gia cố vỏ hầm, Phun vữa, Tháp điều áp, Bể đá...;

+ Yêu cầu TVGS có giải pháp khả thi hỗ trợ nhà thầu đẩy nhanh tiến độ thi công đào bằng biện pháp khoan nổ như tối ưu thời gian bốc xúc với các công việc khác trong một chu trình đào; chọn vị trí ngách tránh xe hợp lý để giảm thời gian chuyển vật liệu, vật tư, thiết bị ra khỏi hầm; đẩy nhanh tiến độ tháo TBM để sớm thi công gương đào phía hạ lưu...;

+ Yêu cầu Nhà thầu tập trung đầy đủ máy móc thiết bị (phải có cả dự phòng), nhân lực đủ kinh nghiệm;

+ Tổ chức đàm phán với Nhà thầu thi công và TVGS để ký kết các phụ lục hợp đồng liên quan sau khi chuyển sang biện pháp thi công bằng khoan nổ;

+ Báo cáo và xin bổ sung chi phí TVGS từ nguồn vốn dự phòng trong Hiệp định vay;

+ Gia hạn Hiệp định để đảm bảo nguồn vốn và hiệu quả của Dự án.

#### **f) Dự án nhà máy điện mặt trời Đa Mi**

Hoàn tất hồ sơ quyết toán các hạng mục còn lại và thực hiện quyết toán Dự án trong năm 2020.

Trên đây là toàn bộ báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, đầu tư năm 2019 và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm 2020 của Công ty.

Trân trọng./.

#### **Nơi nhận:**

- ĐHĐCĐ thường niên 2020;
- HĐQT (để b/c);
- Các Phó Tổng giám đốc;
- Ban KS;
- Lưu: VT, KHVT.

#### **TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Lê Văn Quang**

**Phụ lục I:**  
**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬA CHỮA LỚN TSCĐ NĂM 2019**  
(Kèm theo báo cáo số 509/BC-TĐĐHĐ ngày 20/ 5 /2020)

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

TT	Hạng mục công trình	KH 2019	TH 2019	Ghi chú
	<b>SỬA CHỮA LỚN</b>	<b>65.487</b>	<b>55.369</b>	
	<b>Thiết bị công nghệ</b>	<b>46.025</b>	<b>39.624</b>	
1	Đại tu tổ máy H2 Hàm Thuận	3.703	3.301	Hoàn tất
2	Đại tu tổ máy H3 Đa Nhim	4.430	2.369	Hoàn tất
3	Đại tu tổ máy H2 Sông Pha	6.944	7.072	Hoàn tất
4	Đại tu tổ máy H4 Sông Pha	6.873	3.614	Hoàn tất
5	Trung tu hệ thống thiết bị Đập tràn và Cửa nhận nước Hàm Thuận	1.323	772	Hoàn tất
6	Trung tu hệ thống thiết bị Đập tràn và Cửa nhận nước Đa Nhim	1.160	786	Hoàn tất
7	Trung tu hệ thống thiết bị cầu trục gian máy, máy công cụ máy lọc dầu Đa Nhim - Sông Pha	800	790	Hoàn tất
8	Trung tu xuất tuyến 230kV - 110kV Hàm Thuận - Đa Mi	2.254	2.360	Hoàn tất
9	Phân bổ chi phí BXCT	18.538	18.560	Hoàn tất
	<b>Công trình thủy công và xây dựng</b>	<b>19.462</b>	<b>15.745</b>	
10	Sửa chữa công trình thủy công và kiến trúc nhà máy thủy điện Hàm Thuận và Đa Mi	4.035	3.733	Hoàn tất
11	Sửa chữa công trình thủy công khu vực đập Đơn Dương	5.757	5.352	Hoàn tất
12	Sửa chữa Công trình nhà TTDVKT, nhà trực vận hành và sửa chữa khu vực Đa Nhim - Sông Pha	2.000	3.031	Hoàn tất
13	Sửa chữa công trình nhà trực vận hành khu vực Hàm Thuận - Đa Mi	1.829		Hoàn tất
14	Khảo sát, lập phương án xử lý nền tuyến đường ống áp lực nhà máy thủy điện Đa Nhim và Sông Pha	4.800	3.031	Hoàn tất
15	Xử lý sạt lở mái taluy âm ngã 3 đường vào giếng điều áp và nhà van công trình thủy điện Đa Nhim	711	598	Hoàn tất
16	Sửa chữa lớn các xe ô tô	330		Không thực hiện

**Phụ lục II:**  
**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH MUA SẮM TSCĐ BẰNG NGUỒN VỐN ĐTPT NĂM 2019**  
 (Kèm theo báo cáo số 509/BC-TĐĐHĐ ngày 20/ 5 /2020)

*ĐVT: Triệu đồng*

TT	Hạng mục công trình	ĐVT	KH 2019	TH 2019	Ghi chú
	<b>Đầu tư phát triển</b>		<b>72.220</b>	<b>61.667</b>	
<b>A</b>	<b>Hạng mục chuyển tiếp năm 2018</b>		<b>1.700</b>	<b>800</b>	
1	Hệ thống xả, giám sát dòng chảy tối thiểu sau đập Hàm Thuận	HT	1.700	800	Hoàn thành
<b>B</b>	<b>Hạng mục đăng ký mới năm 2019</b>		<b>70.520</b>	<b>60.867</b>	
1	Nâng cấp hệ thống giám sát trực tuyến H1 Hàm Thuận	HT	3.100	3.070	Hoàn thành
2	Nâng cấp hệ thống kích từ tổ máy H2 Hàm Thuận	HT	13.600	13.355	Hoàn thành
3	Nâng cấp hệ thống điều khiển tổ máy H2 Hàm Thuận	HT	19.500	19.245	Hoàn thành
4	Nâng cấp hệ thống điều tốc tổ máy H2 Hàm Thuận	HT	13.620	13.526	Hoàn thành
5	Thiết bị kiểm tra cảm biến độ rung, độ đảo	Bộ	700	600	Hoàn thành
6	Xe tải gắn gầu nâng người làm việc trên cao	Xe	1.000		Không thực hiện
7	Hệ thống chuyển đổi nguồn tự động cho Nhà máy Thủy điện Đa Nhim	HT	1.300	816	Hoàn thành
8	Hệ thống giám sát lưu lượng chạy máy (2 hệ thống)	HT	2.600	1.527	Hoàn thành
9	Nâng cấp hệ thống đo mưa khu vực hồ Hàm Thuận	HT	1.500	865	Hoàn thành
10	Hệ thống camera bảo vệ khu vực Đa Mi	HT	2.500	2.405	Hoàn thành
11	Nâng cấp, thay thế Relay bảo vệ thanh cái trạm 230kV Đa Nhim	HT	3.000	2.233	Hoàn thành
12	Hợp bộ máy cắt đầu cực Nhà máy Hàm Thuận	Bộ	6.250	2.235	Hạng mục này thực hiện trong 2 năm (2019-2020). Trong năm 2019 tạm ứng 25% (2,235 triệu đồng), phần còn lại giải ngân trong năm 2020. Đã thanh toán tạm ứng
13	Xe ô tô 16 chỗ ngồi	Xe	900	719	Hoàn thành
14	Xe tải nhỏ 02 chỗ ngồi (2 xe)	Xe	600		Không thực hiện
15	Ca nô (3-5 chỗ ngồi)	Chiếc	350	271	Hoàn thành

Ghi chú: Giá trên chưa bao gồm thuế VAT

**Phụ lục III:**  
**TỔNG HỢP KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH NĂM 2019 - KẾ HOẠCH NĂM 2020**  
(Kèm theo báo cáo số 509 /BC-TĐĐHĐ ngày 20 / 05 /2020)

TT	Nội dung	ĐVT	KH 2019	TH 2019	Tỉ lệ (%)	KH 2020
<b>I</b>	<b>Hoạt động sản xuất điện</b>					
1	Doanh thu (bao gồm lãi tiền gửi)	Tr.đồng	1.687.554	2.215.055	131,26	1.840.311
2	Chi phí (bao gồm các khoản tăng giảm giá điện)	Tr.đồng	1.015.381	959.051	94,45	1.082.380
3	Lợi nhuận SXKD điện (bao gồm lãi vay HT vào CP SXKD điện)	Tr.đồng	672.173	1.256.004	186,86	757.931
<b>III</b>	<b>Hoạt động tài chính (không lãi vay)</b>					
1	Doanh thu	Tr.đồng	20.309	20.087	98,91	8.730
2	Chi phí	Tr.đồng	0	0		0
3	Lợi nhuận	Tr.đồng	20.309	20.087	98,91	8.730
<b>III</b>	<b>Hoạt động sản xuất kinh doanh khác (SX khác, dịch vụ, thu nhập khác)</b>					
1	Doanh thu	Tr.đồng	10.133	18.095	178,57	10.057
2	Chi phí	Tr.đồng	9.315	19.280	206,98	9.051
3	Lợi nhuận HĐ khác	Tr.đồng	818	-1.185	-144,87	1.006
<b>IV</b>	<b>Tổng cộng lợi nhuận</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>693.300</b>	<b>1.274.906</b>	183,89	<b>767.667</b>
<b>V</b>	<b>Tỉ lệ cổ tức</b>	<b>%</b>	<b>12</b>	<b>24</b>	200,00	<b>14</b>

Chi tiết Kế hoạch tài chính năm 2019 - Kế hoạch năm 2020 theo Phụ lục III.1

**Phụ lục III.1:**  
**CHI TIẾT KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH NĂM 2019 - KẾ HOẠCH NĂM 2020**  
(Kèm theo báo cáo số 509/BC-TĐĐHĐ ngày 20 / 5 /2020)

TT	Nội dung	ĐVT	KH 2019	TH 2019	KH 2020
1	Sản lượng điện sản xuất	Tr.kWh	2.664,5	2.669,7	2.571
	Thủy điện	Tr.kWh			2.502
	Điện mặt trời	Tr.kWh			69,5
2	Tự dùng	Tr.kWh	24,7	18,7	25,7
3	Sản lượng điện giao, bán cho EVN		-	-	-
4	Sản lượng điện thương phẩm	Tr.kWh	2.640	2.651,0	2.545,3
5	Giá bán điện bình quân	đ/kWh	593,94	789,91	684,91
6	Doanh thu		1.582.554	2.108.835	1.840.311
	Doanh thu hoạt động SXKD điện	Tr.đồng			1.743.311
	Doanh thu HĐTC (lãi tiền gửi)	Tr.đồng	105.000	106.208,0	97.000
7	Chi phí	Tr.đồng	931.199	929.011,0	958.975
	Vật liệu	Tr.đồng	10.085	9.006	8.195
	Lương và BH	Tr.đồng	94.473	85.090	87.624
	- Lương	Tr.đồng	77.883	77.468	77.540
	- BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ	Tr.đồng	16.315	7.347	9.808
	- Thù lao HDQT & BKS	Tr.đồng	275	275	276
	Khấu hao TSCĐ (Chưa tính tới việc đánh giá lại TS)	Tr.đồng	288.027	296.456	342.305
	Dịch vụ mua ngoài	Tr.đồng	12.181	9.719	10.790
	- Chi phí mua điện	Tr.đồng	4.051	4.966	5.380
	- Các khoản DVMN khác	Tr.đồng	8.130	4.753	5.410
	Chi phí SCL	Tr.đồng	65.487	55.369	45.388
	Chi phí bằng tiền	Tr.đồng	460.945	473.371	464.673
	- Thuế tài nguyên	Tr.đồng	226.429	239.313	234.775
	- Phí dịch vụ MTR	Tr.đồng	93.888	93.991	89.152
	- Phí cấp tiền khai thác tài nguyên nước		30.869	30.661	30.661

TT	Nội dung	ĐVT	KH 2019	TH 2019	KH 2020
	- Tiền thuê đất	Tr.đồng	2.493	1.210	1.893
	- Lãi tiền vay	Tr.đồng	70.741	75.146	73.684
	- Ăn ca	Tr.đồng	2.800	2.164	3.100
	- Dự phòng TCMVL	Tr.đồng	-	42	200
	- Chi phí bằng tiền khác	Tr.đồng	33.726	30.844	31.208
<b>8</b>	<b>Lợi nhuận SXKD điện (bao gồm lãi vay HT vào CP SXKD điện)</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>756.356</b>	<b>1.286.032</b>	<b>881.336</b>
<b>9</b>	<b>Các khoản tăng, giảm giá thành điện</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>(84.182)</b>	<b>(30.041)</b>	<b>(123.405)</b>
	Chênh lệch tỷ giá	Tr.đồng	(84.182)	(30.041)	(123.405)
	- Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	Tr.đồng	-	8.470	-
	- Chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm (phân bổ)	Tr.đồng	(84.182)	(38.511)	(123.405)
	Giảm giá thành từ khoản thu về cho thuê cột điện	Tr.đồng	-	-	-
	Giảm giá thành do thanh lý, nhượng bán vật tư thu hồi	Tr.đồng	-	-	-
	Giảm giá thành do thanh lý, nhượng bán TSCĐ	Tr.đồng	-	-	-
<b>10</b>	<b>Lợi nhuận SXKD điện (sau tăng, giảm các khoản trên)</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>672.174</b>	<b>1.255.991</b>	<b>757.931</b>
<b>11</b>	<b>Giá thành điện bình quân</b>	<b>đ/kWh</b>	<b>384,6</b>	<b>361,8</b>	<b>425,2</b>
<b>12</b>	<b>Hoạt động tài chính (không lãi vay)</b>	<b>Tr.đồng</b>		-	
	Doanh thu	Tr.đồng	20.309	20.087	8.730
	- Thu lợi nhuận từ cty cổ phần	Tr.đồng	20.309	20.087	8.730
	- Lãi và phí cho vay lại	Tr.đồng	-	-	-
	Chi phí	Tr.đồng	-	-	-
	Lợi nhuận	Tr.đồng	20.309	20.087	8.730
<b>13</b>	<b>Hoạt động sản xuất kinh doanh khác (SX khác, dịch vụ, thu nhập khác)</b>		-	-	-
	Doanh thu	Tr.đồng	10.133	18.095	10.057
	- Doanh thu dịch vụ	Tr.đồng	10.133	18.095	10.057
	- Thu nhập khác	Tr.đồng	-	-	-
	Chi phí	Tr.đồng	9.315	19.267	9.051
	- Chi phí dịch vụ	Tr.đồng	9.315	13.202	9.051
	- Chi phí khác	Tr.đồng	-	6.065	-
	Lợi nhuận HĐ khác	Tr.đồng	818	(1.172)	1.006

<b>TT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>ĐVT</b>	<b>KH 2019</b>	<b>TH 2019</b>	<b>KH 2020</b>
<b>14</b>	<b>Tổng cộng lợi nhuận</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>693.300</b>	<b>1.274.906</b>	<b>767.667</b>
<b>15</b>	<b>Mức cô tũc</b>	<b>%</b>	<b>12</b>	<b>24</b>	<b>14</b>

**Phụ lục IV:**  
**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐTXD NĂM 2019**  
 (Kèm theo báo cáo số 509/BC-TĐĐHĐ ngày 20/ 05/2020)

*ĐVT: Triệu đồng*

TT	Hạng mục công trình	ĐVT	KH 2019	TH 2019	Tỉ lệ (%)	Ghi chú
	<b>Đầu tư xây dựng</b>		<b>992.803</b>	<b>900.118</b>	<b>90,66</b>	
1	Dự án mở rộng NM TĐ Đa Nhim	DA	269.221	199.543	<b>74,12</b>	
	<i>Vốn vay</i>		<i>232.822</i>	<i>162.440</i>		
	<i>Vốn đối ứng</i>		<i>36.399</i>	<i>37.103</i>		
2	Dự án mở rộng NM TĐ Đa Nhim (giai đoạn 2)	DA	2.271	-		
	<i>Vốn vay</i>		-			
	<i>Vốn đối ứng</i>		<i>2.271</i>			
3	Dự án nhà máy điện mặt trời Đa Mi	DA	721.311	700.575	<b>97,13</b>	Vận hành thương mại toàn bộ Dự án từ ngày 01/6/2019
	<i>Vốn vay</i>		<i>625.852</i>	<i>632.060</i>		
	<i>Vốn đối ứng</i>		<i>95.459</i>	<i>68.515</i>		

Ghi chú: Giá trên chưa bao gồm thuế VAT

**Phụ lục V:**  
**TỔNG HỢP KẾ HOẠCH SẢN XUẤT ĐIỆN NĂM 2020**  
(Đính kèm Báo cáo số 509/BC-TĐHĐ ngày 20 / 5 /2020)

Nhà máy	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T11	T12	Q1	Q2	Q3	Q4	Tổng
<b>Sản lượng điện đầu cực (triệu kWh)</b>	<b>145,97</b>	<b>166,66</b>	<b>178,66</b>	<b>161,71</b>	<b>220,39</b>	<b>215,66</b>	<b>228,96</b>	<b>255,75</b>	<b>270,10</b>	<b>282,34</b>	<b>243,80</b>	<b>201,12</b>	<b>491,29</b>	<b>597,76</b>	<b>754,81</b>	<b>727,26</b>	<b>2.571,12</b>
Đa Nhim - Sông Pha - Đa Nhim MR	54,33	68,43	70,15	56,17	93,49	93,60	103,16	103,16	99,84	103,16	103,47	109,61	192,91	243,26	306,16	316,24	1.058,57
Hàm Thuận - Đa Mi	84,49	91,66	101,51	99,40	120,90	117,00	120,90	147,25	165,00	173,60	135,00	86,34	277,66	337,30	433,15	394,94	1.443,05
Điện mặt trời Đa Mi	7,15	6,57	7,00	6,14	6,00	5,06	4,90	5,34	5,26	5,58	5,33	5,17	20,72	17,20	15,50	16,08	69,50
<b>Sản lượng điện thương phẩm (triệu kWh)</b>	<b>144,75</b>	<b>165,38</b>	<b>177,28</b>	<b>160,38</b>	<b>218,13</b>	<b>213,46</b>	<b>226,64</b>	<b>253,15</b>	<b>267,34</b>	<b>279,46</b>	<b>240,06</b>	<b>197,10</b>	<b>487,41</b>	<b>591,97</b>	<b>747,13</b>	<b>716,62</b>	<b>2.543,13</b>
Đa Nhim - Sông Pha - Đa Nhim MR	53,72	67,80	69,47	55,60	92,56	92,67	102,14	102,14	98,84	102,14	101,19	107,43	190,99	240,83	303,12	310,76	1.045,70
Hàm Thuận - Đa Mi	83,94	91,06	100,86	98,69	119,69	115,83	119,70	145,78	163,25	171,76	133,56	84,51	275,86	334,21	428,73	389,83	1.428,63
Điện mặt trời Đa Mi	7,09	6,52	6,95	6,09	5,88	4,96	4,80	5,23	5,25	5,56	5,31	5,16	20,56	16,93	15,28	16,03	68,80
<b>Tỉ lệ tổn thất và tự dùng (% SLĐ)</b>	<b>0,99</b>	<b>0,99</b>	<b>0,99</b>	<b>0,99</b>	<b>0,99</b>	<b>0,99</b>	<b>0,99</b>	<b>0,99</b>	<b>0,99</b>	<b>0,99</b>	<b>0,99</b>	<b>0,99</b>	<b>0,99</b>	<b>0,99</b>	<b>0,99</b>	<b>0,99</b>	<b>0,99</b>

Tình hình thủy văn năm 2019 và dự báo năm 2020 theo Phụ lục V.1

**Phụ lục VI:**  
**KẾ HOẠCH SỬA CHỮA LỚN TSCĐ NĂM 2020**  
(Kèm theo báo cáo số 509/BC-TĐĐHĐ ngày 20/5 /2020)

<b>TT</b>	<b>Danh mục công trình</b>	<b>KH 2020</b>
	<b>SỬA CHỮA LỚN</b>	<b>45.388</b>
	<b>Công trình thiết bị</b>	<b>22.660</b>
1	Đại tu tổ máy H1 Đa Mi	4.297
2	Đại tu tổ máy H4 Đa Nhim	4.276
3	Trung tu hệ thống thiết bị cửa nhận nước Đa Mi, cầu trục gian máy, máy công cụ, máy lọc dầu, pa lăng cửa hạ lưu Hàm Thuận - Đa Mi	1.303
4	Trung tu trạm phân phối 220kV & 110kV Đa Nhim - Sông Pha	4.462
5	Trung tu hệ thống điện tự dùng AC, DC, chiếu sáng Đa Nhim - Sông Pha	1.415
6	Trung tu hệ thống đường ống thủy áp số 1 Đa Nhim - Sông Pha	4.590
7	Phân bổ chi phí BXCT	2.317
	<b>Công trình thủy công và xây dựng</b>	<b>22.328</b>
8	Sửa chữa công trình thủy công và kiến trúc nhà máy thủy điện Hàm Thuận	3.897
9	Sửa chữa công trình thủy công và kiến trúc nhà máy thủy điện Đa Mi	4.347
10	Sửa chữa công trình thủy công khu vực đập Đơn Dương	2.589
11	Sửa chữa tuyến đường vào nhà máy thủy điện Đa Nhim và đường nội bộ khu nhà trực vận hành Đa Nhim - Sông Pha	4.512
12	Sửa chữa công trình kiến trúc nhà máy thủy điện Đa Nhim và nhà trực vận hành khu vực Đa Nhim - Sông Pha	4.120
13	Sửa chữa khu văn phòng làm việc và nhà trực vận hành khu vực Bảo Lộc	2.863
	<b>Phương tiện vận tải</b>	<b>400</b>
14	Sửa chữa các xe ô tô	400

Ghi chú: Giá trên chưa bao gồm thuế GTGT.

**Phụ lục VII:**  
**KẾ HOẠCH MUA SẴM TSCĐ BẰNG NGUỒN VỐN ĐTPT NĂM 2020**  
(Kèm theo báo cáo số 509/BC-TĐĐHĐ ngày 20 / 5 /2020)

*ĐVT: Triệu đồng*

TT	Hạng mục công trình	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú (Giải trình: Hiện trạng, thay thế, mua sắm mới)
	<b>Tổng cộng</b>					<b>30.927</b>	
<b>I</b>	<b>Hạng mục chuyển tiếp từ năm 2019:</b>						
1	Hợp bộ máy cắt đầu cực Nhà máy Hàm Thuận	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhà SX: ABB - Thụy Sĩ</li> <li>- Loại: HEC 3</li> <li>- Điện áp định mức: 13.8kV</li> <li>- Tần số: 50Hz</li> <li>- Dòng điện định mức: 8000A</li> <li>- Áp lực khí SF6: 620kPa abs</li> <li>- Thời gian cắt lớn nhất: 55ms</li> <li>- Cơ cấu vận hành: HMB 4.5</li> <li>- Dao cách ly loại: DMR-IT3</li> <li>- Dao ngắn mạch loại: DMR-IT3</li> </ul>	Bộ	1	6.810	6.810	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thay thế Bộ truyền động, phục hồi 3 khoang ngắt của máy cắt 502 Hàm Thuận.</li> <li>- Thực hiện 2 năm (2019-2020). Giá Hợp đồng: 8,942 triệu đồng; năm 2019, thanh toán tạm ứng 25% (2,235 triệu đồng), giá trị còn lại thanh toán trong năm 2020</li> </ul>
<b>II</b>	<b>Hạng mục đăng ký mới năm 2020:</b>						
1	Nâng cấp hệ thống điều khiển trạm GIS Hàm Thuận	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Thiết bị phần cứng các tủ điều khiển (220/110 kV witchyard): <ul style="list-style-type: none"> <li>- LCU Thiết bị tủ điều khiển controller chính (GIS-IF)</li> <li>- Thiết bị lắp đặt tại các tủ BCU (11 ngăn lộ )</li> </ul> </li> <li>2. Cáp lắp đặt bổ sung (các loại)</li> <li>3. Dịch vụ liên quan: Thiết kế, thi công, nghiệm thu tại xưởng...</li> </ol>	HT	1	13.109	13.109	Cải tạo, nâng cấp

2	Hệ thống thiết bị An toàn thông tin	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Máy chủ</li> <li>- Máy tính để bàn, hệ điều hành window 10 pro, phần mềm và phụ kiện.</li> <li>- Thiết bị chuyển mạch Core</li> <li>- SAN Switch</li> <li>- Thiết bị lưu trữ SAN HP</li> <li>- Thiết bị switch access WS-C3560CG-8TC-S</li> <li>- LCD KVM Switch</li> <li>- Rack 42U, thanh chia nguồn PDU chuẩn Rack</li> <li>- Bộ chuyển mạch Switch</li> <li>- Các phần mềm bản quyền</li> <li>- Các dịch vụ lắp đặt cài đặt cấu hình</li> </ul>	HT	1	3.646	3.646	Trang bị theo yêu cầu của văn bản 2018/EVNGENCO1-KTSX ngày 05/7/2019 của Tổng công ty Phát điện 1
3	Nâng cấp trạm 110kV nhà máy điện mặt trời Đa Mi (hệ thống điện tự dùng AC/DC)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 01 bộ điều khiển</li> <li>- 01 máy nạp 400Vac/110Vdc</li> <li>- 01 dàn ắc quy 110Vdc</li> </ul>	HT	1	1.322	1.322	Nâng cấp theo yêu cầu của văn bản 2248/EVNGENCO1-KTSX của Tổng công ty Phát điện 1
4	Máy nạp và dàn Ắc quy cho nhà máy thủy điện Sông Pha	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 01 máy nạp 400Vac/110Vdc</li> <li>- 01 dàn ắc quy 110Vdc</li> </ul>	HT	1	926	926	Trang bị mới theo yêu cầu của văn bản 2248/EVNGENCO1-KTSX của Tổng công ty Phát điện 1

5	Hộp bộ thi công cáp ngầm trung thế	1. Dụng cụ lột vỏ lớp cách điện ngoài AMS Model AV6220 (AV 6221) Intercable/Itali. Dụng cụ lột lớp bán dẫn (loại không lưu hoá). Dụng cụ lột lớp bán dẫn (loại lưu hoá). Dụng cụ lột lớp cách điện sơ cấp IMS II 2. Thiết bị ép cose thủy lực dùng pin IZUMI REC-LI250M; kèm đầu cắt cáp 200AT-50YC: Hãng SX: IZUMI - Japan; model: REC-LI250M;	Bộ	1	341	341	Trang bị mới
6	Bộ cờ lê nhân lực	Hãng sản xuất: NORBAR - Anh Model: HT 119/25.5 AWUR (Bao gồm phụ kiện)	Bộ	1	175	175	Trang bị mới
7	Máy siết bu long	Hãng sản xuất: TONE - Nhật Model: GSR-212E Phụ kiện đi kèm: Bộ khẩu tiếp chuyên dụng M22, M24, M27, M30, M33; Số lượng: Mỗi loại 02 cái	Bộ	1	408	408	Trang bị mới
8	Máy hàn MIG	Loại máy: LINCOLN POWERTEC 305-S Mã máy: K14060-1	Bộ	1	116	116	Trang bị mới
9	Bộ kích thủy lực 15 tấn (04 kích) và bơm dầu bằng khí nén	1. Đội thủy lực: Loại: HSS1510, Hãng sản xuất: Hi-force 2. Bơm điện: Loại HEP3442LS	Bộ	1	158	158	Trang bị mới
10	Máy đo độ rung	Xuất xứ: Rion, Nhật Bản Máy đo bao gồm: Máy chính VM-82A, cảm biến gia tốc PV-57I, cáp nối cảm biến gia tốc VP-51KI, IEC LR6 (size AA) pin x 4	Bộ	2	66	131	Đang sử dụng nhưng đã cũ, xuống cấp
11	Variac 3 pha, 380V-100A	Nhà SX: LIOA, model S3-43100, công suất: 66kVA, dòng tải max: 100A, điện áp nguồn: 3 pha - 400V, điện áp ra: 5V ~ 430V, tần số: 49 ~ 62Hz	Bộ	1	57	57	Có 01 variac 3 pha 10A, được trang bị từ năm 2006, công suất nhỏ

12	Xe ô tô các loại	- Từ 5-7 CN (01 chiếc) - Từ 10-16 CN (01 chiếc) - 29 CN (01 chiếc)	1 lô (3 xe)	1	3.395	3.395	- Xe 5-7CN: 1,04 tỉ đồng; - Xe 10-16CN: 1,1 tỉ đồng; - Xe 29CN: 1.255 tỉ đồng.
13	Phần mềm đối soát thanh toán chu kỳ giao dịch 30 phút		Gói	1	333	333	Bổ sung

Ghi chú: Giá trên chưa bao gồm thuế VAT

**Phụ lục VIII:**  
**KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NĂM 2020**  
(Kèm theo báo cáo số 509/BC-TĐĐHĐ ngày 20/5/2020)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Hạng mục công trình	Đơn vị	KH 2020	Ghi chú
	<b>Tổng cộng</b>		<b>108.487</b>	
1	Dự án mở rộng NM TĐ Đa Nhim	DA	91.377	Chi tiết theo Phụ lục VIII.1
	<i>Vốn vay</i>		<i>80.809</i>	
	<i>Vốn đối ứng</i>		<i>10.568</i>	
2	Dự án nhà máy điện mặt trời Đa Mi	DA	17.110	Chi tiết theo Phụ lục VIII.2
	<i>Vốn vay</i>			
	<i>Vốn đối ứng</i>		<i>17.110</i>	

Ghi chú: Giá trên chưa bao gồm thuế VAT

**Phụ lục VIII.1: Tình hình thực hiện kế hoạch năm 2019 và kế hoạch năm 2020**  
**Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim**  
(Đính kèm Báo cáo số 509/BC-TĐĐHD ngày 20/5/2020)

**I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2019**

**1. Công tác thực hiện các gói thầu chính**

**1.1. Gói thầu 12.01-(DNE-D1): Công tác xây dựng kiến trúc công trình chính**

a) Thông tin chung: Gói thầu do Công ty cổ phần Xây dựng 47 (CC47) thực hiện. Thời gian hoàn thành theo Hợp đồng: 760 ngày, từ ngày 16/5/2016 đến ngày 14/6/2018.

b) Tình hình thực hiện đến thời điểm báo cáo:

Công tác khắc phục sụt trượt và thi công đoạn hầm còn lại:

- Thi công đào hầm dẫn nước bằng TBM được 3.739,51/4.668,56m thì xảy ra sụt trượt vào ngày 23/3/2019.

- Tiến hành gia cố tại những vùng địa chất yếu.

- Bóc xúc, vận chuyển bùn đất do sụt trượt gây ra trong hầm và tiến hành gia cố vùng sụt trượt do bất thường địa chất từ K1+006,15m đến K1+ 035m

- Khoan 4 lỗ để khảo sát địa chất đoạn hầm bị sụt trượt

- Khoan 24 lỗ từ trên xuống để phụt vữa gia cố, xử lý sụt trượt.

- Nhà thầu mời nhà chế tạo TBM (CREG) tiến hành công tác kiểm tra hỏng hóc, đề xuất phương án sửa chữa khắc phục TBM từ tháng 7-9/2019. Sau khi kiểm tra, Nhà thầu đã thông báo không thể khôi phục thiết bị TBM và đề xuất thay đổi biện pháp từ đào bằng TBM sang khoan nổ đối với 929m đoạn hầm còn lại với lý do không xác định được thời gian và khó khăn trong việc tìm mua các phụ tùng thay thế và sửa chữa TBM.

- Thực hiện các thủ tục chuyển đổi biện pháp thi công từ đào bằng TBM sang đào bằng khoan nổ.

- Hoàn thành quyết toán các hạng mục trừ hầm dẫn nước

Công tác gia cố vỏ hầm đối với đoạn hầm đã thi công:

- Gia cố bọc bê tông vĩnh cửu (phần hông và đỉnh hầm): Đã thực hiện 431,3m/454,1m theo chỉ định của TVGS, phần còn lại sẽ được thi công sau khi hoàn thành công tác tháo TBM.

- Phun vữa: Tổng diện tích phun vữa theo chỉ định của TVGS là 2.036,6 m<sup>2</sup>, đã thực hiện hoàn thành tại các vị trí xung yếu là 1.468 m<sup>2</sup>, phần còn lại sẽ thi công trong giai đoạn hoàn thiện.

c) Công tác giải ngân:

- Hoàn thành giải ngân vốn ODA đến đợt 38.

- Giá trị giải ngân: 514.749.608.382 đồng
- + Vốn ODA: 468.835.529.277 đồng;
- + Vốn đối ứng: 45.914.079.105 đồng.

### **1.2. Gói thầu 12.02-(DNE-D2): Cung cấp, lắp đặt thiết bị cơ khí thủy công**

a) Thông tin chung: Gói thầu do Liên danh NARIME - COMA thực hiện. Thời gian hoàn thành theo Hợp đồng: 785 ngày từ ngày 16/5/2016 đến ngày 09/7/2018.

b) Tình hình thực hiện đến thời điểm báo cáo:

- Hoàn thành công tác thử nghiệm tổ máy vào ngày 04/01/2019 (ngoại trừ 09 ống thuộc phân đoạn hầm lót thép sẽ được lắp đặt sau khi hoàn thành khoan hầm và tháo TBM).
- Hoàn thành công tác quyết toán lần 1.

c) Công tác giải ngân:

- Hoàn thành giải ngân vốn ODA đến đợt 13 và 5% tiền giữ lại đợt 1.
- Giá trị giải ngân: 164.522.513.120 đồng
- + Vốn ODA: 148.746.142.976 đồng;
- + Vốn đối ứng: 15.776.370.144 đồng.

### **1.3. Gói thầu 12.03-(DNE-D3): Cung cấp, lắp đặt thiết bị cơ điện**

a) Thông tin chung: Gói thầu do Liên danh Mitsubishi Corporation, Alstom Hydro France and GE Power India Limited thực hiện. Thời gian hoàn thành theo Hợp đồng: 743 ngày từ ngày 30/11/2016 đến ngày 13/12/2018.

b) Tình hình thực hiện đến thời điểm báo cáo:

- Nhà thầu đã hoàn thành công tác thử nghiệm và vận hành 72h vào ngày 04/01/2019. Các công việc thử nghiệm liên quan đến vận hành 80MW sẽ thực hiện sau khi hoàn thành hầm dẫn nước.

- Hoàn thành công tác quyết toán lần 1.

c) Công tác giải ngân:

- Hoàn thành giải ngân vốn ODA đến đợt 10 tiền USD, đợt 8 tiền VNĐ và 5% giữ lại tiền USD + tiền VNĐ.
- Giá trị giải ngân: 372.560.801.600 đồng
- + Vốn ODA: 335.410.185.465 đồng;
- + Vốn đối ứng: 37.150.616.135 đồng.

### **1.4. Gói thầu 12-(DNE-C1): Giám sát thi công xây lắp**

- Hoàn thành giải ngân vốn ODA đến đợt 17 tiền JPY và đợt 17 tiền VNĐ.
- Giá trị giải ngân: 146.989.954.926 đồng
- + Vốn ODA: 133.067.478.841 đồng;

+ Vốn đối ứng: 13.922.476.085 đồng.

## **2. Tồn tại**

### **2.1. Gói thầu 12.01:**

Theo TKKT bổ sung cập nhật đã được PECC2 lập và PECC1 thẩm tra, tiến độ thi công khoan nổ đoạn hầm còn lại dự kiến hoàn thành trong tháng 7/2021 và phát điện 80MW vào quý 3/2021. Tuy nhiên, điều kiện thi công gặp rất nhiều khó khăn (phía thượng lưu qua giếng đứng, phía hạ lưu qua đoạn hầm đào bằng TBM đã bọc bê tông...) nên sẽ khó rút ngắn được tiến độ hoàn thành.

Ngoài ra, tình trạng xuất hiện địa chất bất thường vẫn có nguy cơ xảy ra, đặc biệt gần khu vực đã sụt trượt sẽ kéo dài tiến độ.

### **2.2. Gói thầu 12.02:**

Lắp đặt 09 ống thuộc phân đoạn hầm lót thép sau khi hoàn thành tháo TBM.

### **2.3. Gói thầu 12.03:**

Thực hiện các hạng mục thử nghiệm tại công suất 80 MW sau khi hoàn thành công tác đào hầm.

### **2.4. Gói thầu 12-(DNE-C1):**

Do tiến độ thi công Gói thầu 12.01 bị kéo dài (Hạng mục đường hầm áp lực) và thay đổi biện pháp thi công, dự kiến sẽ hoàn thành vào Quý 3/2021 nên kế hoạch điều động TVGS và các chi phí khác cần được hiệu chỉnh tương ứng. BQLDA đang phối hợp với Tư vấn lập tiến độ điều động nhân sự, tính toán các chi phí liên quan, dự thảo Phụ lục hợp đồng,...trình các cấp thẩm quyền. Hiện tại, giá trị thực hiện đã vượt giá trị Hợp đồng gốc, để đảm bảo chất lượng xây dựng và theo yêu cầu Nhà tài trợ vốn JICA, BQLDA đã trình Chủ đầu tư thông qua chủ trương điều động Tư vấn giám sát cho Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim từ tháng 01/2019 đến tháng 03/2021.

## **3. Đánh giá chung**

**3.1. Về tổng tiến độ:** Dự án đã phát điện giai đoạn 1 với công suất 45MW trong tháng 12/2018, dự kiến hoàn thành đường hầm và phát đủ công suất 80MW vào quý 3/2021.

### **3.2. Đánh giá tiến độ thực hiện riêng của từng gói thầu:**

- Gói thầu 12.01: Hiện tại các bên đang xem xét để phê duyệt tiến độ do nhà thầu trình. Dự kiến hoàn thành đường hầm và phát đủ công suất 80MW vào quý 3/2021.

- Gói thầu 12.02: Hoàn thành công tác lắp đặt, thử áp và nạp nước để chạy thử nghiệm tổ máy vào ngày 09/12/2018 (ngoại trừ 09 ống thuộc phân đoạn hầm lót thép sẽ được lắp đặt sau khi hoàn thành khoan hầm và tháo TBM).

- Gói thầu 12.03: Hoàn thành công tác lắp đặt tổ máy; nạp nước đường ống áp lực và ống phân phối vào ngày 08-09/12/2018. Tiến hành chạy thử nghiệm tổ máy từ ngày 10/12/2018 và hoàn thành thử nghiệm thử thách 72h vào ngày 04/01/2019.

## **4. Tình hình thực hiện và giải ngân năm 2019**

*ĐVT: triệu đồng*

TT	Nguồn vốn	Giá trị khối lượng			Giá trị giải ngân		
		Kế hoạch	Thực hiện	TH/KH (%)	Kế hoạch	Thực hiện	TH/KH (%)
<b>I</b>	<b>Năm 2019</b>	<b>264.643</b>	<b>150.815</b>	<b>56,99</b>	<b>269.221</b>	<b>199.543</b>	<b>74,12</b>
	Vốn ODA	228.244	113.712	49,82	232.822	162.440	69,77
	Vốn đối ứng	36.399	37.103	101,93	36.399	37.103	101,93

## II. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN NĂM 2020

### 1. Tiến độ thực hiện

Tiến độ chi tiết tại Phụ lục IV đính kèm.

TT	Các gói thầu	Kế hoạch
<b>I.</b>	<b>Gói thầu 12.01 - Công tác xây dựng kiến trúc công trình chính</b>	
1.	Thi công khoan nổ 929m đoạn hầm còn lại và công tác hoàn thiện	Quý 3/2021
<b>II.</b>	<b>Gói thầu 12.02 - Cung cấp, lắp đặt thiết bị cơ khí thủy công</b>	
1.	Hoàn thành công tác lắp đặt 09 ống thuộc phân đoạn hầm lót thép sau khi hoàn thành khoan hầm và tháo TBM	Quý 3/2021
<b>III.</b>	<b>Gói thầu 12.03 - Cung cấp, lắp đặt thiết bị cơ điện</b>	
1.	Thực hiện các hạng mục thử nghiệm tại công suất 80 MW sau khi hoàn thành công tác khoan hầm	Quý 3/2021

Khối lượng công việc còn lại cần thực hiện trong năm 2020 như sau:

- Thi công đào bằng khoan nổ và bọc bê tông gia cố vĩnh cửu đoạn hầm còn lại: 847m/929m.
- Tháo dỡ thiết bị TBM và tiến hành gia cố khu vực địa chất yếu đầu TBM.
- Khoan phụt gia cố những đoạn hầm đã đổ bê tông.
- Thi công nổ mìn bẫy đá và buồng dưới của tháp điều áp.
- Đổ bê tông vỏ hầm (38m) từ Km1+044 đến Km1+006.

### 2. Kế hoạch giải ngân

*ĐVT: triệu đồng*

TT	Nguồn vốn	Năm 2020	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV
<b>1.</b>	<b>Khối lượng</b>	<b>57.056</b>	<b>11.436</b>	<b>12.918</b>	<b>18.006</b>	<b>14.696</b>
a)	Vốn ODA	46.488	10.187	11.393	12.968	11.940
b)	Vốn đối ứng	10.568	1.249	1.525	5.038	2.756

<b>2.</b>	<b>Giải ngân</b>	<b>91.377</b>	<b>6.995</b>	<b>7.306</b>	<b>52.220</b>	<b>24.856</b>
a)	Vốn ODA	80.809	5.746	5.781	47.182	22.100
b)	Vốn đối ứng	10.568	1.249	1.525	5.038	2.756

Số liệu chi tiết trong các bảng/biểu đính kèm:

- Giá trị khối lượng và giải ngân vốn ODA thực hiện năm 2019.
- Giá trị khối lượng và giải ngân vốn đối ứng thực hiện năm 2019.
- Kế hoạch khối lượng và giải ngân vốn ODA năm 2020.
- Kế hoạch khối lượng và giải ngân vốn đối ứng năm 2020.

**TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN DA MRNMTĐ ĐA NHIM NĂM 2019**

(Đính kèm Báo cáo số 509/BC-TĐĐHĐ ngày 20 / 5/2020)

*ĐVT: Triệu đồng*

TT	Nguồn vốn	Năm 2019			Quý I			Quý II			Quý III			Quý IV		
		KH	TH	Tỷ lệ	KH	TH	Tỷ lệ	KH	TH	Tỷ lệ	KH	TH	Tỷ lệ	KH	TH	Tỷ lệ
<b>1</b>	<b>Thực hiện</b>	<b>264.643</b>	<b>150.815</b>	<b>56,99%</b>	<b>90.491</b>	<b>63.349</b>	<b>70,0%</b>	<b>78.712</b>	<b>36.267</b>	<b>46,1%</b>	<b>52.649</b>	<b>20.442</b>	<b>38,8%</b>	<b>42.791</b>	<b>30.757</b>	<b>71,9%</b>
a	Vốn ODA	228.244	113.712	49,82%	80.116	54.292	67,8%	69.195	31.325	45,3%	41.498	12.360	29,8%	37.435	15.735	42,0%
b	Vốn đối ứng	36.399	37.103	101,93%	10.375	9.057	87,3%	9.517	4.942	51,9%	11.150	8.082	72,5%	5.356	15.022	280,5%
<b>2</b>	<b>Giải ngân</b>	<b>269.221</b>	<b>199.543</b>	<b>74,12%</b>	<b>66.816</b>	<b>57.445</b>	<b>86,0%</b>	<b>62.945</b>	<b>40.569</b>	<b>64,5%</b>	<b>111.453</b>	<b>51.479</b>	<b>46,2%</b>	<b>28.007</b>	<b>50.050</b>	<b>178,7%</b>
a	Vốn ODA	232.822	162.440	69,77%	56.441	48.388	85,7%	53.427	35.626	66,7%	100.303	43.397	43,3%	22.651	35.028	154,6%
b	Vốn đối ứng	36.399	37.103	101,93%	10.375	9.057	87,3%	9.517	4.942	51,9%	11.150	8.082	72,5%	5.356	15.022	280,5%

**KHỐI LƯỢNG THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN VỐN ODA NĂM 2019**

(Đính kèm Báo cáo số 509/BC-TĐĐHĐ ngày 20/ 5/2020)

TT	Hạng mục	Giá trị		Lũy kế 2016, 2017, 2018	Kế hoạch năm 2018										Ghi chú
		Dự toán	Hợp đồng		Năm 2019		Quý I		Quý II		Quý III		Quý IV		
					KH	TH	KH	TH	KH	TH	KH	TH	KH	TH	
1	<b>Gói số 12 - (DNE-C1):</b> Giám sát thi công xây lắp														
a	Khối lượng thực hiện	141.718	134.344	112.416	<b>29.416</b>	<b>20.544</b>	9.371	11.783	7.139	8.761	5.940		6.966		Nghiệm thu đến đợt 17
b	Giải ngân			109.275	<b>40.309</b>	<b>23.792</b>	3.107	3.048	21.196	8.881	9.556	8.012	6.451	3.851	Thanh toán đến đợt 17
2	<b>Gói số 12.01 - (DNE-D1):</b> Công tác xây dựng kiến trúc công trình chính														
a	Khối lượng thực hiện	593.783	589.551	412.544	<b>141.610</b>	<b>43.300</b>	47.305	14.746	36.140	22.564	35.558		22.607	5.990	Nghiệm thu đến đợt 38
b	Giải ngân			409.111	<b>116.258</b>	<b>65.715</b>	45.685	36.174	29.153	9.511	25.219	14.039	16.200	5.990	Thanh toán đến đợt 38
3	<b>Gói số 12.02 - (DNE-D2):</b> Cung cấp, lắp đặt thiết bị cơ khí thủy công														
a	Khối lượng thực hiện	220.555	158.209	154.305	<b>3.904</b>	<b>3.459</b>	3.459	3.459					445		Nghiệm thu đợt 13
b	Giải ngân			133.639	<b>15.448</b>	<b>15.107</b>	3.692	3.692	3.078	3.078	8.677			8.336	Thanh toán đến lần 13 và 5% giữ lại
4	<b>Gói số 12.03- (DNE-D3):</b> Cung cấp, lắp đặt thiết bị cơ điện														
a	Khối lượng thực hiện	425.421	362.810	318.466	<b>39.962</b>	<b>34.211</b>	19.981	18.830	19.981			5.636		9.745	Nghiệm thu đợt 10-USD và 8-VND
b	Giải ngân			291.227	<b>50.917</b>	<b>45.627</b>				14.156	50.917	14.622		16.850	Thanh toán đến đợt 10-USD, đợt 8-VND và 5% USD+VND giữ lại
5	<b>Lãi vay trong thời gian xây dựng</b>														
a	Khối lượng thực hiện	28.030		10.723	<b>13.351</b>	<b>12.198</b>		5.474	5.935			6.724	7.416		
b	Giải ngân			10.723	<b>9.891</b>	<b>12.198</b>	3.956	5.474			5.935	6.724			Tính đến ngày 19/02/19
6	<b>TỔNG CỘNG</b>														
	<b>Khối lượng thực hiện</b>			<b>1.008.454</b>	<b>228.244</b>	<b>113.712</b>	<b>80.116</b>	<b>54.292</b>	<b>69.195</b>	<b>31.325</b>	<b>41.498</b>	<b>12.360</b>	<b>37.435</b>	<b>15.735</b>	
	<b>Giải ngân</b>			<b>953.975</b>	<b>232.822</b>	<b>162.440</b>	<b>56.441</b>	<b>48.388</b>	<b>53.427</b>	<b>35.626</b>	<b>100.303</b>	<b>43.397</b>	<b>22.651</b>	<b>35.028</b>	

**GIẢI NGÂN VỐN ĐỐI ỨNG NĂM 2019**  
(Đính kèm Báo cáo số 509/BC-TĐĐHĐ ngày 20/5/2020)

ĐVT: Triệu đồng Triệu đồng																	
TT	Hạng mục	Đơn vị thực hiện	Dự toán	Hợp đồng	Lũy kế	Năm 2019		Quý I		Quý II		Quý III		Quý IV		Tỷ lệ	Ghi chú
						KH	TH	KH	TH	KH	TH	KH	TH	KH	TH		
1	Gói số 12.04 - (DNE-D4): Bảo hiểm công trình	LD BH PVI - BẢO VIỆT - PJICO	8.143	5.922	5.626	296	1.455	296			1.455					491%	Thanh toán phí kỳ 1 của Phụ lục hợp đồng (gia hạn thêm 01 năm)
2	Gói thầu Kiểm toán quyết toán dự án hoàn thành	Cty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C	1.756	803	601	174	205							174	205	118%	Thanh toán đợt 3
3	Mô tả địa chất hố móng dự án Mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim	Công ty CP Tư vấn Xây dựng Điện 2	2.127	2.063	1.974	880	466							880	466	53%	Thanh toán đợt 3
4	Gói số 13-(DNE-E1) Chi phí y tế và phòng chống HIV	Trung tâm Phát triển Cộng đồng và Trẻ em	2.701	2.187	1.593	595	630	297	201			297	429			106%	Thanh toán 100%
5	Chi phí quản lý dự án		13.341		13.291	1.296	816	324	50	324	47	324	71	324	648	63%	
6	Thuế VAT, thuế nhà thầu Gói thầu số 12 - (DNE-C1): Giám sát thi công xây lắp				11.764	4.031	2.159	311	604	2.120	612	956	923	645	19	54%	
7	Thuế VAT, thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thay nhà thầu Gói thầu số 12.01 - (DNE-D1): Công tác xây dựng kiến trúc công trình chính				39.713	11.626	6.905	4.569	3.016	2.915	721	2.522	1.535	1.620	1.632	59%	
8	Thuế VAT, thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thay nhà thầu Gói thầu số 12.02 - (DNE - D2): Cung cấp, lắp đặt thiết bị cơ khí thủy công				15.430	1.545	346	369	-	308	346	868	-	-	-	22%	
9	Thuế VAT, thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thay nhà thầu Gói thầu số 12.03 - (DNE - D3): Cung cấp, lắp đặt thiết bị cơ điện				32.748	5.092	4.402	-	735	-	1.502	5.092	1.337	-	828	86%	
10	Chi phí an ninh bảo vệ				960	120	-	30		30		30		30		0%	
11	Chi phí môi sinh, môi trường				263	94	102	24		24	33	24	50	24	19	108%	
12	Thuế quản lý vận hành đường dây và TBA 22kV Đơn Dương				130	39	-	-		-		39		-		0%	-
13	Phí cho vay lại				1.629	1.750	1.910	750	864	-		1.000	1.046	-		109%	Thanh toán kỳ 20/1/2019
14	Hội đồng nghiệm thu nhà nước				832	200	321	-		100	16	-		100	305	160%	Tạm ứng đợt 2 và chi phí phòng nghỉ
15	Lập hồ sơ thỏa thuận thiết kế kỹ thuật hệ thống đo đếm điện năng.	VIECODE	151	120	-	120	132	120	132	-		-		-		110%	Thanh toán 100%
16	Ghi hình tư liệu Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim - gd2	TT Thông tin Điện lực	429	360	119	241	177	-		-		-		241	177	73%	Thanh toán 100%
17	Gói thầu XL01:Thi công xây dựng tuyến đường ống từ van thủy nông hiện hữu đến nhà van tổ máy 5	Công ty TNHH Xây dựng Danh Nhân		1.711	1.132	580	655	580	561	-		-		-	94		Thanh toán đợt 2 và 5% giữ lại
18	Gói thầu XL02: CC, lắp đặt và cài tạo thiết bị CKTC, DA MR NMTĐ Đa Nhim	NARIME		3.824	3.032	792	928	792	718	-	210	-		-			Thanh toán đợt 2
19	Cung cấp, thi công hệ thống PCCC	Công ty TNHH XD PCCC Thuận Tiến		1.171	629	542	598	542	598	-		-		-			Thanh toán 100%
20	BS03 - CC, LD thiết bị và cấu hình thử nghiệm kết nối SCADA với TTĐĐ HTĐ Quốc gia	Công ty cổ phần Công nghệ mạng và Truyền thông		2.048	676	1.372	1.577	1.372	1.577	-		-		-			Thanh toán 100%
21	BS04: Quan trắc chuyển dịch chu kỳ "0" và chu kỳ "1"	Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 2		1.819	400	1.419	2.028	-		1.419		-		-	2.028		Thanh toán 100%
22	K.01: Thi công hệ thống thông gió, điều hòa, điện chiếu sáng, kết cấu thép và công trình	Công ty TNHH Thành Phát		5.062	2.784	2.278	2.691	-		2.278		-	2.691	-			Thanh toán 100%

TT	Hạng mục	Đơn vị thực hiện	Dự toán	Hợp đồng	Lũy kế	Năm 2019		Quý I		Quý II		Quý III		Quý IV		Tỷ lệ	Ghi chú
						KH	TH	KH	TH	KH	TH	KH	TH	KH	TH		
23	Chi phí lập phương án PCCN					273	-	-	-	-	-	-	-	273	-		
24	Nghiệm thu hệ thống phòng cháy chữa cháy					182	-	-	-	-	-	-	-	182	-		
25	Kiểm định an toàn cho các thiết bị					273	-	-	-	-	-	-	-	273	-		
26	Nghiệm thu hệ thống đo đếm bao gồm chính định rò le					455	-	-	-	-	-	-	-	455	-		
27	Nghiệm thu đóng điện trạm					136	-	-	-	-	-	-	-	136	-		
	HD số 109/HĐXL-TĐĐHD-CTTP ngày 18/03/2019 v/v thi công xây dựng gói thầu K.02: Thi công phần kiến trúc còn lại thuộc hạng mục Bill K						1.780								1.780		
	PLHD 326 ngày 08/10/2019 Chi phí KS xử lý sụt trượt đường hầm dẫn nước để đảm bảo công trình và thiết bị TBM, HD 326/2013/HĐTV-TĐĐHD-PECC2						1.194								1.194		Thanh toán 90%
	PLHD 326 ngày 08/10/2019 Chi phí TKKT công tác "Xử lý sụt trượt đường hầm dẫn nước để đảm bảo an toàn công trình và thiết bị TBM", HD 326/2013/HĐTV-TĐĐHD-PECC2						565								565		Thanh toán 80%
	HD 893/HĐ-KT ngày 16/12/2013 v/v Lập HS kiểm kê TNR, thiết kế tận dụng gỗ GPMB, lập PA trồng rừng thay thế tại TT DRan, H.Đon Dương						113								113		Thanh toán 100%
	TT đợt 39 (100% giá trị nghiệm thu) - HD số 368/DHD-CC47 ngày 09/12/2015, gói thầu số 12.01						4.910								4.910		Thanh toán đợt 39
	TT giá trị quyết toán HD số 161028-HĐ/TĐĐHD-APPSMO ngày 28/10/2016, gói thầu: CC vật tư thiết bị hội nghị truyền hình						39								39		Thanh toán phí lắp đặt công xoay 3 càng
	<b>Tổng cộng</b>		<b>28.648</b>	<b>27.092</b>		<b>36.399</b>	<b>37.103</b>	<b>10.375</b>	<b>9.057</b>	<b>9.517</b>	<b>4.942</b>	<b>11.150</b>	<b>8.082</b>	<b>5.356</b>	<b>15.022</b>	<b>102%</b>	

# CHI PHÍ BAN QLDA MỞ RỘNG NMTĐ ĐA NHIM NĂM 2019

(Đính kèm Báo cáo số 509 /BC-TĐĐHĐ ngày 20/ 5 /2020)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Hạng mục	Số lượng	Đơn vị tính	Đơn giá	Thành tiền	Năm 2019	TH Quý I	TH Quý II	TH Quý III	TH Quý IV
<b>I</b>	<b>Chi phí công tác</b>				<b>409,50</b>		<b>1,79</b>	<b>18,00</b>	<b>41,87</b>	<b>3,22</b>
1	Công tác phí	50	ngày	0,15	7,50	4,96			4,46	0,50
2	Vé máy bay	20	lượt	3,50	70,00	-				
3	Tiền phòng ở	20	ngày	0,60	12,00	-				
4	Tiếp khách	1	gói	300,00	300,00	58,13		18,00	37,41	2,72
5	Phí vận chuyển đường bộ	1	gói	20,00	20,00	1,79	1,79			
<b>II</b>	<b>Tài sản phục vụ Tổ CBSX</b>				<b>272,50</b>		<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
1	Văn phòng phẩm	12	tháng	5,00	60,00	-				
2	Vật tư, vật dụng khác (ô cứng di động, thẻ nhớ, cáp chuyển đổi, bút trình chiếu, ...)	1	gói	50,00	50,00	-				
	Tủ hồ sơ	5	cái	3,50	17,50	-				
3	Máy tính xách tay	3	máy	15,00	45,00	-				
4	Chi phí bảo hộ an toàn	1	gói	100,00	100,00	-				
<b>III</b>	<b>Chi phí dịch vụ</b>				<b>514,00</b>		<b>16,27</b>	<b>23,51</b>	<b>9,61</b>	<b>49,79</b>
1	Chi phí cải tạo phòng làm việc	1	gói	50,00	50,00	-				
2	Chi phí đi lại				143,00		-	-	-	35,09
2.1	Xăng dầu ô tô	4000	lít	0,03	100,00	-				
2.2	Lệ phí cầu đường	12	tháng	0,25	3,00	1,46				1,46
2.3	Sửa chữa, bảo dưỡng ô tô	12	tháng	3,33	40,00	33,63				33,63
3	Phí chuyển khoản	12	tháng	10,00	120,00	63,09	15,27	23,51	9,61	14,70
4	Công tác nghiệm thu dự án	1	gói	200,00	200,00	-				
5	Nộp thuế môn bài năm 2019 tại Ninh Thuận	1	gói	1,00	1,00	1,00	1,00			
<b>IV</b>	<b>Chi phí khác (tạm tính)</b>	<b>1</b>	<b>gói</b>	<b>100,00</b>	<b>100,00</b>	<b>27,12</b>		<b>5,49</b>	<b>19,35</b>	<b>2,28</b>
(1)	Lương chuyên viên					28,00	28,00			
(2)	CP điện thoại + internet + MyTV					3,93	3,93			
(3)	Lương kiêm nhiệm của BQLDA					593,11				593,114
	<b>Tổng cộng</b>				<b>1.296,00</b>	<b>816,23</b>	<b>49,99</b>	<b>47,00</b>	<b>70,83</b>	<b>648,40</b>

## KẾ HOẠCH THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN DA MRNMTĐ ĐA NHIM NĂM 2020

(Đính kèm Báo cáo số 509/BC-TĐĐHĐ ngày 20/5/2020)

*ĐVT: Triệu đồng*

TT	Nguồn vốn	Năm 2020	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV
<b>1</b>	<b>Thực hiện</b>	<b>57.056</b>	<b>11.436</b>	<b>12.918</b>	<b>18.006</b>	<b>14.696</b>
a	Vốn ODA	46.488	10.187	11.393	12.968	11.940
b	Vốn đối ứng	10.568	1.249	1.525	5.038	2.756
<b>2</b>	<b>Giải ngân</b>	<b>91.377</b>	<b>6.995</b>	<b>7.306</b>	<b>52.220</b>	<b>24.856</b>
a	Vốn ODA	80.809	5.746	5.781	47.182	22.100
b	Vốn đối ứng	10.568	1.249	1.525	5.038	2.756

# KẾ HOẠCH KHỐI LƯỢNG THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN VỐN ODA NĂM 2020

(Đính kèm Báo cáo số 509 /BC-TĐĐHĐ ngày 20 /5 /2020)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Hạng mục	Giá trị		Lũy kế 2016 -> 2019	Kế hoạch năm 2020					KH 2021	KH 2022	Ghi chú
		Dự toán	Hợp đồng		Năm 2020	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV			
					KH	KH	KH	KH	KH			
1	<b>Gói số 12 - (DNE-C1):</b> Giám sát thi công xây lắp											
a	Khối lượng thực hiện	141.718	134.344	132.960	<b>18.501</b>	5.684	4.715	4.783	3.319	11.440	1.869	
b	Giải ngân			133.067	<b>32.137</b>	-	-	27.354	4.783	27.670	1.869	
2	<b>Gói số 12.01 - (DNE-D1):</b> Công tác xây dựng kiến trúc công trình chính					90	200	200	200			
a	Khối lượng thực hiện	593.783	589.551	455.844	<b>27.987</b>	4.503	6.678	8.185	8.621	24.013		
b	Giải ngân			468.836	<b>4.538</b>	-	4.538	-	-	16.724	31.519	
3	<b>Gói số 12.02 - (DNE-D2):</b> Cung cấp, lắp đặt thiết bị cơ khí thủy công											
a	Khối lượng thực hiện	220.555	158.209	157.764	-					445		
b	Giải ngân			148.746	<b>8.336</b>			8.336		2.355	1.910	
4	<b>Gói số 12.03- (DNE-D3):</b> Cung cấp, lắp đặt thiết bị cơ điện											
a	Khối lượng thực hiện	425.421	362.810	352.677	-							
b	Giải ngân			335.410	<b>18.560</b>		1.243		17.317			
5	<b>Lãi vay trong thời gian xây dựng</b>											
a	Thực hiện	28.030		22.921	-							
b	Giải ngân			22.921	<b>17.238</b>	5.746		11.492		17.233	-	
6	<b>TỔNG CỘNG</b>											
	<b>Khối lượng thực hiện</b>			<b>1.122.166</b>	<b>46.488</b>	<b>10.187</b>	<b>11.393</b>	<b>12.968</b>	<b>11.940</b>	<b>35.898</b>	<b>1.869</b>	
	<b>Giải ngân</b>			<b>1.108.980</b>	<b>80.809</b>	<b>5.746</b>	<b>5.781</b>	<b>47.182</b>	<b>22.100</b>	<b>63.982</b>	<b>35.298</b>	

Ghi chú:

1. Gói thầu TVGS:

- Kế hoạch giải ngân trên với dự kiến tháng 6/2020 ký PLHD và TVGS đề nghị thanh toán đầu tháng 7/2020
- Chi phí thực hiện từ tháng 4 đến tháng 12/2019 và chi phí trượt giá từ 2019 về trước khoảng 24.7 tỷ
- Đề nghị thanh toán đầu tháng 7/2020 bao gồm cả chi phí trượt giá từ T6/2020 về trước. Các đợt thanh toán tiếp theo (3 tháng/lần) bao gồm cả trượt giá.
- Quý III và IV/2020 đã giảm MM A4 và A11 mỗi quý chỉ còn giữ 1 MM.

2. Gói thầu 12.01:

- Dự kiến quý II/2020 ký PLHD số 8 và dự kiến giải ngân khối lượng đã thực hiện khoan nổ từ quý III năm 2020
- Kế hoạch giải ngân năm 2020 chỉ tính cho IP 40, các giá trị giải ngân cho KL thực trong năm 2020 sẽ trừ tạm ứng chưa thu hồi hết (giá trị tạm ứng chưa thu hồi khoảng 40 tỷ)

3. Gói thầu 12.02: Dự kiến giải ngân 5% còn lại của HĐ sau khi hoàn thành bảo hành theo HĐ

4. Gói thầu 12.03: Dự kiến giải ngân đợt IP9 (VND) vào quý II.2020; giải ngân 5% còn lại của HĐ sau khi hoàn thành bảo hành theo HĐ.

### KẾ HOẠCH GIẢI NGÂN VỐN ĐỐI ỨNG NĂM 2020

(Đính kèm Báo cáo số 509 /BC-TĐĐHĐ ngày 20/ 5 /2020)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Hạng mục	Đơn vị thực hiện	Dự toán	Hợp đồng	Lũy kế -> 2019	Năm 2020	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	Ghi chú
						KH	KH	KH	KH	KH	
1	Gói số 12.04 - (DNE-D4): Bảo hiểm công trình	LD BH PVI - BẢO VIỆT - PJICO	8.143	7.454	6.949	505		505			Thanh toán phí còn lại của HĐ và PLHĐ
2	Gói thầu Kiểm toán quyết toán dự án hoàn thành	Cty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C	1.756	803	601	104				104	
3	Chi phí quản lý dự án		13.967		4.941	1.154	289	289	289	289	Do tiến độ đào hầm kéo dài nên CPQLDA 2020 sẽ lấy từ CP BCBSX (bảng chi tiết đính kèm)
4	Thuế VAT, thuế nhà thầu Gói thầu số 12 - (DNE-C1): Giám sát thi công xây lắp				13.922	3.214	-	-	2.735	478	
5	Thuế VAT, thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thay nhà thầu Gói thầu số 12.01 - (DNE-D1): Công tác xây dựng kiến trúc công trình chính				45.914	454	-	454	-	-	
6	Thuế VAT, thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thay nhà thầu Gói thầu số 12.02 - (DNE - D2): Cung cấp, lắp đặt thiết bị cơ khí thủy công				15.776	834	-	-	834	-	
7	Thuế VAT, thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thay nhà thầu Gói thầu số 12.03 - (DNE - D3): Cung cấp, lắp đặt thiết bị cơ điện				37.151	1.856	-	124	-	1.732	
8	Chi phí an ninh bảo vệ				960	120	30	30	30	30	
9	Chi phí môi sinh, môi trường				355	94	24	24	24	24	Phí kiểm định môi trường hàng quý khoảng 23,57 triệu đồng/quý
10	Thuê quản lý vận hành đường dây và TBA 22kV Đơn Dương				130	39			39		
11	Phí cho vay lại			18.667	3.539	1.995	907		1.088		
12	Hội đồng nghiệm thu nhà nước				1.165	200		100		100	
	<b>Tổng cộng</b>					<b>10.568</b>	<b>1.249</b>	<b>1.525</b>	<b>5.038</b>	<b>2.756</b>	

## CHI PHÍ BAN QUẢN LÝ DA MRNMTĐ ĐA NHIM NĂM 2020

(Đính kèm Báo cáo số 509 /BC-TĐĐHĐ ngày 20/ 5 /2020)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Hạng mục	Số lượng	Đơn vị tính	Đơn giá	Thành tiền
<b>I</b>	<b>Chi phí nhân sự quản lý (Phụ cấp tiền lương)</b>				<b>811,07</b>
	Phụ cấp kiêm nhiệm				811,07
<b>II</b>	<b>Chi phí công tác</b>				<b>200,00</b>
1	Công tác phí	20	ngày	0,15	3,00
2	Vé máy bay	10	lượt	3,50	35,00
3	Tiền phòng ở	20	ngày	0,60	12,00
4	Tiếp khách	1	gói	150,00	150,00
<b>III</b>	<b>Tài sản phục vụ Ban QLDA</b>				<b>36,00</b>
1	Văn phòng phẩm	12	tháng	3,00	36,00
<b>IV</b>	<b>Chi phí dịch vụ</b>				<b>107,40</b>
1	Chi phí đi lại				70,40
1.1	Xăng dầu ô tô	2000	lít	0,03	50,00
1.2	Lệ phí cầu đường	12	tháng	0,20	2,40
1.3	Sửa chữa, bảo dưỡng ô tô	12	tháng	1,50	18,00
2	Phí chuyên khoản	12	tháng	3,00	36,00
3	Nộp thuế môn bài tại Ninh Thuận	1	gói	1,00	1,00
	<b>Tổng cộng</b>				<b>1.154,47</b>

## KẾ HOẠCH THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN DA MRNMTĐ ĐA NHIM NĂM 2020

(Đính kèm Báo cáo số 509 /BC-TĐĐHĐ ngày 20 / 5 /2020)

*ĐVT: Triệu đồng*

TT	Nguồn vốn	Năm 2020	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV
<b>1</b>	<b>Thực hiện</b>	<b>57.056</b>	<b>11.436</b>	<b>12.918</b>	<b>18.006</b>	<b>14.696</b>
a	Vốn ODA	46.488	10.187	11.393	12.968	11.940
b	Vốn đối ứng	10.568	1.249	1.525	5.038	2.756
<b>2</b>	<b>Giải ngân</b>	<b>91.377</b>	<b>6.995</b>	<b>7.306</b>	<b>52.220</b>	<b>24.856</b>
a	Vốn ODA	80.809	5.746	5.781	47.182	22.100
b	Vốn đối ứng	10.568	1.249	1.525	5.038	2.756

# KẾ HOẠCH KHỐI LƯỢNG THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN VỐN ODA NĂM 2020

(Đính kèm Báo cáo số 509/BC-TĐĐHĐ ngày 20/ 5/2020)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Hạng mục	Giá trị		Lũy kế 2016 -> 2019	Kế hoạch năm 2020					KH 2021	KH 2022	Ghi chú
		Dự toán	Hợp đồng		Năm 2020	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV			
					KH	KH	KH	KH	KH			
1	<b>Gói số 12 - (DNE-C1):</b> Giám sát thi công xây lắp											
a	Khối lượng thực hiện	141.718	134.344	132.960	<b>18.501</b>	5.684	4.715	4.783	3.319	11.440	1.869	
b	Giải ngân			133.067	<b>32.137</b>	-	-	27.354	4.783	27.670	1.869	
2	<b>Gói số 12.01 - (DNE-D1):</b> Công tác xây dựng kiến trúc công trình chính					90	200	200	200			
a	Khối lượng thực hiện	593.783	589.551	455.844	<b>27.987</b>	4.503	6.678	8.185	8.621	24.013		
b	Giải ngân			468.836	<b>4.538</b>	-	4.538	-	-	16.724	31.519	
3	<b>Gói số 12.02 - (DNE-D2):</b> Cung cấp, lắp đặt thiết bị cơ khí thủy công											
a	Khối lượng thực hiện	220.555	158.209	157.764	-					445		
b	Giải ngân			148.746	<b>8.336</b>			8.336		2.355	1.910	
4	<b>Gói số 12.03- (DNE-D3):</b> Cung cấp, lắp đặt thiết bị cơ điện											
a	Khối lượng thực hiện	425.421	362.810	352.677	-							
b	Giải ngân			335.410	<b>18.560</b>		1.243		17.317			
5	<b>Lãi vay trong thời gian xây dựng</b>											
a	Thực hiện	28.030		22.921	-							
b	Giải ngân			22.921	<b>17.238</b>	5.746		11.492		17.233	-	
6	<b>TỔNG CỘNG</b>											
	<b>Khối lượng thực hiện</b>			<b>1.122.166</b>	<b>46.488</b>	<b>10.187</b>	<b>11.393</b>	<b>12.968</b>	<b>11.940</b>	<b>35.898</b>	<b>1.869</b>	
	<b>Giải ngân</b>			<b>1.108.980</b>	<b>80.809</b>	<b>5.746</b>	<b>5.781</b>	<b>47.182</b>	<b>22.100</b>	<b>63.982</b>	<b>35.298</b>	

Ghi chú:

1. Gói thầu TVGS:

- Kế hoạch giải ngân trên với dự kiến tháng 6/2020 ký PLHD và TVGS đề nghị thanh toán đầu tháng 7/2020
- Chi phí thực hiện từ tháng 4 đến tháng 12/2019 và chi phí trượt giá từ 2019 về trước khoảng 24.7 tỷ
- Đề nghị thanh toán đầu tháng 7/2020 bao gồm cả chi phí trượt giá từ T6/2020 về trước. Các đợt thanh toán tiếp theo (3 tháng/lần) bao gồm cả trượt giá.
- Quý III và IV/2020 đã giảm MM A4 và A11 mỗi quý chỉ còn giữ 1 MM.

2. Gói thầu 12.01:

- Dự kiến quý II/2020 ký PLHD số 8 và dự kiến giải ngân khối lượng đã thực hiện khoan nổ từ quý III năm 2020
- Kế hoạch giải ngân năm 2020 chỉ tính cho IP 40, các giá trị giải ngân cho KL thực trong năm 2020 sẽ trừ tạm ứng chưa thu hồi hết (giá trị tạm ứng chưa thu hồi khoảng 40 tỷ)

3. Gói thầu 12.02: Dự kiến giải ngân 5% còn lại của HĐ sau khi hoàn thành bảo hành theo HĐ

4. Gói thầu 12.03: Dự kiến giải ngân đợt IP9 (VND) vào quý II.2020; giải ngân 5% còn lại của HĐ sau khi hoàn thành bảo hành theo HĐ.

**Phụ lục VIII.2 Tình hình thực hiện năm 2019 và Kế hoạch năm 2020**  
**Dự án nhà máy điện mặt trời Đa Mi**  
 (Kèm theo Báo cáo số 509/BC-TĐĐHĐ ngày 20/ 5 /2020)

**1. Tình hình thực hiện năm 2019**

**1.1. Tổng quan**

Đến ngày 27/05/2019, Dự án nhà máy điện mặt trời Đa Mi đã hoàn thành toàn bộ công tác thi công xây dựng, cung cấp, lắp đặt, thử nghiệm và phát điện lên lưới 110kV với công suất lắp đặt 47,5MWp. Dự án đã đưa vào vận hành thương mại từ ngày 01/06/2019.

Tình hình thực hiện dự án tính đến ngày 31/12/2019 như sau:

*Đơn vị: Tỷ đồng (trước thuế)*

TT	HẠNG MỤC	KHĐT	Hợp đồng/ UTH	KH 2019	TH 2019	LK từ 2016
1.	Phần công việc đã thực hiện	4,74	4,71	0,086	0,086	4,719
2.	Phần công việc không áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu	62,23	31,9	14,28	4,843	14,000
3.	Phần công việc thuộc kế hoạch đấu thầu	1.242,72	1.071,67	703,04	693,779	1.057,61
4.	Phần công việc chưa đủ điều kiện lập KHĐT	3,21	4,11	3,90	1,867	2,077
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.312,91</b>	<b>1.112,41</b>	<b>721,31</b>	<b>700,575</b>	<b>1.078,406</b>

Trong đó: Giá trị thực hiện các gói thầu chính DMS-8, DMS-9 và DMS-10 đến ngày 31/05/2019 đạt 100%.

**1.2. Tình hình giải ngân**

Trong năm 2019, giá trị khối lượng thực hiện các gói thầu chính đến ngày 30/6/2019 ước đạt 100% so với kế hoạch. Giá trị giải ngân năm 2019 của dự án được tóm tắt như bảng dưới đây, giá trị giải ngân còn thấp do các nhà thầu ch hoàn thành các hồ sơ, thủ tục thanh toán.

*DVT: triệu đồng*

TT	Nguồn vốn	Giá trị khối lượng			Giá trị giải ngân		
		Kế hoạch	Thực hiện	TH/KH (%)	Kế hoạch	Thực hiện	TH/KH (%)
1	Vốn vay	625.852	625.852	100	625.852	632.060	101
2	Vốn đối ứng	92.517	87.403	94,47	95.459	68.515	72

DVT: triệu đồng

TT	Nguồn vốn	Giá trị khối lượng			Giá trị giải ngân		
		Kế hoạch	Thực hiện	TH/KH (%)	Kế hoạch	Thực hiện	TH/KH (%)
	<b>Tổng cộng</b>	<b>718.369</b>	<b>713.255</b>	<b>99,29</b>	<b>721.311</b>	<b>700.575</b>	<b>97,1</b>

Ghi chú:

- Giá trị giải ngân thấp hơn kế hoạch do một phần công việc đã thực hiện trong năm 2018 như phí ADB thuê tư vấn đánh giá dự án và chi phí cho nhân viên của ADB đi lại tham gia đánh giá dự án, v.v..

- Khối lượng thực hiện và giá trị giải ngân ước đạt 700,575 tỷ đồng, thấp hơn so với kế hoạch, cụ thể như sau:

+ Phần vốn vay giải ngân tăng do giá trị USD trong kế hoạch tính theo tỉ giá thời điểm ký hợp đồng (khoảng 22.785VND=1USD) nhưng khi thanh toán thời giá cao hơn (trung bình trên 23.000VND=1USD).

+ Phần vốn đối ứng thấp do nhà thầu gói DMS-10 chưa hoàn thành hồ sơ thanh toán cho phần tiền giữ lại và chưa thanh toán một số hạng mục.

## 2. Kế hoạch năm 2020

### 2.1. Các gói thầu liên quan

a) Gói thầu DMS-8: Tiếp tục thu thập số liệu sau 1 năm vận hành.

b) Gói thầu DMS-14, DMS-19 và công việc giám sát của Chủ đầu tư: Thực hiện các công việc liên quan gói thầu DMS-8, DMS-9 và DMS-10 trong giai đoạn bảo hành. Đánh giá hiệu suất nhà máy giai đoạn sau sau 1 năm vận hành. và đánh giá hiệu suất.

c) Gói thầu DMS-13: Hoàn thành công tác quyết toán của Dự án.

### 2.2. Kế hoạch giải ngân Quý I và năm 2020:

- Kế hoạch năm 2020 của dự án chủ yếu thực hiện công tác bảo hành các gói thầu chính dự án và đánh giá hiệu suất nhà máy sau 1 năm vận hành. Kế hoạch thực hiện và giải ngân năm 2020 tóm tắt như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nguồn vốn	Năm 2020	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV
<b>1.</b>	<b>Khối lượng</b>	<b>2.272</b>		2.075	-	197
a)	Vốn vay	-	-	-	-	-
b)	Vốn đối ứng	2.272		2.075	-	197
<b>2.</b>	<b>Giải ngân</b>	<b>17.110</b>	<b>1.695</b>	<b>13.614</b>	<b>1.348</b>	<b>453</b>
a)	Vốn vay	-	-	-	-	-
b)	Vốn đối ứng	17.110	1.695	13.614	1.348	453



- Khối lượng thực hiện năm 2020 là 2,27 tỉ đồng theo kế hoạch EVNGENCO1 giao đầu năm bao gồm công tác quản lý dự án của Chủ đầu tư, TVHTKT và TVQLDA để thực hiện đánh giá kết quả sau 1 năm vào vận hành và công tác kiểm toán quyết toán dự án.

- Giá trị giải ngân đăng ký năm 2020 là 17,110 tỉ đồng cao hơn so với kế hoạch EVNGENCO1 giao đầu năm do một số công việc đã thực hiện trong năm 2019 nhưng Nhà thầu chậm hoàn thành hồ sơ thanh toán phải chuyển tiếp qua năm 2020, cụ thể như sau:

+ Gói thầu DMS-10 (Thiết kế, cung cấp, lắp đặt, thử nghiệm trạm và đường dây 110kV): Nhà thầu chậm hoàn thành hồ sơ thanh toán phải chuyển tiếp qua năm 2020 khoảng 13,6 tỉ đồng.

+ Gói thầu DMS-16 (Bảo hiểm công trình trong thời gian xây dựng cho gói thầu DMS-8,9,10): Nhà thầu chưa hoàn thành quyết toán các gói thầu chính phải chuyển tiếp qua năm 2020 khoảng 0,17 tỉ đồng.

+ Gói thầu DMS-12: Nhà thầu rà phá bom mìn năm 2019 chưa hoàn thành quyết toán 5% phải chuyển tiếp qua năm 2020 khoảng 0,26 tỉ đồng.

+ Phí cam kết vốn vay, chi phí tư vấn ADB chưa thực hiện năm 2019 tiếp tục chuyển tiếp sang năm 2020.

TỔNG HỢP KẾ HOẠCH THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN DA DMS NĂM 2019						
Đơn vị: Triệu Đồng (Trước VAT)						
TT	Nguồn Vốn	Năm 2019	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV
1	KH Thực hiện	718.369	533.476	170.403	10.480	4.010
a	Vốn vay	625.852	479.549	146.303.43	-	-
b	Vốn đối ứng	92.517	53.928	24.099	10.480	4.010
2	KH Giải ngân	721.311	150.123	109.087	451.923	10.177
a	Vốn vay	625.852	148.608.27	104.821.95	372.422	-
b	Vốn đối ứng	95.459	1.515	4.265	79.501	10.177
3	Giải Ngân	700.575	165.291	112.456	147.200	275.628
a	Vốn vay	632.060	163.721.07	104.821.95	118.937	244.579.69
b	Vốn đối ứng	68.515	1.570	7.635	28.263	31.048
Tỉ lệ UTH/KH		97%	110%	103,1%	32,6%	2708%

Tình hình giải ngân của dự án	Thuế TNDN nộp thay NTNN	Sau VAT
1. Tổng giá trị giải ngân từ đầu cho đến thời điểm hiện tại	6.677.307.187	1.189.900.748.129
2. Tổng giá trị giải ngân trong năm 2019 đến thời điểm báo cáo	4.880.166.979	761.078.883.287

Phụ lục 2: KẾ HOẠCH THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN NĂM 2019 CHO DỰ ÁN NHÀ MÁY ĐIỆN MẶT TRỜI ĐÀ MI

TT	Hạng mục	Giá trị theo HD	Số giải ngân đến 31.12.2018	KH 2019		Quý I		Quý II		Quý III		Quý IV		Tổng 2019			Ghi chú							
				Trước VAT	Sau VAT	KẾ HOẠCH		GIẢI NGÂN		KẾ HOẠCH		GIẢI NGÂN		KẾ HOẠCH		GIẢI NGÂN		KẾ HOẠCH G.NGÂN		GIẢI NGÂN				
						TH	GN	Trước VAT	TH	GN	Trước VAT	TH	GN	Trước VAT	TH	GN		Trước VAT	TH	GN	Trước VAT	TH	GN	Trước VAT
1	DMS-5:Thăm tra báo cáo nghiên cứu khả thi	429.227.273	343.381.818	85.845.455	94.430.000	-	-	-				85.845.455	85.845.455		-	-	85.845.455	85.845.455	85.845.455	85.845.455				
2	Chi phí cho yếu tố khối lượng công việc phát sinh cho cac hạng mục công việc không áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu																-	-	-					
	- Gói DMS-10 ( thay đổi trụ số 07- 08-09-10 của đz 110kV)	1.500.000.000	-	1.500.000.000	1.650.000.000							1.500.000.000	1.500.000.000				1.500.000.000	1.500.000.000		-				
	- DMS-26.3: Gói Đo đếm chất lượng điện năngFR/PQ/PMU	950.000.000	-	950.000.000	1.045.000.000							950.000.000	950.000.000				953.900.000	950.000.000	950.000.000	953.900.000				
	- Vệ sinh phần ngập lòng hồ DMS-9	1.800.000.000	-	1.800.000.000	1.980.000.000	1.800.000.000							1.800.000.000				1.800.000.000	1.800.000.000		-				
	- Chi phí lập, thẩm định HSMT, Đánh giá HSĐT, V.V.. Của chủ đầu tư	580.000.000	-	580.000.000	580.000.000	580.000.000							580.000.000				580.000.000	580.000.000		-				
3	Phí ADB thuê tư vấn đánh giá dự án và chi phí cho nhân viên của ADB đi lại tham gia đánh giá dự án nêu tại tờ trình số 95/TT-Tr-TĐĐHD ngày 12/10/2017																-	-	-					
	- HD Appointment of Lender's Technical Advisor này 03/05/2018 của DHD và ADB và PoyryT (Tư vấn Kỹ thuật Poyry)	1.389.894.310	1.625.847.977	119.121.510	153.072.311		90.232.120	90.232.120					28.889.390	123.800.417			34.141.822	-	119.121.510	248.174.359				
	- HD Appointment of Environment and Social Consultant ngày 10/04/2018 của DHD và ADB và Mott MacDonald Singapore	1.217.927.500	1.119.404.000	98.523.500	98.449.816								98.523.500				-	98.523.500		-				
	-HD Tư vấn ngày 14/06/2018 của DHD và ADB và PwC	620.869.845	502.704.546	118.165.299	67.894.844								118.165.299				-	118.165.299		-				
	- Insurance advisor/Willis Watson	533.975.840	-	533.975.840	562.295.500					356.895.000	356.895.000		177.080.840				-	533.975.840	356.895.000					
	- Legal services/Watson Farley&Williams (08/05/2018)	1.047.190.000	-	1.047.190.000	1.102.304.065								1.047.190.000				1.172.342.603	-	1.047.190.000	1.172.342.603				
	- Legal services/LVN&Associates (Local)	455.300.000	-	455.300.000	455.300.000								455.300.000				676.626.041	-	455.300.000	676.626.041				
	- Chi phí đi lại của nhân viên ADB	569.125.000	-	569.125.000	569.125.000								569.125.000				-	569.125.000		-				
	-Tư vấn Giám sát Môi trường và Xã hội ngày 20/06/2018 của DHD và ADB và ERM	2.612.579.695	2.640.467.105														-	-		-				
4	Phí cam kết rút vốn 0,4% trên số tiền giải ngân	1.629.541.611		1.629.541.611	1.629.541.611							1.629.541.611	1.629.541.611					1.629.541.611	1.629.541.611		-			
5	Chi phí Hội đồng nghiệm thu	409.090.909	-	409.090.909	409.090.909	-	-					409.090.909	409.090.909					409.090.909	409.090.909		-			
6a	QLDA của Chủ đầu tư (Chi phí lương kiêm nhiệm 20 người hệ số lương trung bình 3,8 và chi phí khác)_DMS-14 CĐT (PL3)	1.462.158.763	664.562.140	797.596.623	797.596.623	-	-		252.127.798	252.127.798	265.294.101	545.468.825	545.468.825	137.521.636		-	-		797.596.623	797.596.623	402.815.737			
6b	Chi phí chuẩn bị sản xuất (PL2)	1.818.181.818	254.560.000	1.563.621.818	1.563.621.818	-	-		157.282.091	157.282.091		937.253.181,69	937.253.182			469.086.545	469.086.545		1.563.621.818	1.563.621.818		-		
7	Chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng									-			-					-	-		-			
	- Chi phí bồi thường	5.598.933.570	2.960.779.829	2.078.260.384	2.078.260.384	1.010.357.684	1.010.357.684	1.010.357.684				214.126.188	1.067.902.700	1.067.902.700			-	-	33.209.000	2.078.260.384	2.078.260.384	1.257.692.872		
8	Chi phí thăm tra, phê duyệt quyết toán	1.057.574.291	-	650.988.420	650.988.420											650.988.420	650.988.420		650.988.420	650.988.420		-		
9	Đánh giá hồ sơ dự thầu gói thầu DMS - 8, DMS-9, DMS-10	195.352.300		177.593.000	195.352.300	-	-		177.593.000	177.593.000	177.593.000								177.593.000	177.593.000	177.593.000		Đã Hoàn thành	
10	DMS-7: Lắp hồ sơ mời thầu các gói thầu chính của dự án	427.521.850	406.145.727	21.376.123	23.513.735		21.376.123	-				21.376.091	21.376.091				-	-		21.376.123	21.376.091	21.376.091		Đã Hoàn thành
11	DMS-8: Thiết kế, cung cấp, lắp đặt và thử nghiệm hệ thống thiết bị	555.057.416.875	205.553.374.300	349.504.042.575	384.454.446.832	244.652.829.802	103.269.861.729	103.269.861.729	104.851.212.773	12.360.720.458	12.360.720.458		233.873.460.388	38.042.340.000			-	-	203.340.098.580	349.504.042.575	349.504.042.575	357.013.020.767		
12	DMS-9: Thiết kế, cung cấp, lắp đặt và thử nghiệm hệ thống phao neo	410.148.256.250	133.800.109.079	276.348.147.171	303.982.961.888	234.895.925.095	45.338.405.958	60.451.207.944	41.452.222.076	92.461.225.649	92.461.225.649	-	138.548.515.564	80.894.417.570			-	-	41.239.588.567	276.348.147.171	276.348.147.171	275.046.439.730		
13	DMS-10: Thiết kế, cung cấp, lắp đặt, thử nghiệm trạm và đường dây	76.820.021.378	19.205.005.345	57.615.016.033	63.376.517.636	40.330.511.223							51.853.514.430	27.258.510.217				5.761.501.603,30	16.742.511.721	57.615.016.033	57.615.016.033	44.001.021.938		
14	DMS-11: Khảo sát lắp phương án rà phá bom mìn, vật nổ	109.272.727	-	109.272.727	120.200.000					109.272.727	109.272.727		-	-			-	-		109.272.727	109.272.727			Đã Hoàn thành
15	DMS-12:Chi phí rà phá bom mìn	5.339.596.955	-	5.339.596.955	5.873.556.651	5.339.596.955							5.339.596.955					-	4.974.663.895	5.339.596.955	5.339.596.955	4.974.663.895		
16	DMS-13: Kiểm toán dự án	2.665.533.666	-	2.665.533.666	2.932.087.033	-	-					1.332.766.833,00	1.332.766.833	632.500.000	1.332.766.833,00	1.332.766.833	1.253.500.000	2.665.533.666	1.886.000.000					
17	DMS-14: Tư vấn Quản lý dự án	8.597.079.085	2.293.420.366	4.154.388.947	4.569.827.843	1.246.316.684,10	-		1.246.316.684	1.851.255.995	1.851.255.995	1.038.597.236,75	1.679.974.610				623.158.342,05	623.158.342	1.351.076.258	4.154.388.947	4.154.388.947	3.202.332.253		
18	DMS-15: Chi phí đo vẽ bản đồ địa chính phục vụ giao đất và cắm mốc	381.539.258	326.818.347					54.720.909,0											-	-		54.720.909		
19	DMS-16: Bảo hiểm công trình trong thời gian xây dựng cho gói thầu	833.113.461	333.245.385	499.868.076	549.854.884	-	-				-	416.556.730	416.556.731	416.556.731			83.311.346,10	83.311.346		499.868.077	499.868.077	416.556.730		
20	DMS-19: Tư vấn hỗ trợ kỹ thuật các gói thầu EPC	8.838.656.103	515.917.006	5.671.142.267	6.280.039.949	1.134.228.453			3.119.128.247	1.338.878.120	3.500.514.418		567.114.227	3.481.592.807		-	850.671.340,00	850.671.340	2.833.381.859	5.671.142.267	5.671.142.267	6.333.896.277		
21	DMS-21: Tư vấn luật rà soát, góp ý các hợp đồng vay vốn (Không có	316.560.909	-	316.560.909	348.217.000	316.560.909						316.560.909	-	316.560.909			-	-		316.560.909	316.560.909	316.560.909		Đã Hoàn thành
22	DMS-23: Chi phí bảo vệ trong quá trình thi công xây dựng	360.000.000	-	360.000.000	396.000.000	-	-		360.000.000			288.191.182		360.000.000						360.000.000	360.000.000	288.191.182		
23	DMS-24: Kiểm định an toàn cho các thiết bị hoạt động trên hồ	300.000.000	-	300.000.000	330.000.000	-	-		300.000.000					300.000.000						300.000.000	300.000.000		-	
24	DMS-25: Chi phí dịch tài liệu	100.000.000	-	100.000.000	110.000.000				100.000.000					100.000.000			-	-		32.874.545	100.000.000	100.000.000	32.874.545	
25	DMS-26: Chi phí liên quan đến hợp đồng mua bán điện, đóng điện: + Kiểm định thiết bị đo đếm (PT, CT, công tơ); + Chi phí tính toán, cài đặt và chỉnh định trị số cài đặt rô le + <b>Đào tạo công nhận chức danh trưởng ca (Hoàn thành 2018).</b> + Lắp quy trình phối hợp vận hành với các trung tâm điều độ.	2.530.744.924	209.450.815	2.321.294.109	2.553.423.520	1.624.905.876		-	-	696.388.233	-	116.878.658		-	2.321.294.109	110.986.364		-	-	474.500.000	2.321.294.109	2.321.294.109	702.365.022	
	- DMS-26.2: Lắp phương án đóng điện hòa lưới trạm và																							

	- DMS-26.1: Đào tạo trưởng ca	209.450.815	209.450.815	-	-	-			-				-				-	-	-	Đã Hoàn thành		
	- DMS-26.4: Kết nối, truyền dữ liệu về hệ thống SCADA của EVNSPC	480.909.091		480.909.091	529.000.000	336.636.363,70			144.272.727,30				480.909.091				474.500.000	480.909.091	480.909.091	474.500.000		
	- Nội dung khác(DIM)	500.000.000		500.000.000	550.000.000	350.000.000,00			150.000.000,00				500.000.000	110.986.364				500.000.000	500.000.000	110.986.364		
26	DMS-27: Thẩm tra thiết kế Kỹ thuật	414.608.340	-	414.608.340	456.069.174	414.608.340	414.608.340,00	414.608.340,0										414.608.340	414.608.340	414.608.340	Đã Hoàn thành	
27	DMS-29: Tư vấn luật Hỗ trợ đàm phán, tư vấn chung và hỗ trợ hoàn tất giao dịch hợp đồng vay vốn (YKVN)	429.332.727	-	429.332.727	472.266.000	-	-		405.909.091				-	-		-	405.909.091	429.332.727	405.909.091	405.909.091	429.332.727	
TỔNG CỘNG				721.334.119.994	792.511.305.745	533.476.489.872	150.123.465.831	165.290.988.726	170.402.684.802	109.086.626.929	112.456.461.106	10.480.137.709	451.923.210.045	147.200.076.204	4.009.982.827	10.177.393.521	275.627.593.072	718.369.295.210	721.310.696.326	700.575.119.108	7	

TỔNG HỢP KẾ HOẠCH THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN DA DMS NĂM 2020						
Đơn vị: Tỷ Đồng (Trước VAT)						
TT	Nguồn Vốn	Năm 2020	Quy I	Quy II	Quy III	Quy IV
1	KH THỰC HIỆN	2.272	-	2.075	-	197
a	Vốn vay	-	-	-	-	-
b	Vốn đối ứng	2.272	-	2.075	-	197
2	KẾ HOẠCH GIẢI NGÂN	17.110	1.695	13.614	1.348	453
a	Vốn vay	-	-	-	-	-
b	Vốn đối ứng	17.110	1.695	13.614	1.348	453
3	SỐ GIẢI NGÂN	-	-	-	-	-
a	Vốn vay	-	-	-	-	-
b	Vốn đối ứng	-	-	-	-	-
Tỉ lệ UTH/KH		0%	0%	0,0%	0,0%	0%
So sánh UTH và KH Năm			0%	0%	0%	0%

Tình hình giải ngân của dự án	Trước VAT	Thuế TNDN nộp thay NTNN	Sau VAT
1. Tổng giá trị giải ngân từ đầu cho đến thời điểm hiện tại	1.085.513.600.161	#####	1.189.900.748.129
2. Tổng giá trị giải ngân trong năm 2020 đến thời điểm báo cáo	700.575.119.108	#####	761.078.883.287
<b>Ghi chú:</b> - Dự án hoàn thành đưa vào vận hành thương mại từ 01-06-2018			

Phụ lục 2: KẾ HOẠCH THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN NĂM 2019 CHO DỰ ÁN NHÀ MÁY ĐIỆN MẶT TRỜI ĐA MI																										
Đơn vị: Triệu đồng																										
TT	Hạng mục	Giá trị theo HD	Số giải ngân đến 31.12.2019	2020		QI				QII				QIII				QIV				2020				Ghi chú
				Trước VAT	Sau VAT	KH		GIẢI NGÂN		KH		GIẢI NGÂN		KH		GIẢI NGÂN		KH		GIẢI NGÂN		TH	KH	GIẢI NGÂN		
						TH	GN	Trước VAT	Sau VAT	TH	GN	Trước VAT	Sau VAT	TH	GN	Trước VAT	Sau VAT	TH	GN	Trước VAT	Sau VAT		GN	Trước VAT	Sau VAT	
1	Phí ADB thuê tư vấn đánh giá dự án và chi phí cho nhân viên của ADB đi lại tham gia đánh giá dự án nêu tại tờ trình số 95/TTr-TĐĐHD ngày 12/10/2017	8.446.862.190	8.342.461.631	715.170.688	749.825.602	-	715.170.688	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	715.170.688	-	-	
	- HD Appointment of Lender's Technical Advisor này 03/05/2018 của DHD và ADB và PoyryT (Tư vấn Kỹ thuật Poyry)	1.389.894.310	1.874.022.336																			-	-	-	-	
	- HD Appointment of Environment and Social Consultant ngày 10/04/2018 của DHD và ADB và Mott MacDonald Singapore	1.217.927.500	1.119.404.000																			-	-	-	-	
	-HD Tư vấn ngày 14/06/2018 của DHD và ADB và PwC	620.869.845	502.704.546																			-	-	-	-	
	- Insurance advisor/Willis Watson	533.975.840	356.895.000																			-	-	-	-	
	- Legal services/Watson Farley&Williams (08/05/2018)	1.047.190.000	1.172.342.603	693.098.289	727.753.204		693.098.289															-	693.098.289	-	-	
	- Legal services/LVN&Associates (Local)	455.300.000	676.626.041																			-	-	-	-	
	- Chi phí đi lại của nhân viên ADB	569.125.000	-	22.072.399	22.072.399		22.072.399															-	22.072.399	-	-	
	-Tư vấn Giám sát Môi trường và Xã hội ngày 20/06/2018 của DHD và ADB và ERM	2.612.579.695	2.640.467.105																			-	-	-	-	
2	Phí cam kết rút vốn 0,4% trên số tiền giải ngân	1.629.541.611		162.771.248	162.771.248		162.771.248															-	162.771.248	-	-	
3	QLDA của Chủ đầu tư (Chi phí lương kiêm nhiệm 20 người hệ số lương trung bình 3,8 và chi phí khác)_DMS-14 CĐT (PL3)	1.462.158.763	1.067.377.877	197.390.443	217.129.487		-											197.390.443	197.390.443			197.390.443	197.390.443	-	-	
4	DMS-10: Thiết kế, cung cấp, lắp đặt, thử nghiệm trạm và đường dây 110kV	76.820.021.378	63.206.027.283	13.613.994.095	14.975.393.505	-					13.613.994.095											-	13.613.994.095	-	-	
5	DMS-12:Chi phí rà phá bom mìn	5.339.596.955	4.974.663.895	263.209.730	289.530.703		263.209.730																263.209.730			
6	DMS-13: Kiểm toán dự án	2.665.533.666	1.886.000.000	172.500.000	189.750.000					172.500.000,0		-							172.500.000			172.500.000	172.500.000	-	-	
7	DMS-14: Tư vấn Quản lý dự án	8.597.079.085	5.495.752.619	877.244.443	964.968.888	-	554.160.825			877.244.443,2					323.083.618						877.244.443	877.244.443	-	-		
8	DMS-16: Bảo hiểm công trình trong thời gian xây dựng cho gói thầu DMS-8,9,10;	833.113.461	749.802.115	83.311.346	91.642.481	-													83.311.346			-	83.311.346	-	-	
9	DMS-19: Tư vấn hỗ trợ kỹ thuật các gói thầu EPC	8.838.656.103	6.849.813.283	1.024.858.591	1.127.344.450	-	-			1.024.858.591,0					1.024.858.591						1.024.858.591	1.024.858.591	-	-		
TỔNG CỘNG				17.110.450.584	18.768.356.363	-	1.695.312.491	-	-	2.074.603.034	13.613.994.095	-	-	-	1.347.942.209	-	-	197.390.443	453.201.789	-	-	2.271.993.477	17.110.450.584	-	-	

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
VỀ TÌNH HÌNH QUẢN LÝ CÔNG TY NĂM 2019  
VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2020**

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi và các quy định pháp luật liên quan, Hội đồng quản trị Công ty trân trọng báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 về kết quả công tác quản trị của Hội đồng quản trị năm 2019 và phương hướng hoạt động năm 2020 như sau:

**Phần I**

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2019**

**I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

**1. Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh**

Thực hiện Nghị quyết số 51/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2019 của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2019, Hội đồng quản trị (HĐQT) đã kịp thời chỉ đạo Công ty vượt qua những khó khăn, hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu chủ yếu, đảm bảo sự phát triển ổn định của Công ty đã duy trì nhiều năm qua, cụ thể như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	Tỉ lệ (%)
1.	Sản lượng điện sản xuất	Tr.kWh	2.665	2.669,8	100,2
2.	Sản lượng điện thương phẩm	Tr.kWh	2.640	2.651	100,4
3.	Tổng doanh thu	Tr.đ	1.717.996	2.253.238	131,15
4.	Tổng chi phí	Tr.đ	1.024.696	978.332	95,48
5.	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	693.300	1.274.906	183,89
6.	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	555.307	1.047.756	188,68
7.	Cổ tức	%	12	24	200

## 2. Công tác Đầu tư xây dựng - Đầu tư phát triển

- Dự án mở rộng NMTĐ Đa Nhim: Kế hoạch giải ngân là 269.221 triệu đồng, thực hiện giải ngân là 199.543 triệu đồng đạt 74,12%.

- Dự án mở rộng NMTĐ Đa Nhim giai đoạn 2: Kế hoạch giải ngân là 2.271 triệu đồng. Trong năm 2019, không thực hiện giải ngân liên quan đến Dự án. Công ty đang phối hợp với Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 (PECC2) giải trình UBND tỉnh Ninh Thuận và các sở ngành về các tác động, ảnh hưởng của Dự án đến sản xuất, sinh hoạt của người dân trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận trước khi được thỏa thuận quy hoạch địa điểm xây dựng dự án và phê duyệt chủ trương đầu tư.

- Dự án điện mặt trời Đa Mi: Kế hoạch giải ngân là 721.311 triệu đồng, thực hiện giải ngân 700,575 triệu đồng đạt 97,13%.

- Công tác đầu tư phát triển: Công ty đăng ký kế hoạch vốn là 72.220 triệu đồng, thực hiện là 61.668 triệu đồng, đạt 85,39% kế hoạch.

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	Tỉ lệ (%)
1.	Dự án mở rộng NMTĐ Đa Nhim	Tr.đ	269.221	199.543	74,12
2.	Dự án mở rộng NMTĐ Đa Nhim giai đoạn 2	Tr.đ	2.271	0	0
3.	Dự án Nhà máy điện mặt trời Đa Mi	Tr.đ	721.311	700,575	97,13
4.	Đầu tư phát triển	Tr.đ	72.220	61.667	85,39

## 3. Công tác đầu tư tài chính

Trong năm 2019, Công ty không thực hiện phát sinh góp vốn vào các Công ty cổ phần. Công ty đã nhận được cổ tức từ các công ty con, công ty liên kết với tổng số tiền là 20,08 tỷ đồng.

## 4. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị

Stt	Nội dung	Số người	Thực hiện
1.	Tiền lương Chủ tịch HĐQT	1	788.348.000
2.	Tiền lương Trưởng Ban kiểm soát	1	646.248.000
3.	Thù lao Kiểm soát viên	2	247.728.000
	<b>Tổng Cộng</b>		<b>1.682.324.000</b>

## 5. Chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính 2018

HDQT đã chỉ đạo thực hiện theo Điều 5 Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2019.

## **6. Phân phối lợi nhuận 2018**

HDQT đã chỉ đạo thực hiện phân phối lợi nhuận theo Điều 7 Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2019.

## **7. Sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị Công ty**

HDQT đã chỉ đạo thực hiện theo Điều 9 Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2019.

## **8. Kết quả đánh giá hiệu quả hoạt động và xếp loại doanh nghiệp: Xếp loại A.**

# **II. CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA HDQT**

## **1. Các cuộc họp HDQT và lấy ý kiến thành viên HDQT, ban hành các quyết định thuộc thẩm quyền**

HDQT duy trì các cuộc họp thường kỳ, thực hiện nghiêm túc các nguyên tắc, quy định theo quy chế làm việc của HDQT, đúng quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty. Năm 2019, Công ty đã thực hiện 1 cuộc họp ĐHĐCĐ bất thường, 7 cuộc họp HDQT và 65 lượt lấy phiếu ý kiến để thực hiện các nghị quyết đại hội, thông qua các kế hoạch và các báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh quý, 6 tháng, năm; hoạch định kế hoạch kinh doanh theo quý, năm; giải quyết các vấn đề về đầu tư phát triển, các định hướng chiến lược và phát triển kinh doanh. HDQT đã ký ban hành 46 nghị quyết và 26 quyết định, trong đó:

- 7 nghị quyết thông qua nội dung phiên họp.
- 39 nghị quyết thực liên quan đến công tác nhân sự, tiền lương, tạm ứng cổ tức,...
- 26 quyết định liên quan đến dự án đầu tư, đầu tư phát triển...

Trong năm 2019, Công ty áp dụng các quy định, quy chế dùng chung trong Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam và Tổng công ty Phát điện 1.

(Chi tiết nội dung các Nghị quyết, Quyết định ban hành trong năm 2019 theo Phụ lục đính kèm)

## **2. Chi trả cổ tức năm 2018**

Căn cứ vào phương án phân phối lợi nhuận năm 2018 và Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 về chỉ tiêu cổ tức chia cho cổ đông, HDQT đã chỉ đạo thực hiện chi trả cổ tức năm 2018 cho cổ đông với tỉ lệ 22%.

## **3. Công tác phối hợp Ban kiểm soát**

Phối hợp tốt với Ban Kiểm soát giám sát việc thực hiện nghị quyết của ĐHĐCĐ và HDQT nhằm duy trì tính an toàn và đảm bảo hoạt động của Công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

## **4. Đánh giá của HDQT về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty**

Trong năm 2019, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã có nhiều nỗ lực trong việc tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị. Trong quá trình điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư, Tổng Giám đốc thường xuyên báo cáo Hội đồng quản trị về tình hình sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính, tiến độ dự án đầu tư và các hoạt động khác của đơn vị để Hội đồng quản trị có ý kiến chỉ đạo kịp thời.

Bên cạnh Ban Tổng Giám đốc và bộ máy giúp việc còn có các cán bộ quản lý có trình độ chuyên môn phù hợp, có năng lực và tinh thần trách nhiệm với công việc. Trong Công ty có sự đoàn kết nội bộ và sự phối hợp hoạt động nhịp nhàng đã tạo ra môi trường làm việc chuyên nghiệp, thân thiện tạo tiền đề giúp Công ty hoàn thành tốt các chỉ tiêu mà Đại hội đồng cổ đông đã giao.

### III. ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM CỦA HĐQT

#### 1. Đánh giá về tình hình tài chính Công ty

Với tinh thần trách nhiệm trước các cổ đông, người lao động trong Công ty, các bên có quyền lợi liên quan và sự phát triển của Công ty, HĐQT đã chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc một cách sát sao và kịp thời để hoàn thành tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019. Các chỉ tiêu cơ bản về đánh giá tình hình tài chính và khả năng sinh lợi của Công ty như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	2018	2019
1.	Tài sản ngắn hạn/tổng tài sản	%	30	22
2.	Tài sản dài hạn/tổng tài sản	%	70	78
3.	Hệ số nợ/vốn Chủ sở hữu	%	50	44
4.	Khả năng thanh toán nhanh	lần	1,84	2,47
5.	Khả năng thanh toán ngắn hạn	lần	1,87	2,59
6.	Tỷ suất doanh thu thuần/Tổng vốn	%	26,9	24,0
8.	Tỷ suất lợi nhuận trên vốn (ROE)	%	21,54	17,6
9.	Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (ROA)	%	14,64	11,96

Nhận xét:

- Về cơ cấu nguồn vốn: Tài sản dài hạn chiếm tỷ trọng lớn so với tài sản ngắn hạn là phù hợp với đặc thù của ngành sản xuất điện. Năm 2019, tỷ trọng tài sản ngắn hạn tăng do Công ty đang thực hiện 2 dự án đầu tư xây dựng gồm Dự án mở rộng NMTĐ Đa Nhim và Dự án nhà máy điện mặt trời Đa Mi.

- Về hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu: Hệ số nợ giảm so với năm 2018 do trong năm trả gốc vay các hợp đồng vay nhiều hơn số nhận nợ của 2 dự án mới là Dự án mở rộng

NMTĐ Đa Nhim, Dự án Nhà máy điện mặt trời Đa Mi và vốn chủ sở hữu tăng so với năm trước.

- Khả năng thanh toán: Khả năng thanh toán tăng so với năm 2018. Khả năng thanh toán năm 2019 đều ở mức tốt, tăng so với đầu năm cho thấy tình hình tài chính lành mạnh của Công ty.

- Các chỉ số về khả năng sinh lợi năm 2019 thấp hơn năm 2018 do doanh thu sản xuất điện giảm làm cho lợi nhuận giảm, trong khi tổng tài sản tăng do Công ty đang đầu tư 2 dự án mới và vốn chủ sở hữu tăng do trích lập quỹ ĐTPT năm trước.

## **2. Đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị**

HĐQT đã thực hiện nhiệm vụ của mình một cách cẩn trọng, tập trung hoạch định chiến lược, đưa ra các quyết định chính xác, kịp thời chỉ đạo hoạt động kinh doanh, đẩy mạnh công tác giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc, đảm bảo hài hòa lợi ích của Công ty, Tổng công ty Phát điện 1 và người lao động trong Công ty, tạo nền móng vững chắc cho sự phát triển của Công ty.

Căn cứ điều lệ Công ty và các Quy chế quản lý điều hành Công ty, HĐQT đã thường xuyên kiểm tra và giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc trong việc thực hiện các mục tiêu và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

HĐQT đã phối hợp chặt chẽ với Ban kiểm soát duy trì tính an toàn và hoàn thiện cơ chế hoạt động của Công ty. Các thành viên HĐQT cũng đã tham gia vào những hoạt động quan trọng về chiến lược kinh doanh, cơ chế làm việc và một số vấn đề kinh doanh khác.

Hoạt động của HĐQT luôn bám sát tình hình thực tế của Công ty, đề ra các chủ trương, kế hoạch ngắn hạn, dài hạn phù hợp, kịp thời; quản trị và giám sát chặt chẽ hoạt động điều hành, hỗ trợ và đảm bảo hiệu quả cao hoạt động điều hành của Tổng giám đốc.

Các nghị quyết, quyết định của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc đều dựa trên sự thống nhất cao của các thành viên HĐQT và sự đồng thuận của các cổ đông.

Việc công bố thông tin đảm bảo tính chính xác, kịp thời và tuân thủ các quy định về nội dung.

## **Phần II**

### **PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2020**

#### **1. Mục tiêu:**

- Đảm bảo hệ thống công trình, thiết bị và các tổ máy phát điện vận hành an toàn, ổn định, hiệu quả;

- Hoàn thành kế hoạch doanh thu, chi phí, lợi nhuận, tỉ lệ cổ tức, chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật, tài chính, năng suất lao động;

- Vận hành khai thác tối ưu các hồ chứa và đảm bảo cấp nước hạ du;

- Thi công hoàn thành các hạng mục còn lại của Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim và phát điện tổ máy H5 với công suất 80 MW trong quý 3/2021; quyết toán Dự án nhà máy điện mặt trời Đa Mi trong năm 2020;

- Nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và đảm bảo thu nhập cho người lao động.

## **2. Nhiệm vụ và giải pháp**

### **2.1 Nhiệm vụ:**

- Cập nhật, hiệu chỉnh và bổ sung các quy trình, quy định, hướng dẫn công việc đối công tác quản lý vận hành, sửa chữa bảo dưỡng và kỹ thuật, an toàn;

- Tiếp tục củng cố và nâng cao kỷ luật vận hành, sửa chữa đảm bảo các thiết bị, tổ máy vận hành ổn định, an toàn, tin cậy và hiệu quả;

- Xây dựng kế hoạch kiểm tra, bảo dưỡng thiết bị, tổ máy hợp lý để thuận lợi trong việc chào giá nhằm tăng doanh thu đồng thời đảm bảo tiến độ sửa chữa để thiết bị vận hành an toàn, ổn định;

- Hoàn thành các chỉ tiêu theo chương trình thực hành tiết kiệm và chống lãng phí năm 2020 theo kế hoạch 5 năm (2016-2020);

- Tiếp tục nâng cao chất lượng đào tạo, xây dựng đội ngũ nhân lực kế thừa, năng lực quản trị và chất lượng nguồn nhân lực, đảm bảo đáp ứng nhu cầu trong các lĩnh vực hoạt động của Công ty;

- Bảo vệ tốt môi trường, an toàn trong lao động; không để xảy ra sự cố cháy nổ, tai nạn trong lao động;

- Hoàn thành công tác khoan nổ đạt 847/929m đường hầm trong năm 2020 và mục tiêu hoàn thành toàn bộ Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim chậm nhất trong quý 3/2021;

- Hoàn thiện các quy chế, quy định áp dụng trong công tác quản trị nội bộ, đẩy mạnh công tác quản lý và giám sát trong quá trình hoạt động của Công ty.

### **2.2 Giải pháp:**

- Tăng cường kỷ luật trong công tác quản lý vận hành, kỹ thuật, đảm bảo các tổ máy phát điện sẵn sàng phát điện, hoàn thành kế hoạch doanh thu và lợi nhuận.

- Thực hiện tốt công tác nâng cao hiệu quả SXKD và NSLĐ, tối ưu hóa chi phí.

- Xây dựng lực lượng nhân lực kế thừa, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và năng lực quản trị của Công ty.

- Hoàn thiện công tác quản trị nội bộ, thực hiện tốt công tác AT-VSLĐ, PCCN, BVMT, PCTT&TKCN, ANTT.

- Chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc đơn đốc BQLDA, Nhà thầu, Tư vấn đẩy nhanh tiến độ, hoàn thành toàn bộ Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim, vận hành thương mại đủ công suất thiết kế 80MW trong Quý 3/2021.

- Chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc đơn đốc Nhà thầu, Tư vấn và các đơn vị liên quan hoàn tất hồ sơ quyết toán các hạng mục còn lại và thực hiện quyết toán Dự án nhà máy điện mặt trời Đa Mi trong năm 2020.

Nhằm tăng cường công tác quản trị tại Công ty, HĐQT sẽ từng bước xây dựng và hoàn thiện các quy trình, quy chế quản trị theo hướng chuyên nghiệp. Nâng cao vai trò từng thành viên HĐQT để kịp thời xử lý các vấn đề phát sinh của Công ty nhằm đảm bảo tối đa lợi ích của cổ đông.

### **Phần III**

## **MỘT SỐ CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH CƠ BẢN NĂM 2020 TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

### **1. Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh:**

<b>TT</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>ĐVT</b>	<b>Kế hoạch</b>
1.	Sản lượng điện sản xuất	Tr.kWh	2.571,12
2.	Sản lượng điện thương phẩm	Tr.kWh	2.543,13
3.	Tổng doanh thu	Triệu đồng	1.859.098
4.	Tổng chi phí	Triệu đồng	1.091.431
5.	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	767.667
6.	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	614.079

### **2. Chỉ tiêu đầu tư:**

2.1. Đầu tư xây dựng: 108.487 triệu đồng

2.2. Đầu tư phát triển: 30.927 triệu đồng.

**3. Chỉ tiêu cổ tức: 14%**

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua./.



**Nơi nhận:**

- ĐHĐCĐ thường niên 2020;
- HĐQT;
- Ban KS;
- Lưu: VT, HCLĐ.

**TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Trọng Oánh**

**Phụ lục 1:**

**BÁO CÁO DANH MỤC CÁC NGHỊ QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
NĂM 2019**

STT	Ký hiệu	Ngày ban hành	Hình thức (Họp/Xin ý kiến bằng VB)	Trích yếu nội dung	Ghi chú
1	3/QĐ-TĐĐHĐ	09-01-2019	Xin ý kiến bằng VB	Quyết định về việc phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch tổng thể thực hiện Dự án: Mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim	
2	4/QĐ-TĐĐHĐ	09-01-2019	Xin ý kiến bằng VB	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu Sửa chữa lớn tài sản cố định năm 2019 - Phần thiết bị công nghệ	
3	6/NQ-TĐĐHĐ	17-01-2019	Họp	Nghị quyết Hội đồng quản trị phiên họp lần 01 năm 2019	
4	7/QĐ-TĐĐHĐ	24-01-2019	Xin ý kiến bằng VB	Quyết định về việc áp dụng Quy định phân phối tiền thưởng An toàn điện trong Tổng công ty Phát điện 1 tại Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	
5	8/QĐ-TĐĐHĐ	30-01-2019	Xin ý kiến bằng VB	Quyết định về việc thành lập Hội đồng nghiệm thu cấp Chủ đầu tư Dự án nhà máy điện mặt trời Đa Mi	
6	9/NQ-TĐĐHĐ	15-02-2019	Xin ý kiến bằng VB	Nghị quyết về việc thông qua phương án thu xếp vốn trong nước cho Dự án nhà máy điện mặt trời Đa Mi	
7	10/QĐ-TĐĐHĐ	18-02-2019	Xin ý kiến bằng VB	Quyết định về việc phê duyệt điều chỉnh giá gói thầu BS04: Quan trắc chuyên dịch chu kỳ “0” và chu kỳ “1” thuộc Kế hoạch lựa chọn nhà thầu bổ sung đợt 3 Dự án: Mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim	
8	11/QĐ-TĐĐHĐ	19-02-2019	Xin ý kiến bằng VB	Quyết định Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà tài trợ cung cấp khoản vay Dự án nhà máy điện mặt trời Đa Mi	
9	12/NQ-TĐĐHĐ	22-02-2019	Xin ý kiến bằng VB	Nghị quyết về việc thông qua kế hoạch bổ sung chi phí Tư vấn giám sát và gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng cho Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim	
10	14/NQ-TĐĐHĐ	25-02-2019	Xin ý kiến bằng VB	Nghị quyết về việc thông qua giải pháp thiết kế hệ thống xả, giám sát dòng chảy tối thiểu sau đập Hàm Thuận	
11	15/NQ-TĐĐHĐ	04-03-2019	Xin ý kiến bằng VB	Nghị quyết về việc thông qua thời gian chốt danh sách cổ đông và tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2019	
12	16/QĐ-TĐĐHĐ	05-03-2019	Xin ý kiến bằng VB	Quyết định về việc phê duyệt Thiết kế kỹ thuật công trình Nhà máy điện mặt trời Đa Mi	
13	17/QĐ-TĐĐHĐ	05-03-2019	Xin ý kiến bằng VB	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu sửa chữa lớn tài sản cố định năm 2019 - Phần công trình xây dựng	
14	18/NQ-TĐĐHĐ	05-03-2019	Xin ý kiến bằng VB	Nghị quyết về việc thông qua kế hoạch tiền lương CBSX cho Nhà máy điện mặt trời Đa Mi (Giai đoạn chưa đưa vào vận hành)	

STT	Ký hiệu	Ngày ban hành	Hình thức (Hợp/Xin ý kiến bằng VB)	Trích yếu nội dung	Ghi chú
15	19/NQ-TĐĐHĐ	05-03-2019	Xin ý kiến bằng VB	Nghị quyết về việc tuyển dụng lao động năm 2019	
16	20/QĐ-TĐĐHĐ	11-03-2019	Xin ý kiến bằng VB	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu DMS-26.3: Cung cấp, lắp đặt và thử nghiệm hệ thống FR/PQ/PMU và Gói thầu DMS-26.4: Cung cấp, lắp đặt và thử nghiệm hệ thống truyền dữ liệu SCADA về EVN SPC Dự án nhà máy điện mặt trời Đa Mi	
17	21/QĐ-TĐĐHĐ	11-03-2019	Xin ý kiến bằng VB	Quyết định về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu “Các gói thầu sửa chữa lớn năm 2019 (Đợt 1)”	
18	22/QĐ-TĐĐHĐ	11-03-2019	Xin ý kiến bằng VB	Quyết định về việc phê duyệt tiền nhân công quyết toán sửa chữa lớn tự làm năm 2018	
19	23/QĐ-TĐĐHĐ	11-03-2019	Xin ý kiến bằng VB	Quyết định về việc phê duyệt quyết toán tiền nhân công thực hiện các hợp đồng cung cấp dịch vụ kỹ thuật năm 2018	
20	24/NQ-TĐĐHĐ	12-03-2019	Xin ý kiến bằng VB	Nghị quyết về việc thông qua tạm ứng cổ tức đợt 2 năm 2018	
21	25/NQ-TĐĐHĐ	13-03-2019	Xin ý kiến bằng VB	Nghị quyết về việc thông qua chỉ trả trước cổ tức năm 2018 lần 2 cho Tổng công ty Phát điện 1	
22	26/NQ-TĐĐHĐ	20-03-2019	Xin ý kiến bằng VB	Nghị quyết về việc thông qua Phụ lục số 02 của Hợp đồng số 115/DHD-NARIME&QIHUA ngày 29/05/2018 về việc thực hiện gói thầu DMS-9: Thiết kế, cung cấp, lắp đặt và thử nghiệm hệ thống phao neo Dự án nhà máy điện mặt trời Đa Mi	
23	27/QĐ-TĐĐHĐ	22-03-2019	Xin ý kiến bằng VB	Quyết định về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu “Cung cấp, lắp đặt thiết bị điều tốc tổ máy phát điện Sông Pha”	
24	28/QĐ-TĐĐHĐ	22-03-2019	Xin ý kiến bằng VB	Quyết định về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu “Các gói thầu đầu tư phát triển năm 2019 (Đợt 1)”	
25	30/NQ-TĐĐHĐ	22-03-2019	Xin ý kiến bằng VB	Nghị quyết về việc thông qua gia hạn thời hạn trả nợ gốc hợp đồng huy động vốn số 01/2014/EVNGENCO1-DHD	
26	32/QĐ-TĐĐHĐ	02-04-2019	Xin ý kiến bằng VB	Quyết định về việc rà soát, sửa đổi quy chế phân phối tiền lương SXKD khác	
27	34/NQ-TĐĐHĐ	02-04-2019	Hợp	Nghị quyết Hợp Hội đồng quản trị phiên họp lần 02 năm 2019	
28	35/QĐ-TĐĐHĐ	05-04-2019	Xin ý kiến bằng VB	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu sửa chữa lớn tài sản cố định năm 2019 - Phần công trình xây dựng, đợt 2	
29	36/NQ-TĐĐHĐ	05-04-2019	Xin ý kiến bằng VB	Nghị quyết về việc thông qua Phụ lục số 02 của Hợp đồng số 126/2018/EPC-TĐĐHĐ-PCC1-AIT-ATS ký ngày 21/6/2018 về việc thực hiện gói thầu DMS-10: Thiết kế, cung cấp, lắp đặt, thử nghiệm trạm và đường dây 110kV Dự án nhà máy điện mặt trời Đa Mi	
30	37/QĐ-TĐĐHĐ	05-04-2019	Xin ý kiến bằng VB	Quyết định về việc phê duyệt tiền nhân công dự toán sửa chữa lớn tự làm năm 2019	
31	39/NQ-TĐĐHĐ	11-04-2019	Xin ý kiến bằng VB	Nghị quyết về việc thông qua Báo cáo xin ý kiến biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Thủy điện Hạ Sông Pha năm 2019	

STT	Ký hiệu	Ngày ban hành	Hình thức (Hợp/Xin ý kiến bằng VB)	Trích yếu nội dung	Ghi chú
32	41/QĐ-TĐĐHĐ	19-04-2019	Xin ý kiến bằng VB	Quyết định về việc đề cử thành viên Hội đồng quản trị tại Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình nhiệm kỳ 2019 - 2023	
33	44/QĐ-TĐĐHĐ	24-04-2019	Xin ý kiến bằng VB	Quyết định về việc phê duyệt danh mục sửa chữa lớn tài sản cố định năm 2020 của Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	
34	46/NQ-TĐĐHĐ	24-04-2019	Xin ý kiến bằng VB	Nghị quyết về việc thông qua Hợp đồng Gói thầu số 02-SCL2019 “Sửa chữa công trình thủy công khu vực đập Đơn Dương” thuộc kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019	
35	51/NQ-TĐĐHĐ	26-04-2019	Hợp	Nghị quyết ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019	
36	53/NQ-TĐĐHĐ	05-06-2019	Xin ý kiến bằng VB	Nghị quyết về việc quyết toán quỹ tiền lương thực hiện năm 2018 của người lao động	
37	54/QĐ-TĐĐHĐ	06-05-2019	Xin ý kiến bằng VB	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch tiền lương SXKD điện năm 2019 của người lao động	
38	55/NQ-TĐĐHĐ	14-05-2019	Xin ý kiến bằng VB	Nghị quyết về việc chi trả cổ tức năm 2018 đợt cuối	
39	56/QĐ-TĐĐHĐ	15-05-2019	Xin ý kiến bằng VB	Quyết định về việc khen thưởng Ban điều hành Công ty năm 2018	
40	57/QĐ-TĐĐHĐ	15-05-2019	Xin ý kiến bằng VB	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu “Các gói thầu đầu tư phát triển năm 2019 (Đợt 2)”	
41	58/NQ-TĐĐHĐ	15-05-2019	Xin ý kiến bằng VB	Nghị quyết về việc thông qua Hợp đồng Gói thầu “Cung cấp, lắp đặt hệ thống điều tốc tổ máy H2 Nhà máy Hàm Thuận” thuộc kế hoạch đầu tư phát triển năm 2019	
42	59/NQ-TĐĐHĐ	29-05-2019	Xin ý kiến bằng VB	Nghị quyết về việc thông qua Hợp đồng Gói thầu “Cung cấp, lắp đặt thiết bị kích từ tổ máy phát điện Sông Pha” Thuộc kế hoạch sửa chữa lớn năm 2019	
43	60/NQ-TĐĐHĐ	03-06-2019	Xin ý kiến bằng VB	Nghị quyết về việc thông qua Hợp đồng gói thầu “Cung cấp, lắp đặt hệ thống điều khiển tổ máy H2 nhà máy Hàm Thuận” thuộc kế hoạch đầu tư phát triển năm 2019	
44	61/QĐ-TĐĐHĐ	10-06-2019	Xin ý kiến bằng VB	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu DMS-26.5: Cung cấp hệ thống quản lý lệnh Điều độ Dự án nhà máy điện mặt trời Đa Mi	
45	62/NQ-TĐĐHĐ	11-06-2019	Xin ý kiến bằng VB	Nghị quyết về việc điều chỉnh thời hạn trả nợ gốc hợp đồng cho vay lại số 05/2007/ĐN-EVN/TCKT	
46	63/NQ-TĐĐHĐ	17-06-2019	Xin ý kiến bằng VB	Nghị quyết về việc thông qua Hợp đồng Gói thầu “Cung cấp, lắp đặt hệ thống kích từ tổ máy H2 Nhà máy Hàm Thuận” thuộc kế hoạch đầu tư phát triển năm 2019	

STT	Ký hiệu	Ngày ban hành	Hình thức (Hợp/Xin ý kiến bằng VB)	Trích yếu nội dung	Ghi chú
47	64/NQ-TĐĐHĐ	18-06-2019	Xin ý kiến bằng VB	Nghị quyết về việc thông qua Hợp đồng Mua bán điện sửa đổi bổ sung số 8	
48	70/NQ-TĐĐHĐ	09-07-2019	Xin ý kiến bằng VB	Nghị quyết Hợp Hội đồng quản trị phiên họp lần 03 năm 2019	
49	71/NQ-HĐQT	09-07-2019	Hợp	Thông qua giới thiệu nhân sự ứng cử thành viên Ban kiểm soát và chốt danh sách cổ đông để đại hội cổ đông bất thường	
50	77/NQ-TĐĐHĐ	24-07-2019	Xin ý kiến bằng VB	Nghị quyết về việc thông qua Phụ lục hợp đồng số 5 của Hợp đồng số 353/DHD-MC, GPIL and AHF ngày 21/11/2016 thuộc Gói thầu số 12.03 - (DNE-D3): Cung cấp và lắp đặt thiết bị cơ điện thuộc Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim	
51	78/NQ-TĐĐHĐ	24-07-2019	Xin ý kiến bằng VB	Nghị quyết về việc thông qua Phụ lục hợp đồng số 2 của Hợp đồng số 12/DHD-NARIME&COMA ngày 15/01/2016 thuộc Gói thầu số 12.02 – (DNE-D2): Cung cấp, lắp đặt thiết bị cơ khí thủy công thuộc Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim	
52	79/NQ-TĐĐHĐ	24-07-2019	Xin ý kiến bằng VB	Nghị quyết về việc thông qua Phụ lục hợp đồng số 4 của Hợp đồng số 222/TDDHD-NK&PECC3&NKV ngày 08/07/2015 thuộc Gói thầu số 12 - (DNE-C1): Giám sát thi công xây lắp thuộc Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim	
53	80A/NQ-HĐQT	01-08-2019	Hợp	Quyết định về việc phê duyệt kết quả quy hoạch cán bộ diện Công ty quản lý giai đoạn 2019-2020 và giai đoạn 2020-2025	
54	83/NQ-TĐĐHĐ	09-08-2019	Xin ý kiến bằng VB	Nghị quyết về việc gia hạn thời hạn trả nợ gốc hợp đồng huy động vốn số 01/2015/EVNGENCO1-DHD và 02/2015/EVNGENCO1-DHD	
55	84/QĐ-TĐĐHĐ	15-08-2019	Xin ý kiến bằng VB	Quyết định về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu “Các gói thầu đầu tư phát triển năm 2019 (Đợt 3)”	
56	85/NQ-TĐĐHĐ	16-08-2019	Xin ý kiến bằng VB	Nghị quyết về việc thông qua tuyển dụng lao động năm 2019 - Đợt 2	
57	87/QĐ-TĐĐHĐ	26-08-2019	Xin ý kiến bằng VB	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu “Các gói thầu đầu tư phát triển năm 2019 (Đợt 4)”	
58	89/NQ-TĐĐHĐ	27-08-2019	Hợp	Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường năm 2019	
59	93/NQ-TĐĐHĐ	23-09-2019	Xin ý kiến bằng VB	Nghị quyết về việc phê duyệt Phương án vay vốn và chi phí vay vốn phát sinh của Dự án nhà máy điện mặt trời Đa Mi	
60	95/QĐ-TĐĐHĐ	07-10-2019	Xin ý kiến bằng VB	Nghị quyết về việc thông qua Phụ lục số 02 của Hợp đồng số 133/DHD-HDEC& CHINT&SINOHYDRO ngày 04/07/2018 của gói thầu DMS-8: Thiết kế, cung cấp, lắp đặt và thử nghiệm hệ thống thiết bị quang điện Dự án nhà máy điện mặt trời Đa Mi	

STT	Ký hiệu	Ngày ban hành	Hình thức (Hợp/Xin ý kiến bằng VB)	Trích yếu nội dung	Ghi chú
61	96/NQ-TĐĐHĐ	07-10-2019	Xin ý kiến bằng VB	Nghị quyết về việc thông qua phụ lục hợp đồng tư vấn, công tác “Khảo sát và lập phương án kỹ thuật xử lý sụt trượt đường hầm dẫn nước để đảm bảo an toàn công trình và thiết bị TBM”	
62	99/NQ-TĐĐHĐ	29-10-2019	Xin ý kiến bằng VB	Nghị quyết về việc xem xét phê duyệt điều chỉnh tỷ lệ nguồn vốn đầu tư của Dự án nhà máy điện mặt trời Đa Mi	
63	100/NQ-TĐĐHĐ	30-10-2019	Xin ý kiến bằng VB	Nghị quyết về việc phê duyệt bổ sung chi phí quản lý dự án từ năm 2019 đến 2020 Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim (trình lại do lỗi hệ thống)	
64	101/NQ-TĐĐHĐ	14/11/2019	Xin ý kiến bằng VB	Nghị quyết thông qua Phụ lục số 06 - Công tác “Thi công xử lý sụt trượt đường hầm dẫn nước để đảm bảo an toàn công trình và thiết bị TBM” thuộc Hợp đồng số 368/DHD-CC47 ngày 09/12/2015 - Dự án: Mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim	
65	102/NQ-TĐĐHĐ	14-11-2019	Xin ý kiến bằng VB	Nghị quyết về việc phê duyệt Thư chào cung cấp dịch vụ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bảo Lộc	
66	103/NQ-TĐĐHĐ	19-11-2019	Xin ý kiến bằng VB	Nghị quyết về việc phê duyệt chi phí vay vốn phát sinh thuộc Dự án nhà máy điện mặt trời Đa Mi	
67	105/NQ-TĐĐHĐ	26-11-2019	Xin ý kiến bằng VB	Nghị quyết về việc phê duyệt chủ trương, thực hiện quy trình thủ tục bổ nhiệm Phó phòng Kỹ thuật và An toàn	
68	105.1/NQ-TĐĐHĐ	29-11-2019	Xin ý kiến bằng VB	Nghị quyết về việc thông qua Phụ lục số 04 của Hợp đồng số 115/ DHD-NARIME&QIHUA ngày 29/05/2018 thực hiện gói thầu DMS-9: Thiết kế, cung cấp, lắp đặt và thử nghiệm hệ thống phao neo Dự án nhà máy điện mặt trời Đa Mi	
69	108/NQ-TĐĐHĐ	03-12-2019	Hợp	Nghị quyết Hợp Hội đồng quản trị phiên họp lần 04 năm 2019	
70	110/NQ-TĐĐHĐ	17-12-2019	Xin ý kiến bằng VB	Nghị quyết về việc thông qua chi phí và Phụ lục hợp đồng tư vấn, công tác “Thiết kế kỹ thuật - Bổ sung - Hiệu chỉnh đoạn hầm dẫn nước còn lại” thuộc Hợp đồng số 326/2013/HĐTV-TĐĐHĐ-PECC2 ngày 14/03/2013 Dự án: Mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim	

STT	Ký hiệu	Ngày ban hành	Hình thức (Hợp/Xin ý kiến bằng VB)	Trích yếu nội dung	Ghi chú
71	111/NQ-TĐĐHĐ	17-12-2019	Xin ý kiến bằng VB	Nghị quyết về việc trình thông qua phụ lục số 07 - Công tác “Khỏi lượng (tạm tính) và thời gian dự kiến thi công khoan nổ mìn truyền thống đoạn hầm 929m còn lại, hạng mục đường hầm áp lực” thuộc Hợp đồng số 368/DHD-CC47 ngày 09/12/2015, Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim.	
72	118/NQ-TĐĐHĐ	24-12-2019	Xin ý kiến bằng VB	Nghị quyết về việc thông qua Phụ lục hợp đồng số 6 của Hợp đồng số 353/DHD-MC, GPIL and AHF ngày 21/11/2016 thuộc Gói thầu số 12.03 - (DNE-D3): Cung cấp và lắp đặt thiết bị cơ điện Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim	

**Tổng cộng:**  
Hợp  
Xin ý kiến bằng VB

**72**  
**7**  
**65**

NQ/QĐ  
Văn bản  
Văn bản

Lâm Đồng, ngày 21 tháng 5 năm 2020

**BÁO CÁO**  
**của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020**

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020

Thực hiện theo chức năng và nhiệm vụ của Ban kiểm soát quy định tại Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp. Ban kiểm soát báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 về hoạt động kiểm soát năm 2019, tình hình và kết quả SXKD của Công ty và kết quả giám sát hoạt động Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc của Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi năm 2019 như sau:

**Phần I**  
**MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG CHÍNH CỦA BAN KIỂM SOÁT**

- Thực hiện nhiệm vụ giám sát, Ban kiểm soát đã tham gia đầy đủ tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị Công ty, qua đó nắm bắt chủ trương và chỉ đạo của HĐQT, giám sát hoạt động quản lý, điều hành của HĐQT và Ban TGD, phối hợp với Ban điều hành nhằm nâng cao công tác quản trị trong Công ty phấn đấu đạt các mục tiêu Đại hội đồng cổ đông năm 2019 giao.

- Hoàn thành chương trình, nhiệm vụ kiểm soát hàng năm: Xem xét, thẩm định Báo cáo tài chính 6 tháng và cả năm của Công ty. Thực hiện kiểm soát định kỳ 6 tháng/lần đối với các hoạt động của Công ty.

- Sau mỗi đợt kiểm soát, Ban kiểm soát đều có báo cáo kết quả kiểm soát cùng các kiến nghị cụ thể để góp phần nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý và điều hành của công ty nhằm thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và đảm bảo quyền lợi của các cổ đông.

- Giám sát việc công bố thông tin định kỳ, thông tin bất thường kịp thời đến các cổ đông theo quy định.

**Phần II**  
**KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG VÀ THẨM TRA BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**NĂM 2019 CỦA BAN KIỂM SOÁT**

**I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019**

Ban kiểm soát nhất trí với các nội dung trong Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ 2019 của Công ty với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

Stt	Nội dung	ĐVT	Kế hoạch 2019	Thực hiện 2019	TH/KH (%)
1	Tổng doanh thu	Tr. đồng	1.717.996	2.253.238	131,15
2	Tổng chi phí	Tr. đồng	1.024.696	978.332	95,48
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr. đồng	693.300	1.274.906	183,89
4	Lợi nhuận sau thuế	Tr. đồng	555.307	1.047.756	188,68
5	Cổ tức	%	12	24	200

**II. KẾT QUẢ THẨM TRA BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2019**

**1. Đánh giá chung**

Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 của Công ty đã được lập theo quy định của chế độ kế toán và chuẩn mực kế toán Việt Nam. Số liệu của báo cáo tài chính của Công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty.

Theo ý kiến của Kiểm toán viên độc lập - Công ty TNHH KPMG, Báo cáo tài chính của Công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2019, phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

Ban kiểm soát thống nhất với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty.

**2. Một số nội dung chủ yếu trong BCTC tại thời điểm 31/12/2019**

**a) Báo cáo tài chính riêng:**

Tài sản ngắn hạn	1.949.482 triệu đồng
Tài sản dài hạn	6.904.028 triệu đồng
<b>Tổng cộng tài sản</b>	<b>8.853.510 triệu đồng</b>
Nợ phải trả	2.723.169 triệu đồng

Vốn chủ sở hữu	6.130.341 triệu đồng
<b>Tổng cộng nguồn vốn</b>	<b>8.853.510 triệu đồng</b>

b) Báo cáo tài chính hợp nhất:

Tài sản ngắn hạn	1.960.440 triệu đồng
Tài sản dài hạn	7.271.263 triệu đồng
<b>Tổng cộng tài sản</b>	<b>9.231.703 triệu đồng</b>
Nợ phải trả	3.041.734 triệu đồng
Vốn chủ sở hữu	6.141.266 triệu đồng
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	48.703 triệu đồng
<b>Tổng cộng nguồn vốn</b>	<b>9.231.703 triệu đồng</b>

### 3. Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018	Năm 2019
1	Cơ cấu tài sản			
	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	70	78
	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	30	22
2	Cơ cấu nguồn vốn			
	Nợ phải trả/Vốn CSH	%	50	44
	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	33	31
	Nguồn vốn CSH/Tổng nguồn vốn	%	67	69
3	Khả năng thanh toán			
	Khả năng thanh toán nhanh	lần	1,84	2,47
	Khả năng thanh toán hiện hành	lần	1,87	2,59
4	Hiệu quả			
	Tỷ suất LNST /VCSH	%	21,54	17,6
	Tỷ suất LNST/Doanh thu	%	51,53	46,17

Phân tích các chỉ số tài chính cơ bản năm 2019 cho thấy:

- Về cơ cấu tài sản: Tỷ lệ tài sản dài hạn trên tổng tài sản tăng so với năm 2018 do Công ty đã hạch toán tạm tăng tài sản cố định hình thành từ Dự án mở rộng NMTĐ Đa Nhim và Dự án nhà máy điện mặt trời Đa Mi.

- Về cơ cấu nợ: Mặc dù trong năm Công ty có ghi nhận khoản vay ADB để thực hiện Dự án Nhà máy điện mặt trời Đa Mi nhưng tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu và nợ trên tổng nguồn vốn vẫn thấp hơn năm 2018. Nguyên nhân là do Công ty đã thanh toán phần lớn các khoản phải trả các nhà thầu thực hiện 02 dự án nêu trên, không ghi nhận khoản phải tạm ứng cổ tức và đồng thời giảm các khoản thuế phải nộp ngân sách so với năm 2018.

- Về khả năng thanh khoản: Tăng so với cuối năm 2018, do các khoản nợ ngắn hạn giảm so với năm 2018.

- Về hiệu quả sử dụng vốn: Tình hình sản xuất kinh doanh tương đối thuận lợi nên hiệu quả sử dụng vốn, khả năng sinh lời của Công ty vẫn ở mức cao.

- Thông qua các chỉ tiêu tài chính, Ban kiểm soát nhận thấy tình hình tài chính của Công ty lành mạnh, đảm bảo khả năng trả nợ.

- Ban kiểm soát kiến nghị Đại hội cổ đông thường niên năm 2020 thông qua các số liệu tài chính của Công ty như kết quả Ban kiểm soát đã thẩm tra xem xét.

### **III. KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT VÀ BAN TGD**

- HĐQT đã giám sát chỉ đạo chặt chẽ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị. HĐQT đã phối hợp tốt cùng với Ban Tổng Giám đốc chỉ đạo, điều hành toàn diện mọi hoạt động của Công ty góp phần hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh do ĐHĐCĐ 2019 đề ra.

- Trong năm 2019, HĐQT đã tiến hành họp 7 lần đề ra các nghị quyết nhằm thực hiện nhiệm vụ kế hoạch do ĐHĐCĐ giao và 65 lượt xin ý kiến bằng văn bản đề ra các nghị quyết, quyết định về các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT.

- Ban Tổng Giám đốc đã tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư tuân thủ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, phù hợp với nhiệm vụ được giao.

- Nhìn chung, trong năm 2019 Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo đúng mục tiêu, nhiệm vụ mà Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đề ra.

### **Phần III**

### **KIẾN NGHỊ**

Qua công tác giám sát, kiểm tra Ban kiểm soát có một số kiến nghị như sau:

- Phối hợp với Ban quản lý dự án và Tư vấn giám sát đơn đốc nhà thầu tập trung nguồn lực thi công đoạn hầm còn lại an toàn, hiệu quả, đảm bảo tiến độ hoàn thành Dự án mở rộng NMTĐ Đa Nhim vào Quý 3 năm 2021.
- Hoàn thành công tác quyết toán Dự án nhà máy điện mặt trời Đa Mi;
- Thực hiện đánh giá hiệu quả đầu tư của Dự án nhà máy điện mặt trời Đa Mi sau một năm vận hành làm cơ sở nghiên cứu, đầu tư mở rộng Nhà máy điện mặt trời Đa Mi theo chiến lược đầu tư dài hạn của Công ty.
- Tiếp tục hoàn thiện công tác đấu thầu, khắc phục các tồn tại Ban kiểm soát đã nêu trong các biên bản kiểm soát.

## **Phần IV**

### **KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2020**

Năm 2020, Ban kiểm soát tiếp tục duy trì và tăng cường công tác kiểm soát định kỳ mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty.

Giám sát việc chấp hành và thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020, phối hợp và giám sát hoạt động quản lý và điều hành của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các hoạt động của Công ty luôn tuân thủ các quy định của pháp luật, đảm bảo lợi ích của cổ đông.

Nhằm thực hiện tốt mục tiêu trong năm 2020, Ban kiểm soát phân đầu thực hiện tốt các nhiệm vụ cụ thể như sau:

- Tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT để nắm bắt tình hình quản trị và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, đồng thời đưa ra các cảnh báo kịp thời.
- Thực hiện kiểm soát định kỳ 6 tháng/lần theo quy định.
- Xem xét, thẩm định báo cáo tài chính 6 tháng và cả năm của Công ty.
- Các nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Trên đây là báo cáo của Ban kiểm soát. Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- HĐQT;
- Ban TGD;
- TV BKS;
- Lưu: VT, BKS.


**TM. BAN KIỂM SOÁT**  
**TRƯỞNG BAN**  
 NGUYỄN THỦY ĐIỆP  
 HẠM THUẬN  
 ĐA MI  
 TP. BẢO LỘC - T. LÂM ĐỒNG

**Ngô Thế Long**

**TỜ TRÌNH**  
**Về việc thông qua Báo cáo tài chính 2019**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020

Căn cứ Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua;

Hội đồng quản trị Công ty trình Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua Báo cáo tài chính năm 2019. Một số chỉ tiêu cơ bản của báo cáo tài chính năm 2019 như sau:

**I. BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

**1. Các chỉ tiêu cơ bản của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019**

Chỉ tiêu	Số đầu năm (triệu đồng)	Số cuối năm (triệu đồng)
1. Tài sản ngắn hạn	2.579.793	1.949.482
2. Tài sản dài hạn	6.088.580	6.904.028
<b>Tổng cộng tài sản</b>	<b>8.668.373</b>	<b>8.853.510</b>
3. Nợ phải trả	2.889.649	2.723.169
4. Nguồn vốn chủ sở hữu	5.778.724	6.130.341
<b>Tổng cộng nguồn vốn</b>	<b>8.668.373</b>	<b>8.853.510</b>

Tổng tài sản năm 2019 tăng so với năm 2018 khoảng 185 tỉ đồng, nguyên nhân chủ yếu do Công ty đầu tư Dự án mở rộng NMTĐ Đa Nhim và Dự án nhà máy điện mặt trời Đa Mi nên tổng nợ và tài sản đều tăng.

**2. Các chỉ tiêu cơ bản của báo cáo kết quả kinh doanh năm 2019**

- Tổng doanh thu: 2.269.509 triệu đồng.
- Tổng chi phí: 904.603 triệu đồng.

- Lợi nhuận trước thuế TNDN: 1.274.906 triệu đồng.
- Lợi nhuận sau thuế TNDN: 1.047.755 triệu đồng.

## II. BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

### 1. Các chỉ tiêu cơ bản của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019

Chỉ tiêu	Số đầu năm (triệu đồng)	Số cuối năm (triệu đồng)
1. Tài sản ngắn hạn	2.596.281	1.960.440
2. Tài sản dài hạn	6.464.945	7.271.263
<b>Tổng cộng tài sản</b>	<b>9.061.226</b>	<b>9.231.703</b>
1. Nợ phải trả	3.218.828	3.041.734
2. Nguồn vốn chủ sở hữu	5.791.626	6.141.266
3. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	50.772	48.703
<b>Tổng cộng nguồn vốn</b>	<b>9.061.226</b>	<b>9.231.703</b>

### 2. Các chỉ tiêu cơ bản của báo cáo kết quả kinh doanh năm 2019

- Tổng doanh thu: 2.333.728 triệu đồng.
- Tổng chi phí: 1.052.131 triệu đồng. 1.058.895
- Lợi nhuận trước thuế TNDN: 1.274.833 triệu đồng.
- Lợi nhuận sau thuế TNDN: 1.047.516 triệu đồng.
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát: 1.229 triệu đồng.
- Lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty mẹ: 1.046.287 triệu đồng.

Chi tiết trình bày tại Báo cáo tài chính đính kèm.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua./.

#### Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT;
- Ban KS;
- Lưu: VT, TCKT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Trọng Oánh**



**Công ty Cổ phần Thủy điện  
Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Thông tin về Công ty**

**Quyết định Thành lập số** 327/QĐ-EVN ngày 24 tháng 5 năm 2010

Quyết định thành lập do Tập đoàn Điện lực Việt Nam cấp trên cơ sở cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước (Công ty Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi).

**Giấy Chứng nhận  
Đăng ký Doanh nghiệp số** 5800452036 ngày 18 tháng 5 năm 2005

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là vào ngày 6 tháng 7 năm 2018. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Trọng Oánh	Chủ tịch
Ông Lê Văn Quang	Thành viên
Ông Đỗ Minh Lộc	Thành viên

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Lê Văn Quang	Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Minh Lộc	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đình Chiến	Phó Tổng Giám đốc
	(từ ngày 1 tháng 1 năm 2019)

**Ban Kiểm soát**

Ông Ngô Thế Long	Trưởng ban
Ông Hoàng Văn Long	Thành viên
Bà Bùi Thị Thu Trang	Thành viên
	(từ ngày 16 tháng 6 năm 2019)
Bà Hoàng Thị Thanh Hương	Thành viên
	(đến ngày 16 tháng 6 năm 2019)

**Trụ sở đăng ký**

80A Trần Phú, Phường Lộc Sơn  
Thành phố Bảo Lộc  
Tỉnh Lâm Đồng  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

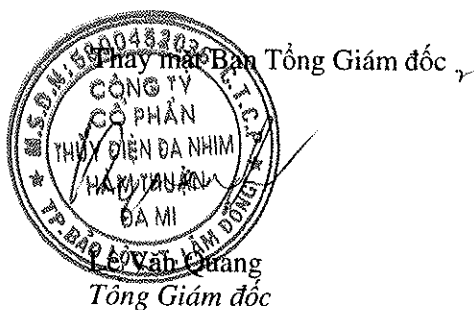
**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty và các công ty con (gọi chung là "Nhóm Công ty") cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 49 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Nhóm Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.



Lâm Đồng, ngày 5 tháng 3 năm 2020



KPMG Limited Branch  
10<sup>th</sup> Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward  
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam  
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

### **Kính gửi các Cổ đông**

### **Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi ("Công ty") và công ty con (gọi chung là "Nhóm Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 5 tháng 3 năm 2020, được trình bày từ trang 5 đến trang 49.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc của Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



### **Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **Vấn đề nhấn mạnh**

Chúng tôi không đưa ra kết luận ngoại trừ nhưng muốn lưu ý tới thuyết minh 3(b)(ii) trong báo cáo tài chính hợp nhất. Nhóm Công ty áp dụng phương pháp xử lý chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản của các công trình điện nằm trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo hướng dẫn tại Nghị định số 10/2017/NĐ-CP của Chính phủ ngày 9 tháng 2 năm 2017 ("Nghị định 10"). Theo hướng dẫn của Nghị định 10, chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản được ghi nhận vào tài khoản "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" được phản ánh trong phần "Vốn chủ sở hữu" và sẽ được phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian không quá 5 năm kể từ khi các công trình đi vào hoạt động thương mại. Hướng dẫn của Nghị định này có sự khác biệt so với Thông tư 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014. Ảnh hưởng của việc áp dụng chính sách kế toán này đến báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 được trình bày tại Thuyết minh 3(b)(ii) của báo cáo tài chính.

**Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh**  
Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 19-01-00315-20-4



Auvarin Phor

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 2252-2018-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Anh Tuấn

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 0436-2019-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 5 tháng 3 năm 2020

**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019**

**Mẫu B 01 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2019 VND</b>	<b>1/1/2019 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> <b>(100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)</b>	<b>100</b>		<b>1.960.440.525.002</b>	<b>2.596.281.287.493</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>730.564.116.171</b>	<b>212.882.538.874</b>
Tiền	111		123.790.305.186	112.882.538.874
Các khoản tương đương tiền	112		606.773.810.985	100.000.000.000
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>685.897.861.813</b>	<b>1.136.444.857.992</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5(a)	685.897.861.813	1.136.444.857.992
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>452.817.305.174</b>	<b>1.202.619.953.730</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	358.393.390.591	702.724.084.112
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		44.047.760.014	214.455.345.488
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	9(a)	-	200.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	50.376.154.569	85.487.274.130
Dự phòng phải thu khó đòi	137		-	(46.750.000)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>8</b>	<b>89.198.264.643</b>	<b>41.094.736.869</b>
Hàng tồn kho	141		89.198.264.643	41.094.736.869
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.962.977.201</b>	<b>3.239.200.028</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13(a)	1.734.874.568	299.627.449
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	2.925.813.240
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	15(b)	228.102.633	13.759.339

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2019 VND</b>	<b>1/1/2019 VND</b>
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>7.271.262.527.287</b>	<b>6.464.944.606.866</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>799.932.824.894</b>	<b>599.932.824.894</b>
Phải thu về cho vay dài hạn	215	9(b)	799.932.824.894	599.932.824.894
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>5.764.183.782.771</b>	<b>3.883.150.920.002</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	10	5.763.347.963.176	3.882.162.216.603
Nguyên giá	222		14.780.687.683.939	12.582.084.046.249
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(9.017.339.720.763)	(8.699.921.829.646)
Tài sản cố định vô hình	227	11	835.819.595	988.703.399
Nguyên giá	228		1.528.838.057	1.528.838.057
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(693.018.462)	(540.134.658)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>402.864.223.360</b>	<b>1.804.706.088.811</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	12	402.864.223.360	1.804.706.088.811
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>288.483.008.655</b>	<b>150.977.821.208</b>
Đầu tư vào công ty liên kết	252	5(b)	43.143.008.655	39.637.821.208
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5(b)	37.360.000.000	37.360.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	5(a)	207.980.000.000	73.980.000.000
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>15.798.687.607</b>	<b>26.176.951.951</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	13(b)	14.086.419.514	24.400.771.519
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		1.712.268.093	1.776.180.432
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100 + 200)	<b>270</b>		<b>9.231.703.052.289</b>	<b>9.061.225.894.359</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2019 VND</b>	<b>1/1/2019 VND</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>3.041.734.151.393</b>	<b>3.218.827.839.962</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>756.961.116.404</b>	<b>1.393.534.785.038</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	88.058.439.092	312.454.616.844
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.497.345.582	1.085.269.594
Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước	313	15(a)	95.194.436.129	274.327.697.589
Phải trả người lao động	314		21.317.713.475	22.390.483.000
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	12.616.328.842	16.543.647.139
Phải trả ngắn hạn khác	319	17	2.595.232.793	214.081.801.970
Vay ngắn hạn	320	18(a)	528.658.352.617	548.042.895.691
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322	19	6.023.267.874	4.608.373.211
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>2.284.773.034.989</b>	<b>1.825.293.054.924</b>
Phải trả người bán dài hạn	331	14	35.587.067.377	95.970.720.475
Phải trả dài hạn khác	337		-	3.956.393.122
Vay dài hạn	338	18(b)	2.249.185.967.612	1.725.365.941.327
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>6.189.968.900.896</b>	<b>5.842.398.054.397</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>20</b>	<b>6.189.968.900.896</b>	<b>5.842.398.054.397</b>
Vốn cổ phần	411	21	4.224.000.000.000	4.224.000.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		402.839.889.104	128.754.171.541
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	22	(8.452.600.340)	(48.049.098.769)
Quỹ đầu tư phát triển	418		116.360.737.618	5.670.476.932
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.406.517.581.598	1.481.250.828.449
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		360.230.274.516	411.338.775.838
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		1.046.287.307.082	1.069.912.052.611
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		48.703.292.916	50.771.676.244
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>9.231.703.052.289</b>	<b>9.061.225.894.359</b>

Ngày 5 tháng 3 năm 2020

Người lập:

Lê Xuân Phong  
Kế toán tổng hợp

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Người duyệt:

Phạm Thị Hồng Hà  
Kế toán trưởng

Lê Văn Quang  
Tổng Giám đốc



**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**

**Mẫu B 02 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>2019 VND</b>	<b>2018 VND</b>
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>25</b>	<b>2.195.242.396.344</b>	<b>2.398.560.602.153</b>
<b>Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ</b>	<b>11</b>	<b>26</b>	<b>843.171.721.613</b>	<b>789.098.811.425</b>
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>1.352.070.674.731</b>	<b>1.609.461.790.728</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	131.638.545.109	131.341.733.880
Chi phí tài chính	22	28	149.905.783.589	92.148.896.115
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		55.082.600.412	48.941.728.266
Lãi từ công ty liên kết	24	5(b)	6.764.087.447	12.020.998.350
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	59.771.753.817	58.754.767.277
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - 26}</b>	<b>30</b>		<b>1.280.795.769.881</b>	<b>1.601.920.859.566</b>
Thu nhập khác	31		83.902.987	126.758.482
Chi phí khác	32		6.046.298.441	1.078.134.584
<b>Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>(5.962.395.454)</b>	<b>(951.376.102)</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>1.274.833.374.427</b>	<b>1.600.969.483.464</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>31</b>	<b>227.317.526.357</b>	<b>316.746.641.701</b>
<b>Lợi ích thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>52</b>	<b>31</b>	<b>-</b>	<b>(954.580.123)</b>
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>1.047.515.848.070</b>	<b>1.285.177.421.886</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12**  
**năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 02 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>2019 VND</b>	<b>2018 VND</b>
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN</b>	<b>60</b>		<b>1.047.515.848.070</b>	<b>1.285.177.421.886</b>
<b>Phân bổ:</b>				
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		1.046.287.307.082	1.281.112.052.611
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		1.228.540.988	4.065.369.275
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	32	2.477	3.033

Ngày 5 tháng 3 năm 2020

Người lập:

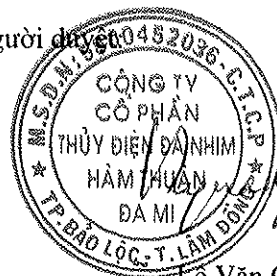


**Lê Xuân Phong**  
*Kế toán tổng hợp*

Người duyệt:



**Phạm Thị Hồng Hà**  
*Kế toán trưởng*



**Lê Văn Quang**  
*Tổng Giám đốc*

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>2019 VND</b>	<b>2018 VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>1.274.833.374.427</b>	<b>1.600.969.483.464</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao và phân bổ	02		316.828.108.415	240.641.060.532
Các khoản dự phòng	03		(46.750.000)	-
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		30.708.505.457	43.207.167.849
Lãi tiền gửi	05		(106.365.848.409)	(126.733.502.533)
Cổ tức được chia	05		(8.988.603.500)	(4.500.975.900)
Lãi từ công ty liên kết	05		(6.764.087.447)	(12.020.998.350)
Chi phí lãi vay	06		55.082.600.412	48.941.728.266
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>1.555.287.299.355</b>	<b>1.790.503.963.328</b>
Biến động các khoản phải thu	09		(166.454.962.775)	245.559.869.740
Biến động hàng tồn kho	10		(48.035.703.435)	(5.204.420.188)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(19.340.244.710)	13.908.743.333
Biến động chi phí trả trước	12		8.879.104.886	19.166.968.651
			<b>1.330.335.493.321</b>	<b>2.063.935.124.864</b>
Tiền lãi vay đã trả	14		(59.009.918.709)	(18.788.333.546)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(364.878.499.616)	(195.848.847.686)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(16.686.605.337)	(20.348.244.948)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>889.760.469.659</b>	<b>1.828.949.698.684</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã</b>	<b>Thuyết</b>	<b>2019</b>	<b>2018</b>
	<b>số</b>	<b>minh</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(878.730.584.794)	(896.052.785.156)
Tiền chi cho vay và đầu tư tiền gửi có kỳ hạn	23		(644.585.278.480)	(1.428.788.746.881)
Tiền thu hồi cho vay và đầu tư tiền gửi có kỳ hạn	24		989.663.690.943	494.817.781.781
Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi và cổ tức	27		39.483.862.484	26.252.326.122
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(494.168.309.847)</b>	<b>(1.803.771.424.134)</b>

**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

Tiền thu từ nhận vốn góp của cổ đông không kiểm soát	31		-	3.967.500.000
Tiền thu từ đi vay	33		1.028.501.728.612	420.321.891.861
Tiền trả nợ gốc vay	34		(45.475.138.395)	(4.226.313.202)
Tiền trả cổ tức cho cổ đông	36		(857.577.172.732)	(687.326.129.728)
Tiền trả cổ tức cho cổ đông không kiểm soát	36		(3.360.000.000)	(5.242.900.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>122.089.417.485</b>	<b>(272.505.951.069)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>517.681.577.297</b>	<b>(247.327.676.519)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>212.882.538.874</b>	<b>460.210.215.393</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)</b>	<b>70</b>	<b>4</b>	<b>730.564.116.171</b>	<b>212.882.538.874</b>

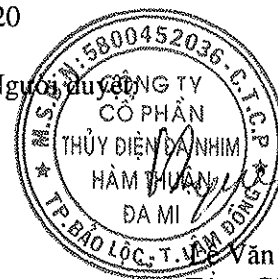
Ngày 5 tháng 3 năm 2020

Người lập:

Lê Xuân Phong  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Phạm Thị Hồng Hà  
Kế toán trưởng



Văn Quang  
Tổng Giám đốc

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

**1. Đơn vị báo cáo**

**(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi (“Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước (Công ty Thủy điện Đa Nhim – Hàm Thuận – Đa Mi) theo Quyết định số 327/QĐ-EVN ngày 24 tháng 5 năm 2010 của Tập đoàn Điện Lực Việt Nam và chính thức hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần kể từ ngày 7 tháng 10 năm 2011.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 bao gồm Công ty và công ty con (gọi chung là “Nhóm Công ty”) và các lợi ích của Nhóm Công ty trong công ty liên kết.

Theo Quyết định số 427/QĐ-SGDHN ngày 12 tháng 6 năm 2017 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Công ty bắt đầu đăng ký giao dịch cổ phiếu trên thị trường giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) với mã cổ phiếu là DNH. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty có hơn 100 cổ đông và vốn cổ phần của Công ty là 4.224.000.000.000 VND (1/1/2019: 4.224.000.000.000 VND).

**(b) Hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Công ty là:

- sản xuất, kinh doanh điện năng; quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa, cải tạo các thiết bị điện, các công trình thủy công, công trình kiến trúc của nhà máy thủy điện;
- kinh doanh vật tư, thiết bị; lập dự án đầu tư xây dựng, quản lý dự án đầu tư xây dựng, tư vấn giám sát thi công xây lắp;
- đầu tư xây dựng và lắp đặt công trình thủy điện, nhiệt điện, địa nhiệt, phong nhiệt, năng lượng mặt trời, dầu khí, trạm điện và đường dây tải điện đến cấp điện áp 220 KV; và
- tư vấn lập dự toán đầu tư, quản lý dự án đầu tư, lập dự toán và tổng dự toán công trình dân dụng, công nghiệp dầu khí; sản xuất, sửa chữa, thí nghiệm hiệu chỉnh thiết bị và phụ kiện, cấu kiện, thép bê tông và cung ứng vật tư thiết bị ngành điện.

**(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(d) Cấu trúc Nhóm Công ty**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty có 1 công ty con sở hữu trực tiếp và 1 công ty liên kết (1/1/2019: 1 công ty con sở hữu trực tiếp và 1 công ty liên kết) với thông tin chi tiết như sau:

Tên đơn vị	Hoạt động sản xuất kinh doanh chính	31/12/2019		1/1/2019	
		% sở hữu	% quyền biểu quyết	% sở hữu	% quyền biểu quyết
Công ty con sở hữu trực tiếp					
Công ty Cổ phần Thủy điện Hạ Sông Pha	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện.	70%	70%	70%	70%
Công ty liên kết					
Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình	Sản xuất, truyền tải, và phân phối điện.	20%	20%	20%	20%

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Nhóm Công ty có 284 nhân viên (1/1/2019: 273 nhân viên).

## **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

**(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

**(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Nhóm Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

**(a) Cơ sở hợp nhất**

**(i) Công ty con**

Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Nhóm Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày kiểm soát chấm dứt.

**(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát**

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Nhóm Công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

**(iii) Mất quyền kiểm soát**

Khi mất quyền kiểm soát tại công ty con, Nhóm Công ty dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác. Lãi hoặc lỗ phát sinh từ sự kiện này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Công ty mẹ vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(iv) Công ty liên kết**

Công ty liên kết là công ty mà Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Nhóm Công ty được hưởng trong thu nhập và chi phí của công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Nhóm Công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với công ty liên kết. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Nhóm Công ty phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Nhóm Công ty trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Nhóm Công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

**(v) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất**

Các số dư trong nội bộ Nhóm Công ty và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Nhóm Công ty tại công ty liên kết.

**(b) Ngoại tệ**

**(i) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND lần lượt được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản và bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Ngoại trừ chính sách kế toán áp dụng được trình bày dưới đây, các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**(ii) Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản của các công trình điện nằm trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia**

Theo hướng dẫn tại Nghị định số 10/2017/NĐ-CP của Chính phủ ngày 9 tháng 2 năm 2017 (“Nghị định 10”), các công trình điện nằm trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản được ghi nhận vào tài khoản “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” được phản ánh trong phần “Vốn chủ sở hữu” và sẽ được phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian không quá 5 năm kể từ khi các công trình đi vào hoạt động thương mại. Hướng dẫn của Nghị định 10 có sự khác biệt so với hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp của Bộ Tài chính ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”) mà theo đó các khoản chênh lệch tỷ giá này phải được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh trong kỳ phát sinh.

**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Nếu Nhóm Công ty áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản nhất quán theo Thông tư 200 qua các kỳ thì chi phí tài chính sẽ giảm 39.596.498.429 VND, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành sẽ tăng 7.919.299.686 VND VND và lợi nhuận thuần sau thuế sẽ giảm 31.677.198.743 VND cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018: chi phí tài chính sẽ tăng 34.350.995.732 VND, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành sẽ giảm 6.870.199.146 VND và lợi nhuận thuần sau thuế sẽ giảm 27.480.796.586 VND), số chênh lệch tỷ giá thể hiện ở tài khoản “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” trong phần “Vốn chủ sở hữu” sẽ tăng 8.452.600.340 VND, thuế và các khoản phải nộp Nhà nước sẽ giảm 1.690.520.068 VND và “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” sẽ giảm 6.762.080.272 VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (1/1/2019: số chênh lệch tỷ giá thể hiện ở tài khoản “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” trong phần “Vốn chủ sở hữu” sẽ tăng 48.049.098.769 VND, thuế và các khoản phải nộp Nhà nước sẽ giảm 9.609.819.754 VND và “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” sẽ giảm 38.439.279.015 VND).

**(c) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(d) Các khoản đầu tư**

**(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư.

**(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác**

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá trị hợp lý của khoản đầu tư thấp hơn giá trị ghi sổ của khoản đầu tư này. Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Ban Giám đốc Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi giá trị hợp lý của chứng khoán tăng lên hoặc khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(e) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(f) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp, và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**(g) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	10 – 50 năm
▪ máy móc và thiết bị	8 – 10 năm
▪ phương tiện vận tải	5 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 5 năm
▪ tài sản cố định khác	3 năm

**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(h) Tài sản cố định vô hình**

***Phần mềm máy vi tính***

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

**(i) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng dở dang là giá trị các công trình đầu tư xây dựng và sửa chữa lớn dở dang tại Nhóm Công ty được xác định trên cơ sở chi phí thực tế phát sinh đến cuối kỳ đối với các công trình tự làm hoặc theo khối lượng thực tế thanh toán với bên thi công trên cơ sở hoá đơn cho khối lượng hoàn thành hoặc hạng mục bàn giao đối với các công trình thuê bên ngoài thực hiện. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí trực tiếp khác, chi phí chung được phân bổ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với quy định hiện hành. Xây dựng cơ bản dở dang được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

**(j) Chi phí trả trước dài hạn**

***Công cụ dụng cụ***

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Nhóm Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

**(k) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(l) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Nhóm Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**(m) Vốn cổ phần**

***Cổ phiếu phổ thông***

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần thu từ phát hành cổ phiếu vượt trên mệnh giá được ghi vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**(n) Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư và phát triển của Nhóm Công ty được trích lập và sử dụng theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

**(o) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(p) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu bán điện**

Doanh thu bán điện được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh dựa trên sản lượng điện cung cấp vào hệ thống truyền tải điện và có xác nhận của khách hàng. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(iii) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(iv) Thu nhập từ cổ tức**

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

**(q) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**(r) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(s) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Nhóm Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Nhóm Công ty là kinh doanh điện và hoạt động khác là kinh doanh các dịch vụ khác liên quan đến lĩnh vực điện. Trong năm, hoạt động sản xuất kinh doanh khác chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 1 tháng 1 năm 2019 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 31 tháng 12 năm 2018 chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh chính của Nhóm Công ty.

Về mặt địa lý, Nhóm Công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

**(t) Lãi trên cổ phiếu**

Nhóm Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Nhóm Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Nhóm Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng. Do vậy yêu cầu trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

**(u) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Tiền mặt	553.225.264	381.217.546
Tiền gửi ngân hàng	123.237.079.922	112.501.321.328
Các khoản tương đương tiền	606.773.810.985	100.000.000.000
	730.564.116.171	212.882.538.874

- (\*) Các tài khoản tiền gửi của Công ty tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam, chi nhánh Bảo Lộc đang được dùng để thế chấp cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng Phát triển Châu Á (Thuyết minh 18).

**5. Các khoản đầu tư tài chính**

**(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	Số lượng	31/12/2019		Số lượng	1/1/2019	
		Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND		Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn						
▪ Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn		685.897.861.813	685.897.861.813		1.136.444.857.992	1.136.444.857.992
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn						
▪ Tiền gửi có kỳ hạn dài hạn		200.000.000.000	200.000.000.000		66.000.000.000	66.000.000.000
▪ Trái phiếu (*)	798	7.980.000.000	(**)	798	7.980.000.000	(**)
		207.980.000.000			73.980.000.000	

Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng kể từ ngày gửi và thời gian đáo hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ ngày báo cáo, hưởng lãi suất năm dao động từ 5% đến 7,1% trong năm (2018: 5% đến 7% trong năm).

Tiền gửi có kỳ hạn dài hạn là tiền gửi ngân hàng có thời gian đáo hạn còn lại trên 12 tháng kể từ ngày báo cáo, hưởng lãi suất năm là 6,6% trong năm (2018: 7%).

**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

- (\*) Bao gồm trái phiếu ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam có giá trị 5 tỷ VND (2018: 5 tỷ VND), phát hành ngày 14 tháng 11 năm 2017 có kỳ hạn 10 năm và trái phiếu ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam có giá trị 2,98 tỷ VND (2018: 2,98 tỷ VND), phát hành ngày 19 tháng 12 năm 2018 có kỳ hạn 10 năm. Lãi suất áp dụng lần lượt là lãi suất tham chiếu cộng với biên độ 1,2%/năm và 1%/năm. Trong đó lãi suất tham chiếu là bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng VND có kỳ hạn 12 tháng của 4 ngân hàng gồm: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam tại ngày xác định lãi suất.
- (\*\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho khoản đầu tư tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Đầu tư tài chính dài hạn**

	31/12/2019				1/1/2019			
	Số lượng	% vốn sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ/giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>								
• Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình (i)	3.267.920	20%	20%	43.143.008.655	-	(*)	3.267.920	20%
								39.637.821.208
<b>Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác</b>								
• Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương	2.579.069	3,3%	3,3%	24.560.000.000	-	67.829.514.700	2.579.069	3,3%
								24.560.000.000
• Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ	1.280.000	1%	1%	12.800.000.000	-	29.568.000.000	1.280.000	1%
								12.800.000.000
				37.360.000.000				37.360.000.000
				80.503.008.655				76.997.821.208

Không có biến động về dự phòng đầu tư tài chính trong năm 2019 và năm 2018.

**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

- (\*) Nhóm Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho khoản đầu tư tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.
- (i) Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình (“Thuận Bình”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 3400675644 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Thuận cấp ngày 16 tháng 1 năm 2009. Hoạt động chính của Thuận Bình là sản xuất, truyền tải và kinh doanh điện năng.

Biến động của đầu tư vào công ty liên kết trong năm như sau:

	2019 VND	2018 VND
Số dư đầu năm	39.637.821.208	27.616.822.858
Phần lợi nhuận trong công ty liên kết	6.764.087.447	12.020.998.350
Chia cổ tức	(3.258.900.000)	-
	43.143.008.655	39.637.821.208

Thông tin trích lược từ bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết tại ngày báo cáo như sau:

Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình

	Tổng tài sản VND	Tổng nợ phải trả VND	Tổng vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận thuần sau thuế VND
Tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	844.606.603.310	626.315.014.045	218.291.589.265	37.409.462.079
Tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	833.447.265.592	634.477.138.406	198.970.127.186	59.959.323.699

**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

**(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn**

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Công ty Mua Bán Điện	347.656.889.213	690.253.022.770
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	3.821.709.877	9.187.709.547
Các khách hàng khác	6.914.791.501	3.283.351.795
	358.393.390.591	702.724.084.112

**(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan**

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Công ty Mua Bán Điện	347.656.889.213	690.253.022.770
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	3.821.709.877	9.187.709.547
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3	447.115.350	-
	447.115.350	-

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn thu hồi là từ 30 - 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**7. Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Phải thu lãi tiền gửi, tiền cho vay	47.928.933.233	74.746.011.560
Cổ tức được chia	1.973.424.200	-
Ký quỹ	-	1.021.529.016
Thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa kê khai	-	2.581.748.064
Phải thu khác	473.797.136	7.137.985.490
	50.376.154.569	85.487.274.130

**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**8. Hàng tồn kho**

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Nguyên vật liệu	86.724.214.214	38.711.665.196
Công cụ và dụng cụ	772.852.401	552.002.186
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.701.198.028	1.831.069.487
	89.198.264.643	41.094.736.869

**9. Phải thu về cho vay**

**(a) Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	1/1/2019 VND	Biến động trong năm	31/12/2019 VND
		Tăng VND	
		Giảm VND (*)	
Phải thu về cho vay dài hạn đến hạn thu hồi (b)	200.000.000.000	-	-
		(200.000.000.000)	

(\*) Khoản phải thu về cho vay dài hạn đến hạn thu hồi từ 2019 đã được gia hạn sang 2024.

**(b) Phải thu về cho vay dài hạn**

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Phải thu về cho vay dài hạn	599.932.824.894	799.932.824.894
Khoản cho vay dài hạn đến hạn trả được gia hạn (Thuyết minh 9(a))	200.000.000.000	-
Khoản đến hạn thu trong vòng 12 tháng	-	(200.000.000.000)
	799.932.824.894	599.932.824.894

**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Điều kiện và điều khoản của các khoản phải thu về cho vay dài hạn như sau:

	<b>Tiền tệ</b>	<b>Năm đáo hạn</b>	<b>31/12/2019 VND</b>	<b>1/1/2019 VND</b>
Phải thu về cho vay				
Tổng Công ty Phát điện 1				
Khoản cho vay 1	VND	2024	200.000.000.000	200.000.000.000
Khoản cho vay 2	VND	2025	150.000.000.000	150.000.000.000
Khoản cho vay 3	VND	2025	449.932.824.894	449.932.824.894
			799.932.824.894	799.932.824.894

Các khoản phải thu về cho vay Tổng Công ty Phát điện 1, công ty mẹ, không có đảm bảo và có thời hạn cho vay là 5 năm. Lãi suất được xác định bằng lãi suất huy động tiền gửi kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ của Hội sở chính Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam tại ngày xác định lãi suất cộng với biên độ 2,5%/năm. Trong năm, các khoản phải thu về cho vay này hưởng lãi suất năm dao động từ 8,9%/năm (2018: 8,5% đến 9%/năm). Nợ gốc vay được thanh toán một lần vào ngày đáo hạn khoản vay.

**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**10. Tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	8.242.184.775.798	4.235.436.917.899	60.192.230.907	44.016.241.138	253.880.507	12.582.084.046.249
Tăng trong năm	-	54.564.812.600	2.534.299.091	2.440.201.763	-	59.539.313.454
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	510.594.120.814	1.614.398.724.464	10.563.051.058	3.512.339.900	-	2.139.068.236.236
Giảm khác	-	(3.912.000)	-	-	-	(3.912.000)
Số dư cuối năm	8.752.778.896.612	5.904.396.542.963	73.289.581.056	49.968.782.801	253.880.507	14.780.687.683.939
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	4.560.669.693.241	4.049.144.490.426	46.919.456.173	42.934.309.299	253.880.507	8.699.921.829.646
Khấu hao trong năm	204.032.804.166	108.244.351.637	3.450.664.060	1.690.071.254	-	317.417.891.117
Số dư cuối năm	4.764.702.497.407	4.157.388.842.063	50.370.120.233	44.624.380.553	253.880.507	9.017.339.720.763
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số dư đầu năm	3.681.515.082.557	186.292.427.473	13.272.774.734	1.081.931.839	-	3.882.162.216.603
Số dư cuối năm	3.988.076.399.205	1.747.007.700.900	22.919.460.823	5.344.402.248	-	5.763.347.963.176

**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 có các tài sản có nguyên giá 3.352.679.206.143 VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang sử dụng (1/1/2019: 2.880.092.559.856 VND).

Như trình bày tại Thuyết minh 18(b), các tài sản hình thành từ các khoản đi vay Tập đoàn Điện lực Việt Nam và Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay này. Các tài khoản tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam, chi nhánh Bảo Lộc (Thuyết minh 4), tài sản cố định là tấm pin mặt trời, máy biến tần và trạm biến áp của dự án Nhà máy điện mặt trời Đa Mi được sử dụng để thế chấp cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng Phát triển Châu Á.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, tài sản cố định hữu hình có giá trị ghi sổ là 466.799.668.234 VND được thế chấp tại ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – chi nhánh Ninh Thuận để đảm bảo cho chính khoản vay ngân hàng này của Nhóm Công ty (1/1/2019: là 316.322.842.040 VND) (thuyết minh 18(b)).

## **11. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Phần mềm máy vi tính VND</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu năm và cuối năm	1.528.838.057
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu năm	540.134.658
Khấu hao trong năm	152.883.804
Số dư cuối năm	693.018.462
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu năm	988.703.399
Số dư cuối năm	835.819.595

**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**12. Xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>2019</b> <b>VND</b>	<b>2018</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	1.804.706.088.811	720.972.109.699
Tăng trong năm	729.688.004.215	1.126.942.504.122
Lãi vay vốn hóa trong năm	7.538.366.570	7.170.325.458
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(2.139.068.236.236)	(50.378.850.468)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>402.864.223.360</b>	<b>1.804.706.088.811</b>

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	<b>31/12/2019</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2019</b> <b>VND</b>
Dự án mở rộng Nhà máy Thủy điện Đa Nhim (*)	381.845.141.005	1.170.048.389.689
Dự án Nhà máy Điện Mặt trời Đa Mi (**)	21.019.082.355	472.216.239.013
Các công trình khác	-	162.441.460.109
<b>Tổng cộng</b>	<b>402.864.223.360</b>	<b>1.804.706.088.811</b>

(\*) Dự án mở rộng Nhà máy Thủy điện Đa Nhim (“Dự án”) được phê duyệt đầu tư xây dựng theo Quyết định số 6934/QĐ-BCT ngày 24 tháng 9 năm 2013 của Bộ Công Thương. Mục tiêu của Dự án nhằm mở rộng thêm 1 tổ máy 80MW cho Nhà máy Thủy điện Đa Nhim hiện hữu, nâng tổng công suất nhà máy từ 160MW lên 240MW. Tổng mức đầu tư dự kiến là 1.952.591.601.000 VND (tương đương 92,28 triệu USD). Nguồn vốn đầu tư của Dự án được tài trợ từ vốn vay Quỹ hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) của Chính phủ Nhật Bản (85%) và vốn đối ứng của Chính phủ Việt Nam (15%). Giai đoạn 1 của dự án đã hoàn thành và đi vào vận hành thương mại từ tháng 4 năm 2019. Tài sản hình thành từ Dự án được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay của Công ty (thuyết minh 18(b)).

(\*\*) Dự án Nhà máy Điện mặt trời Đa Mi (“Dự án”) được phê duyệt đầu tư xây dựng theo Quyết định số 2960/QĐ-UBND ngày 13 tháng 10 năm 2018 của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Bình Thuận. Mục tiêu của Dự án nhằm bổ sung vào hệ thống điện Quốc gia nguồn năng lượng sạch, với công suất 47.5 MW. Tổng mức đầu tư dự kiến 1.312.917.000.000 VND. Nguồn vốn đầu tư của Dự án được tài trợ từ vốn của chủ đầu tư (30%), vốn vay thương mại trong nước (20%) và vốn vay nước ngoài (50%). Dự án đã đi vào hoạt động từ tháng 6 năm 2019.

**13. Chi phí trả trước**

**(a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

Chi phí trả trước ngắn hạn phản ánh chi phí bảo hiểm trả trước và các khoản lệ phí đường bộ.

**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>Công cụ và dụng cụ VND</b>	<b>Chi phí trả trước khác VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
Số dư đầu năm	22.401.314.875	1.999.456.644	24.400.771.519
Tăng trong năm	1.687.191.762	9.399.491.853	11.086.683.615
Phân bổ trong năm	(19.741.344.713)	(1.659.690.907)	(21.401.035.620)
Số dư cuối năm	4.347.161.924	9.739.257.590	14.086.419.514

**14. Phải trả người bán ngắn hạn**

**(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn**

	<b>Giá gốc và số có khả năng trả nợ 31/12/2019 VND</b>	<b>1/1/2019 VND</b>
Công ty Cổ phần Xây dựng 47	38.359.567.905	61.491.762.346
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Thanh An	27.036.659.939	-
GE Power India Limited	20.218.320.144	32.513.446.998
Công ty TNHH Cơ điện Minh Anh	10.867.574.247	898.805.983
Viện Nghiên cứu Cơ khí	9.017.558.460	96.223.385.417
Powerchina Huadong Engineering Corporation Limited	-	167.150.383.884
Các nhà cung cấp khác	18.145.825.774	50.147.552.691
	123.645.506.469	408.425.337.319

**(b) Phải trả người bán chi tiết theo kỳ hạn thanh toán**

	<b>Giá gốc và số có khả năng trả nợ 31/12/2019 VND</b>	<b>1/1/2019 VND</b>
Ngắn hạn	88.058.439.092	312.454.616.844
Dài hạn	35.587.067.377	95.970.720.475
	123.645.506.469	408.425.337.319

**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Khoản phải trả người bán dài hạn sẽ được hoàn trả trong vòng 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu hoàn thành công trình dự kiến trong năm 2021.

**(c) Phải trả người bán là các bên liên quan**

	<b>Giá gốc và số có khả năng trả nợ</b>	
	<b>31/12/2019</b>	<b>1/1/2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Cổ phần Xây lắp điện 1	8.504.484.181	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2	178.370.587	45.745.920
Trung Tâm Thông Tin Điện Lực	4.448.400	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3	-	1.080.082.440
Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	-	96.461.932

Khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 30 - 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

## 15. Thuế và các khoản phải nộp và phải thu Nhà nước

### (a) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2019 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp/cần trừ trong năm VND	Phân loại lại VND	31/12/2019 VND
Thuế giá trị gia tăng	2.211.528.566	151.537.946.529	(147.720.672.363)	-	6.028.802.732
Thuế thu nhập doanh nghiệp	194.025.641.701	227.317.526.357	(364.878.499.616)	228.102.633	56.692.771.075
Thuế thu nhập cá nhân	2.078.582.165	5.396.853.388	(7.356.267.774)	-	119.167.779
Thuế tài nguyên	24.396.400.519	244.903.219.408	(266.167.128.316)	-	3.132.491.611
Các loại thuế khác	51.615.544.638	139.389.838.114	(161.784.179.820)	-	29.221.202.932
	274.327.697.589	768.545.383.796	(947.906.747.889)	228.102.633	95.194.436.129

### (b) Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	1/1/2019 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã cần trừ trong năm VND	Phân loại lại VND	31/12/2019 VND
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	13.759.339	-	(13.759.339)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	228.102.633	228.102.633
	13.759.339	-	(13.759.339)	228.102.633	228.102.633

**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**16. Chi phí phải trả**

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Chi phí lãi vay	12.616.328.842	16.543.647.139

**17. Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Cổ tức phải trả	1.920.000.000	213.600.000.000
Phải trả, phải nộp khác	675.232.793	481.801.970
	2.595.232.793	214.081.801.970

**18. Vay**

**(a) Vay ngắn hạn**

	1/1/2019 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong năm			31/12/2019 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
		Tăng VND	Giảm VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	
Vay dài hạn đến hạn trả (b)	548.042.895.691	528.658.352.617	(558.708.750.338)	10.665.854.647	528.658.352.617

**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Vay dài hạn**

Biến động các khoản vay dài hạn trong năm như sau:

	<b>2019 VND</b>	<b>2018 VND</b>
Số dư đầu năm	1.725.365.941.327	1.772.882.117.629
Giải ngân trong năm	1.028.501.728.612	420.321.891.861
Trả gốc trong năm	(11.306.275.173)	(4.226.313.202)
Chuyển sang vay dài hạn đến hạn trả	(528.658.352.617)	(548.042.895.691)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại	35.282.925.463	84.431.140.730
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>2.249.185.967.612</b>	<b>1.725.365.941.327</b>

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	<b>Năm</b>			<b>31/12/2019 VND</b>	<b>1/1/2019 VND</b>
	<b>Tiền tệ</b>	<b>đáo hạn</b>	<b>Lãi suất năm</b>		
<b>Vay từ Tập đoàn Điện Lực Việt Nam</b>					
Khoản vay 1 (i)	JPY	2020	3,21%	389.601.848.586	832.412.924.827
Khoản vay 2 (ii)	JPY	2021	2,75%	74.874.772.056	122.510.492.116
<b>Vay từ Công ty Tài Chính Cổ phần Điện Lực</b>					
Khoản vay 1 (iii)	JPY	2044	0,01% - 1,4%	1.139.383.599.423	1.006.691.746.449
<b>Vay từ Ngân hàng phát triển Châu Á</b>					
Khoản vay 1 (iv)	USD	2034	Lãi suất biến đổi	859.510.000.000	-
<b>Vay từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – Chi nhánh Ninh Thuận</b>					
Khoản vay 1 (v)	VND	2029	Lãi suất biến đổi	314.474.100.164	311.793.673.626
				<b>2.777.844.320.229</b>	<b>2.273.408.837.018</b>

- (i) Theo Hợp đồng cho vay lại nguồn vốn vay Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản số 05/2007/ĐN/EVN/TCKT ngày 30 tháng 8 năm 2007. Khoản vay được sử dụng để đầu tư xây dựng dự án Nhà máy Thủy điện Hàm Thuận - Đa Mi và chịu lãi suất năm là 3,21%/năm. Thời hạn cho vay lại là 11 năm 6 tháng, gốc vay được thanh toán mỗi năm hai lần vào ngày 15 tháng 1 và ngày 15 tháng 7 hàng năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay (thuyết minh 10 và thuyết minh 12).

**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

- (ii) Theo Hợp đồng cho vay lại nguồn vốn vay Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản số 01/2013/EVN/TCKT ngày 20 tháng 9 năm 2013. Khoản vay được sử dụng để đầu tư dự án Phục hồi hệ thống điện Đa Nhim và chịu lãi suất năm là 2,3%/năm, phí quản lý khoản vay là 0,2%/năm và phí cho vay lại là 0,25%/năm. Thời hạn cho vay lại là 7 năm 6 tháng, gốc vay được thanh toán mỗi năm hai lần vào ngày 20 tháng 2 và ngày 20 tháng 8 hàng năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay (thuyết minh 10 và thuyết minh 12).
- (iii) Theo Hợp đồng cho vay lại vốn vay ưu đãi Chính phủ của Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản số 01/2015/HDCVL/TCĐL-ĐHĐ/ĐNMR ngày 8 tháng 7 năm 2015. Khoản vay được sử dụng để đầu tư Dự án mở rộng Nhà máy Thủy điện Đa Nhim và chịu lãi suất năm là 0,91%/năm đối với các khoản vay cho các hạng mục tư vấn; 1,4%/năm đối với các khoản vay cho các hạng mục xây lắp, thiết bị, và phí cho vay lại là 0,2%/năm. Thời hạn cho vay lại là 25 năm trong đó có thời gian ân hạn là 5 năm kể từ ngày 28 tháng 2 năm 2014, gốc vay được thanh toán mỗi năm hai lần vào ngày 20 tháng 1 và ngày 20 tháng 7 hàng năm sau khi kết thúc thời gian ân hạn, ngày trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 20 tháng 1 năm 2019. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay (thuyết minh 12) và tài sản Nhà máy Thủy điện Đa Nhim hiện hữu công suất lắp máy 160MW (thuyết minh 10).
- (iv) Theo Hợp đồng cho vay giữa Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) và Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi ngày 26 tháng 9 năm 2019. Khoản vay được sử dụng để tài trợ cho dự án Nhà máy điện mặt trời Đa Mi. Đối với phần dư nợ 214.877.500.000 VND (tương đương 9.250.000 USD) chịu lãi suất thả nổi bằng LIBOR + biên độ lãi suất 3,65%/năm. Đối với phần dư nợ 296.182.500.000 VND (tương đương 12.750.000 USD) chịu lãi suất bằng chi phí hoán đổi lãi suất cố định + biên độ lãi suất 3,65%/năm. Đối với phần dư nợ 348.450.000.000 VND (tương đương 15.000.000 USD) chịu lãi suất cố định là 2,5%/năm. Thời hạn vay là 15 năm trong đó thời gian ân hạn được tính từ ngày giải ngân đầu tiên (ngày 23 tháng 12 năm 2019) đến kỳ trả nợ đầu tiên (ngày 15 tháng 9 năm 2020). Gốc và lãi vay sẽ được trả 2 lần một năm vào ngày 15 tháng 3 và ngày 15 tháng 9 hàng năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng:
- Các tài khoản tiền gửi của Công ty tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam, chi nhánh Bảo Lộc (Thuyết minh 4).
  - Tài sản cố định là tấm pin mặt trời, máy biến tần và trạm biến áp của dự án Nhà máy điện mặt trời Đa Mi (Thuyết minh 10)
- (v) Theo hợp đồng vay số 1/4/HĐTD ngày 22 tháng 4 năm 2011. Khoản vay được sử dụng để thanh toán một phần chi phí thực hiện Dự án Nhà máy Thủy điện Hạ Sông Pha 1 và 2. Khoản vay có thời hạn cho vay là 18 năm kể từ lần rút vốn đầu tiên, trong đó có 2 năm ân hạn. Lãi suất được xác định bằng lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – chi nhánh Ninh Thuận tại thời điểm giải ngân và thời điểm điều chỉnh lãi suất theo định kỳ 6 tháng 1 lần (+) cộng phí thỏa thuận là 2,5%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 466.799.668.234 VND (1/1/2019: 316.322.842.040 VND) (thuyết minh 10).

**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông thường niên. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Nhóm Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Nhóm Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	<b>2019 VND</b>	<b>2018 VND</b>
Số dư đầu năm	4.608.373.211	6.590.039.709
Trích lập trong năm (thuyết minh 20)	18.101.500.000	18.366.578.450
Sử dụng trong năm	(16.686.605.337)	(20.348.244.948)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	6.023.267.874	4.608.373.211

**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**20. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Vốn khác VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2018</b>	4.224.000.000.000	74.872.484.114	(13.698.103.037)	44.452.164.359	1.205.125.354.288	50.381.706.969	5.585.133.606.693
Phát hành cổ phiếu	-	-	-	-	-	3.967.500.000	3.967.500.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	1.281.112.052.611	4.065.369.275	1.285.177.421.886
Cổ tức (thuyết minh 23)	-	-	-	-	(760.320.000.000)	(5.242.900.000)	(765.562.900.000)
Tạm ứng cổ tức (thuyết minh 23)	-	-	-	-	(211.200.000.000)	(2.400.000.000)	(213.600.000.000)
Chuyển nguồn hình thành tài sản cố định	-	53.881.687.427	-	(53.881.687.427)	-	-	-
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	15.100.000.000	(15.100.000.000)	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(18.366.578.450)	-	(18.366.578.450)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái (thuyết minh 22)	-	-	(34.350.995.732)	-	-	-	(34.350.995.732)
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2019</b>	4.224.000.000.000	128.754.171.541	(48.049.098.769)	5.670.476.932	1.481.250.828.449	50.771.676.244	5.842.398.054.397
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	1.046.287.307.082	1.228.540.988	1.047.515.848.070
Cổ tức (thuyết minh 23)	-	-	-	-	(718.080.000.000)	(2.368.713.116)	(720.448.713.116)
Tạm ứng cổ tức (thuyết minh 23)	-	-	-	-	-	(991.286.884)	(991.286.884)
Chuyển nguồn hình thành tài sản cố định	-	274.021.476.654	-	(274.021.476.654)	-	-	-
Phân bổ vào các quỹ khác	-	64.240.909	-	(91.772.727)	-	27.531.818	-
Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	384.803.510.067	(384.839.053.933)	35.543.866	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(18.101.500.000)	-	(18.101.500.000)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái (thuyết minh 22)	-	-	39.596.498.429	-	-	-	39.596.498.429
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2019</b>	4.224.000.000.000	402.839.889.104	(8.452.600.340)	116.360.737.618	1.406.517.581.598	48.703.292.916	6.189.968.900.896

**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

## 21. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là :

	31/12/2019		1/1/2019	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	422.400.000	4.224.000.000.000	422.400.000	4.224.000.000.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	422.400.000	4.224.000.000.000	422.400.000	4.224.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Chi tiết vốn cổ phần của Công ty như sau:

	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	VND
Tổng Công ty Phát điện 1 – Công ty TNHH Một thành viên	99,93%	422.103.100	4.221.031.000.000
Các cổ đông khác	0,07%	296.900	2.969.000.000
	100%	422.400.000	4.224.000.000.000

Không có biến động vốn cổ phần trong các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 31 tháng 12 năm 2018.

## 22. Chênh lệch tỷ giá hối đoái

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh khoản lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm liên quan đến xây dựng cơ bản Dự án mở rộng Nhà máy Đa Nhim. Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái này sẽ được phân bổ dần vào báo cáo kết quả kinh doanh trong thời gian không quá 5 năm kể từ khi dự án này đi vào hoạt động thương mại phù hợp với hướng dẫn tại Nghị định 10 (thuyết minh 3(b)(ii)).

**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

## 23. Cổ tức

Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 26 tháng 4 năm 2019, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức cho các cổ đông từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2018 là 929.280 triệu VND (tương đương 2.200VND/ cổ phiếu), trong đó 211.200 triệu VND đã được tạm ứng cho các cổ đông trong năm 2018 (2018: 760.320 triệu VND, tương đương 1.800 VND/ cổ phiếu).

## 24. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

### (a) Ngoại tệ các loại

	31/12/2019		1/1/2019	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	24.439	567.607.276	181.183	4.106.006.450

### (b) Cam kết chi tiêu vốn

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	391.707.329.670	1.665.904.880.720
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	494.161.528.915	1.539.859.042.097
	<u>885.868.858.585</u>	<u>3.205.763.922.817</u>

**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

## **25. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu bao gồm:

	<b>2019</b> <b>VND</b>	<b>2018</b> <b>VND</b>
Tổng doanh thu		
▪ Bán điện	2.177.105.770.500	2.385.079.816.822
▪ Cung cấp dịch vụ	18.136.625.844	13.480.785.331
	<hr/> 2.195.242.396.344	<hr/> 2.398.560.602.153

## **26. Giá vốn hàng bán**

	<b>2019</b> <b>VND</b>	<b>2018</b> <b>VND</b>
Giá vốn bán điện	830.000.081.860	779.746.772.283
Giá vốn của dịch vụ đã cung ứng	13.171.639.753	9.352.039.142
	<hr/> 843.171.721.613	<hr/> 789.098.811.425

## **27. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>2019</b> <b>VND</b>	<b>2018</b> <b>VND</b>
Lãi tiền gửi và cho vay	106.365.848.409	126.733.502.533
Cổ tức, lợi nhuận được chia	8.988.603.500	4.500.975.900
Lãi chênh lệch tỷ giá	16.284.093.200	107.255.447
	<hr/> 131.638.545.109	<hr/> 131.341.733.880

**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**28. Chi phí tài chính**

	<b>2019 VND</b>	<b>2018 VND</b>
Chi phí lãi vay	55.082.600.412	48.941.728.266
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái giai đoạn xây dựng cơ bản (Thuyết minh 22)	39.596.498.429	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá thanh toán	24.518.179.291	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	30.708.505.457	43.207.167.849
	<hr/> 149.905.783.589	<hr/> 92.148.896.115 <hr/>

**29. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>2019 VND</b>	<b>2018 VND</b>
Chi phí nhân công	34.551.540.329	38.693.951.922
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.291.593.635	997.754.084
Thuế, phí và lệ phí	1.488.650.119	845.986.652
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	817.380.599	588.506.542
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	457.015.740	287.141.830
Hoàn nhập chi phí dự phòng	(46.750.000)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.684.417.368	8.725.305.235
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	8.527.906.027	8.616.121.012
	<hr/> 59.771.753.817	<hr/> 58.754.767.277 <hr/>

**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**30. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	<b>2019 VND</b>	<b>2018 VND</b>
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	42.734.566.705	37.968.106.147
Chi phí nhân công	103.617.290.784	102.764.539.545
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	410.477.361	817.025.372
Chi phí khấu hao và phân bổ	316.828.108.415	240.641.060.532
Thuế, phí và lệ phí	365.453.981.487	406.892.810.475
Hoàn nhập chi phí dự phòng	(46.750.000)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.913.945.164	26.626.325.944
Chi phí khác	47.031.855.514	33.758.917.021

**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

### **31. Thuế thu nhập**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	<b>2019</b> <b>VND</b>	<b>2018</b> <b>VND</b>
<b>Chi phí thuế hiện hành</b>		
Năm hiện hành	227.317.526.357	316.666.272.336
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	80.369.365
	<hr/> 227.317.526.357	<hr/> 316.746.641.701
<b>Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	-	(954.580.123)
	<hr/> 227.317.526.357	<hr/> 315.792.061.578

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>2019</b> <b>VND</b>	<b>2018</b> <b>VND</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.274.833.374.427	1.600.969.483.464
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	254.966.674.885	320.193.896.693
Thuế của phần thu nhập không bị tính thuế	(3.150.538.189)	(3.304.394.850)
Chi phí không được khấu trừ thuế	1.413.628.826	1.606.902.779
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	80.369.365
Ưu đãi thuế	(25.912.239.165)	(2.784.712.409)
	<hr/> 227.317.526.357	<hr/> 315.792.061.578

**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(c) Thuế suất áp dụng**

**(i) Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**

Theo các điều khoản trong luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận chịu thuế (2018: 20%).

Dự án nhà máy Thủy điện Đa Nhim mở rộng và dự án Điện mặt trời Đa Mi được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 4 năm kể từ năm đầu tiên dự án có thu nhập chịu thuế (từ năm 2019 đến năm 2022) và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 9 năm tiếp theo.

Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất 20%.

**(ii) Công ty Cổ phần Thủy điện Hạ Sông Pha**

Theo các điều khoản trong luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận chịu thuế (2018: 20%). Các quy định hiện hành về thuế cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế từ dự án đầu tư mở rộng (từ năm 2015 đến năm 2018) và giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2019 đến năm 2027).

Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu mức thuế suất thuế thu nhập phổ thông áp dụng cho các doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi.

**32. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu được dựa trên lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền được tính như sau:

**(a) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông**

	<b>2019</b>	<b>2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông (*)	1.046.287.307.082	1.281.112.052.611

- (\*) Tại ngày báo cáo, Nhóm Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán năm báo cáo do Đại Hội đồng Cổ đông chưa quyết định tỷ lệ trích vào quỹ này. Nếu Nhóm Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền**

	<b>2019</b>	<b>2018</b>
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cuối năm	422.400.000	422.400.000

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và 1 tháng 1 năm 2019, Nhóm Công ty không có cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm ẩn.

**33. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Nhóm Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	<b>Giá trị giao dịch cho năm</b>	
	<b>2019</b>	<b>2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty mẹ cấp cao nhất</b>		
<b>Tập đoàn Điện lực Việt Nam</b>		
Mua điện	3.151.575.218	2.186.893.067
Chi phí lãi vay	17.984.767.536	29.129.041.576
Khoản vay đã trả	506.555.119.580	-
<b>Công ty mẹ</b>		
<b>Tổng Công ty Phát điện 1</b>		
Lãi vay phải thu trong năm	72.182.827.268	72.587.237.752
<b>Công ty liên kết</b>		
<b>Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình</b>		
Cổ tức được chia	3.258.900.000	-
<b>Các bên liên quan khác</b>		
<b>Công ty Mua Bán Điện</b>		
Bán điện	2.108.835.010.810	2.325.221.494.075
<b>Tổng Công ty điện lực Miền Nam</b>		
Bán điện	68.270.759.690	61.562.650.912
<b>Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương</b>		
Cổ tức được chia	3.868.603.500	2.836.975.900
<b>Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ</b>		
Cổ tức được chia	5.120.000.000	1.664.000.000

**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Giá trị giao dịch cho năm</b>	
	<b>2019</b>	<b>2018</b>
<b>Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2</b>		
Ứng trước hợp đồng xây dựng cơ bản	-	3.129.529.074
Chi phí dịch vụ	10.669.437.578	-
<b>Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3</b>		
Cung cấp dịch vụ	1.462.159.689	679.448.632
Chi phí dịch vụ	9.318.304.769	9.050.204.042
<b>Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4</b>		
Chi phí dịch vụ	198.969.091	1.113.716.872
<b>Chi nhánh Tổng Công ty Phát điện 1 – Công ty Thủy điện Đại Ninh</b>		
Cung cấp dịch vụ	-	54.300.000
<b>Công ty Cổ Phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Trung</b>		
Cung cấp dịch vụ	-	114.990.000
<b>Công ty Thí nghiệm Điện Miền Nam</b>		
Cung cấp dịch vụ	-	71.400.000
Ứng trước hợp đồng dịch vụ	-	463.559.985
Chi phí dịch vụ	245.656.952	-
<b>Chi nhánh Công ty cổ phần Thủy điện miền Nam tại Lâm Đồng</b>		
Cung cấp dịch vụ	53.590.000	97.419.932
<b>Trung tâm Thông tin Điện lực – Tập đoàn Điện lực Việt Nam</b>		
Chi phí dịch vụ	299.569.510	126.000.000
<b>Trung tâm Viễn thông và Công nghệ thông tin – Tập đoàn Điện lực Việt Nam</b>		
Chi phí dịch vụ	-	850.372.646
<b>Tổng Giám đốc</b>		
Tiền lương	705.684.600	720.884.000
<b>Thành viên khác trong Ban Tổng Giám đốc</b>		
Tiền lương	1.138.187.800	1.637.528.000
<b>Hội đồng Quản trị</b>		
Tiền lương và thù lao	897.421.600	1.226.031.600

**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**34. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính**

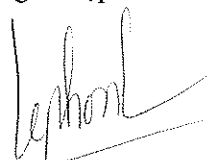
	<b>2019 VND</b>	<b>2018 VND</b>
Mua tài sản cố định nhưng chưa thanh toán	82.707.567.061	240.133.969.424
Thanh toán gốc vay bằng cách cắt trừ với khoản phải thu khách hàng	524.539.887.116	-
Chi trả cổ tức bằng cách cắt trừ với lãi vay phải thu	72.182.827.268	72.993.870.272
Lãi tiền gửi có kỳ hạn vốn hóa vào nợ gốc	28.531.416.284	2.636.111.111
Thanh toán lãi vay bằng cách cắt trừ với khoản phải thu khách hàng	-	28.877.048.582
Chuyển tài sản cố định sang Hàng tồn kho	3.912.000	-

**35. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2019 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Ngày 5 tháng 3 năm 2020

Người lập:

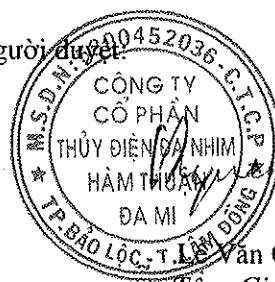


**Lê Xuân Phong**  
**Kế toán tổng hợp**

Người duyệt:



**Phạm Thị Hồng Hà**  
**Kế toán trưởng**



**Lê Văn Quang**  
**Tổng Giám đốc**



**Công ty Cổ phần Thủy điện  
Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**

Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Thông tin về Công ty**

**Quyết định thành lập số** 327/QĐ-EVN ngày 24 tháng 5 năm 2010

Quyết định thành lập do Tập đoàn Điện lực Việt Nam cấp trên cơ sở cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước (Công ty Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi).

**Giấy Chứng nhận  
Đăng ký Doanh nghiệp số** 5800452036 ngày 18 tháng 5 năm 2005

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là vào ngày 6 tháng 7 năm 2017. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Trọng Oánh	Chủ tịch
Ông Lê Văn Quang	Thành viên
Ông Đỗ Minh Lộc	Thành viên

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Lê Văn Quang	Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Minh Lộc	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đình Chiến	Phó Tổng Giám đốc

**Ban Kiểm soát**

Ông Ngô Thế Long	Trưởng ban
Ông Hoàng Văn Long	Thành viên
Bà Bùi Thị Thu Trang	Thành viên
	(từ ngày 16 tháng 6 năm 2019)
Bà Hoàng Thị Thanh Hương	Thành viên
	(đến ngày 16 tháng 6 năm 2019)

**Trụ sở đăng ký**

80A Trần Phú, Phường Lộc Sơn  
Thành phố Bảo Lộc  
Tỉnh Lâm Đồng  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam



**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 43 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.

  
Thay mặt Ban Tổng Giám đốc  
  
Lê Văn Quang  
Tổng Giám đốc

Lâm Đồng, ngày 5 tháng 3 năm 2020



KPMG Limited Branch  
10<sup>th</sup> Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward  
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam  
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

### **Kính gửi các Cổ đông**

#### **Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 5 tháng 3 năm 2020, được trình bày từ trang 5 đến trang 43.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc của Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Vấn đề nhấn mạnh

Chúng tôi không đưa ra kết luận ngoại trừ nhưng muốn lưu ý tới thuyết minh 3(a)(ii) trong báo cáo tài chính riêng. Công ty áp dụng phương pháp xử lý chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản của các công trình điện nằm trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo hướng dẫn tại Nghị định số 10/2017/NĐ-CP của Chính phủ ngày 9 tháng 2 năm 2017 ("Nghị định 10"). Theo hướng dẫn của Nghị định 10, chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản được ghi nhận vào tài khoản "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" được phản ánh trong phần "Vốn chủ sở hữu" và sẽ được phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian không quá 5 năm kể từ khi các công trình đi vào hoạt động thương mại. Hướng dẫn của Nghị định này có sự khác biệt so với Thông tư 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014. Ảnh hưởng của việc áp dụng chính sách kế toán này đến báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 được trình bày tại Thuyết minh 3(a)(ii) của báo cáo tài chính.

### Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam  
Báo cáo kiểm toán số: 19-01-00315-20-3



Auvarin Phor

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 2252-2018-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Anh Tuấn

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
Kiểm toán số 0436-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 5 tháng 3 năm 2020

**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019**

**Mẫu B 01 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2019 VND</b>	<b>1/1/2019 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>1.949.482.532.551</b>	<b>2.579.793.361.416</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>720.003.746.564</b>	<b>204.298.952.146</b>
Tiền	111		119.310.595.879	104.298.952.146
Các khoản tương đương tiền	112		600.693.150.685	100.000.000.000
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>685.897.861.813</b>	<b>1.136.444.857.992</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5(a)	685.897.861.813	1.136.444.857.992
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>452.784.519.811</b>	<b>1.197.720.245.803</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	354.619.680.714	693.536.374.565
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		43.362.303.650	214.164.876.124
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	9(a)	-	200.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	54.802.535.447	90.065.745.114
Dự phòng phải thu khó đòi	137		-	(46.750.000)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>8</b>	<b>89.061.529.795</b>	<b>41.015.918.687</b>
Hàng tồn kho	141		89.061.529.795	41.015.918.687
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.734.874.568</b>	<b>313.386.788</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13(a)	1.734.874.568	299.627.449
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	15(b)	-	13.759.339

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2019 VND</b>	<b>1/1/2019 VND</b>
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>6.904.027.637.173</b>	<b>6.088.579.609.847</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>799.932.824.894</b>	<b>599.932.824.894</b>
Phải thu về cho vay dài hạn	215	9(b)	799.932.824.894	599.932.824.894
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>5.297.384.114.537</b>	<b>3.566.516.626.532</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	10	5.296.548.294.942	3.565.527.923.133
Nguyên giá	222		14.232.189.391.116	12.204.110.602.293
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(8.935.641.096.174)	(8.638.582.679.160)
Tài sản cố định vô hình	227	11	835.819.595	988.703.399
Nguyên giá	228		1.528.838.057	1.528.838.057
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(693.018.462)	(540.134.658)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>402.864.223.360</b>	<b>1.642.264.628.702</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	12	402.864.223.360	1.642.264.628.702
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>390.019.200.000</b>	<b>256.019.200.000</b>
Đầu tư vào công ty con	251	5(b)	112.000.000.000	112.000.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết	252	5(b)	32.679.200.000	32.679.200.000
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253	5(b)	37.360.000.000	37.360.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	5(a)	207.980.000.000	73.980.000.000
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>13.827.274.382</b>	<b>23.846.329.719</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	13(b)	13.827.274.382	23.846.329.719
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100 + 200)	<b>270</b>		<b>8.853.510.169.724</b>	<b>8.668.372.971.263</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

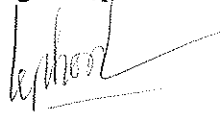
**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*


	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2019 VND</b>	<b>1/1/2019 VND</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>2.723.168.723.712</b>	<b>2.889.648.547.677</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>752.869.788.887</b>	<b>1.376.149.166.379</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	88.058.439.092	302.541.500.294
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.497.345.582	1.085.269.594
Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước	313	15(a)	93.415.964.612	272.706.109.688
Phải trả người lao động	314		21.210.837.475	22.256.422.000
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	12.616.328.842	13.400.273.931
Phải trả ngắn hạn khác	319	17	675.232.793	211.681.801.970
Vay ngắn hạn	320	18(a)	528.658.352.617	548.042.895.691
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322	19	5.737.287.874	4.434.893.211
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.970.298.934.825</b>	<b>1.513.499.381.298</b>
Phải trả người bán dài hạn	331	14	35.587.067.377	95.970.720.475
Phải trả dài hạn khác	337		-	3.956.393.122
Vay dài hạn	338	18(b)	1.934.711.867.448	1.413.572.267.701
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>6.130.341.446.012</b>	<b>5.778.724.423.586</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>20</b>	<b>6.130.341.446.012</b>	<b>5.778.724.423.586</b>
Vốn cổ phần	411	21	4.224.000.000.000	4.224.000.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		402.775.648.195	128.754.171.541
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	22	(8.452.600.340)	(48.049.098.769)
Quỹ đầu tư phát triển	418		116.164.019.076	5.446.441.797
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.395.854.379.081	1.468.572.909.017
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		348.098.855.084	397.309.395.907
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		1.047.755.523.997	1.071.263.513.110
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>8.853.510.169.724</b>	<b>8.668.372.971.263</b>

Ngày 5 tháng 3 năm 2020

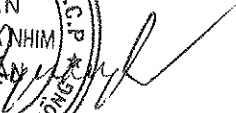
Người lập:

  
**Lê Xuân Phong**  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

  
**Phạm Thị Hồng Hà**  
Kế toán trưởng



  
**Lê Văn Quang**  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này


**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc**  
**ngày 31 tháng 12 năm 2019**

**Mẫu B 02 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*


	Mã số	Thuyết minh	2019 VND	2018 VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>25</b>	<b>2.126.846.636.654</b>	<b>2.338.613.157.575</b>
<b>Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ</b>	<b>11</b>	<b>26</b>	<b>810.337.489.864</b>	<b>765.131.361.575</b>
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>1.316.509.146.790</b>	<b>1.573.481.796.000</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	142.579.243.854	150.254.243.091
Chi phí tài chính	22	28	121.459.118.430	67.563.308.810
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		26.637.349.902	29.129.041.576
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	56.760.702.688	56.011.199.368
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - 26}</b>	<b>30</b>		<b>1.280.868.569.526</b>	<b>1.600.161.530.913</b>
Thu nhập khác	31		83.902.987	123.105.870
Chi phí khác	32		6.046.298.441	1.074.481.972
<b>Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>(5.962.395.454)</b>	<b>(951.376.102)</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>1.274.906.174.072</b>	<b>1.599.210.154.811</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>31</b>	<b>227.150.650.075</b>	<b>316.746.641.701</b>
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)</b>	<b>60</b>		<b>1.047.755.523.997</b>	<b>1.282.463.513.110</b>

Ngày 5 tháng 3 năm 2020

Người lập:

  
**Lê Xuân Phong**  
Kế toán tổng hợp

Người đại diện

  
**Phạm Thị Hồng Hà**  
Kế toán trưởng



  
**Lê Văn Quang**  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã</b>	<b>Thuyết</b>	<b>2019</b>	<b>2018</b>
	<b>số</b>	<b>minh</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>1.274.906.174.072</b>	<b>1.599.210.154.811</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao và phân bổ	02		296.468.634.312	226.690.666.812
Các khoản dự phòng	03		(46.750.000)	(4.772.900.615)
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		30.708.505.457	43.207.167.849
Lãi tiền gửi	05		(106.220.293.774)	(126.713.267.191)
Cổ tức được chia	05		(20.087.503.500)	(23.540.975.900)
Chi phí lãi vay	06		26.637.349.902	29.129.041.576
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>1.502.366.116.469</b>	<b>1.743.209.887.342</b>
Biến động các khoản phải thu	09		(178.451.920.146)	247.863.653.063
Biến động hàng tồn kho	10		(48.041.699.108)	(5.273.336.332)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(20.547.307.418)	13.338.550.282
Biến động chi phí trả trước	12		8.583.808.218	17.970.633.967
			<b>1.263.908.998.015</b>	<b>2.017.109.388.322</b>
Tiền lãi vay đã trả	14		(25.853.404.813)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(364.483.520.701)	(195.848.847.686)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(16.352.605.337)	(19.918.654.948)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>857.219.467.164</b>	<b>1.801.341.885.688</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>2019 VND</b>	<b>2018 VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(861.452.708.205)	(843.226.577.966)
Tiền chi cho vay và đầu tư tiền gửi có kỳ hạn	23		(644.585.278.480)	(1.428.788.746.881)
Tiền thu hồi cho vay và đầu tư tiền gửi có kỳ hạn	24		989.663.690.943	494.817.781.781
Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi và cổ tức	27		51.610.632.049	39.671.583.701
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(464.763.663.693)</b>	<b>(1.737.525.959.365)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ đi vay	33		1.014.515.026.901	377.837.896.353
Tiền trả nợ gốc vay	34		(34.168.863.222)	-
Tiền trả cổ tức	36		(857.097.172.732)	(687.326.129.728)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>123.248.990.947</b>	<b>(309.488.233.375)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>515.704.794.418</b>	<b>(245.672.307.052)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>204.298.952.146</b>	<b>449.971.259.198</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>4</b>	<b>720.003.746.564</b>	<b>204.298.952.146</b>

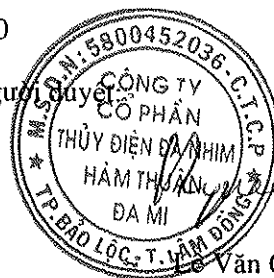
Ngày 5 tháng 3 năm 2020

Người lập:

Lê Xuân Phong  
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Phạm Thị Hồng Hà  
 Kế toán trưởng



Lê Văn Quang  
 Tổng Giám đốc

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

**1. Đơn vị báo cáo**

**(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi (“Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước (Công ty Thủy điện Đa Nhim – Hàm Thuận – Đa Mi) theo Quyết định số 327/QĐ-EVN ngày 24 tháng 5 năm 2010 của Tập đoàn Điện Lực Việt Nam và chính thức hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần kể từ ngày 7 tháng 10 năm 2011.

Theo Quyết định số 427/QĐ-SGDHN ngày 12 tháng 6 năm 2017 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Công ty bắt đầu đăng ký giao dịch cổ phiếu trên thị trường giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) với mã cổ phiếu là DNH. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty có hơn 100 cổ đông và vốn cổ phần của Công ty là 4.224.000.000.000 VND (1/1/2019: 4.224.000.000.000 VND).

**(b) Hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Công ty là:

- sản xuất, kinh doanh điện năng; quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa, cải tạo các thiết bị điện, các công trình thủy công, công trình kiến trúc của nhà máy thủy điện;
- kinh doanh vật tư, thiết bị; lập dự án đầu tư xây dựng, quản lý dự án đầu tư xây dựng, tư vấn giám sát thi công xây lắp;
- đầu tư xây dựng và lắp đặt công trình thủy điện, nhiệt điện, địa nhiệt, phong nhiệt, năng lượng mặt trời, dầu khí, trạm điện và đường dây tải điện đến cấp điện áp 220 KV; và
- tư vấn lập dự toán đầu tư, quản lý dự án đầu tư, lập dự toán và tổng dự toán công trình dân dụng, công nghiệp dầu khí; sản xuất, sửa chữa, thí nghiệm hiệu chỉnh thiết bị và phụ kiện, cấu kiện, thép bê tông và cung ứng vật tư thiết bị ngành điện.

**(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(d) Cấu trúc Công ty**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 1 tháng 1 năm 2019, Công ty có cấu trúc như sau:

- 7 phòng ban;
- 2 phân xưởng sản xuất;
- Trung tâm dịch vụ kỹ thuật – đơn vị bảo dưỡng và sửa chữa các thiết bị điện, các công trình thủy công của nhà máy thủy điện;
- Ban Quản lý Dự án Mở rộng Nhà máy Thủy điện Đa Nhim – đơn vị quản lý giai đoạn đầu tư mở rộng Nhà máy Thủy điện Đa Nhim.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty có 1 công ty con và 1 công ty liên kết (1/1/2019: 1 công ty con và 1 công ty liên kết) được liệt kê trong thuyết minh 5(b).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty có 266 nhân viên (1/1/2019: 255 nhân viên).

**2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

**(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty và các công ty con (sau đây gọi chung là “Nhóm Công ty”), kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

**(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

**(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

### **3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

#### **(a) Ngoại tệ**

##### **(i) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND lần lượt được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Ngoại trừ chính sách kế toán áp dụng được trình bày dưới đây, các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

##### **(ii) Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản của các công trình điện nằm trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia**

Theo hướng dẫn tại Nghị định số 10/2017/NĐ-CP của Chính phủ ngày 9 tháng 2 năm 2017 (“Nghị định 10”), các công trình điện nằm trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản được ghi nhận vào tài khoản “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” được phản ánh trong phần “Vốn chủ sở hữu” và sẽ được phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian không quá 5 năm kể từ khi các công trình đi vào hoạt động thương mại. Hướng dẫn của Nghị định 10 có sự khác biệt so với hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp của Bộ Tài chính ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”) mà theo đó các khoản chênh lệch tỷ giá này phải được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh trong kỳ phát sinh.

Nếu Công ty áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản nhất quán theo Thông tư 200 qua các kỳ thì chi phí tài chính sẽ giảm 39.596.498.429 VND, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành sẽ tăng 7.919.299.686 VND và lợi nhuận thuần sau thuế sẽ giảm 31.677.198.743 VND cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018: chi phí tài chính sẽ tăng 34.350.995.732 VND, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành sẽ giảm 6.870.199.146 VND và lợi nhuận thuần sau thuế sẽ giảm 27.480.796.586 VND), số chênh lệch tỷ giá thể hiện ở tài khoản “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” trong phần “Vốn chủ sở hữu” sẽ tăng 8.452.600.340 VND, thuế và các khoản phải nộp Nhà nước sẽ giảm 1.690.520.068 VND và “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” sẽ giảm 6.762.080.272 VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (1/1/2019: số chênh lệch tỷ giá thể hiện ở tài khoản “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” trong phần “Vốn chủ sở hữu” sẽ tăng 48.049.098.769 VND, thuế và các khoản phải nộp Nhà nước sẽ giảm 9.609.819.754 VND và “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” sẽ giảm 38.439.279.015 VND).

**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(c) Các khoản đầu tư**

**(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư.

**(ii) Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết**

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác**

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá trị hợp lý của khoản đầu tư thấp hơn giá trị ghi sổ của khoản đầu tư này. Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Ban Giám đốc Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi giá trị hợp lý của chứng khoán tăng lên hoặc khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(d) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(e) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp, và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**(f) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	10 – 50 năm
▪ máy móc và thiết bị	8 – 10 năm
▪ phương tiện vận tải	5 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 5 năm
▪ tài sản cố định khác	3 năm

**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(g) Tài sản cố định vô hình**

***Phần mềm máy vi tính***

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán là tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

**(h) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng dở dang là giá trị các công trình đầu tư xây dựng và sửa chữa lớn dở dang tại Công ty được xác định trên cơ sở chi phí thực tế phát sinh đến cuối kỳ đối với các công trình tự làm hoặc theo khối lượng thực tế thanh toán với bên thi công trên cơ sở hoá đơn cho khối lượng hoàn thành hoặc hạng mục bàn giao đối với các công trình thuê bên ngoài thực hiện. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí trực tiếp khác, chi phí chung được phân bổ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với quy định hiện hành. Xây dựng cơ bản dở dang được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

**(i) Chi phí trả trước dài hạn**

***Công cụ và dụng cụ***

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được tính phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

**(j) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(k) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**(l) Vốn cổ phần**

***Cổ phiếu phổ thông***

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần thu từ phát hành cổ phiếu vượt trên mệnh giá được ghi vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**(m) Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư và phát triển của Công ty được trích lập và sử dụng theo Nghị định 10 về quy chế quản lý tài chính của Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

**(n) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(o) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu bán điện**

Doanh thu bán điện được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh dựa trên sản lượng điện cung cấp vào hệ thống truyền tải điện và có xác nhận của khách hàng. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(iii) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(iv) Thu nhập từ cổ tức**

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

**(p) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**(q) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(r) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

**4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>31/12/2019</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2019</b> <b>VND</b>
Tiền mặt	426.540.891	323.351.825
Tiền gửi ngân hàng (*)	118.884.054.988	103.975.600.321
Các khoản tương đương tiền	600.693.150.685	100.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	720.003.746.564	204.298.952.146

Khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng bằng VND có kỳ hạn 1 và 3 tháng kể từ ngày gửi, hưởng lãi suất năm lần lượt là 5% và 5,5% (2018: lần lượt là 4,1% và 5,5%).

- (\*) Các tài khoản tiền gửi của Công ty tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam, chi nhánh Bảo Lộc đang được dùng để thế chấp cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng Phát triển Châu Á (Thuyết minh 18).

**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

## 5. Các khoản đầu tư tài chính

### (a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2019			1/1/2019		
	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn						
▪ Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn		685.897.861.813	685.897.861.813		1.136.444.857.992	1.136.444.857.992
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn						
▪ Tiền gửi có kỳ hạn dài hạn		200.000.000.000	200.000.000.000		66.000.000.000	66.000.000.000
▪ Trái phiếu (*)	798	7.980.000.000	(**)	798	7.980.000.000	(**)
		207.980.000.000			73.980.000.000	

Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng kể từ ngày gửi và thời gian đáo hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ ngày báo cáo, hưởng lãi suất năm dao động từ 5% đến 7,1% trong năm (2018: 5% đến 7% trong năm).

Tiền gửi có kỳ hạn dài hạn là tiền gửi ngân hàng có thời gian đáo hạn còn lại trên 12 tháng kể từ ngày báo cáo, hưởng lãi suất năm là 6,6% trong năm (2018: 7%).

(\*) Bao gồm trái phiếu ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam có giá trị 5 tỷ VND (2018: 5 tỷ VND), phát hành ngày 14 tháng 11 năm 2017 có kỳ hạn 10 năm và trái phiếu ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam có giá trị 2,98 tỷ VND (2018: 2,98 tỷ VND), phát hành ngày 19 tháng 12 năm 2018 có kỳ hạn 10 năm. Lãi suất áp dụng lần lượt là lãi suất tham chiếu cộng với biên độ 1,2%/năm và 1%/năm. Trong đó lãi suất tham chiếu là bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng VND có kỳ hạn 12 tháng của 4 ngân hàng gồm: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam tại ngày xác định lãi suất.

(\*\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho khoản đầu tư tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Đầu tư tài chính dài hạn**

	31/12/2019					1/1/2019				
	Số lượng	% vốn sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ/giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng	% vốn sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ/giá gốc VND
<b>Đầu tư vào công ty con</b>										
▪ Công ty Cổ phần Thủy điện Hạ Sông Pha (i)	11.200.000	70%	70%	112.000.000.000	-	(*) 11.200.000	11.200.000	70%	70%	112.000.000.000
<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>										
▪ Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình (ii)	3.267.920	20%	20%	32.679.200.000	-	(*) 3.267.920	3.267.920	20%	20%	32.679.200.000
<b>Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác</b>										
▪ Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương	2.579.069	3,3%	3,3%	24.560.000.000	-	67.829.514.700	2.579.069	3,3%	3,3%	24.560.000.000
▪ Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ	1.280.000	1%	1%	12.800.000.000	-	29.568.000.000	1.280.000	1%	1%	12.800.000.000
				37.360.000.000						37.360.000.000
				182.039.200.000						182.039.200.000

Không có biến động về dự phòng đầu tư tài chính trong năm (2018: Hoàn nhập toàn bộ số dư dự phòng đầu năm 4.772.900.615 VND).

**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

- (\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho khoản đầu tư tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.
- (i) Công ty Cổ phần Thủy điện Hạ Sông Pha (“Hạ Sông Pha”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4500407954 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 28 tháng 12 năm 2009. Hoạt động chính của Hạ Sông Pha là xây dựng các công trình thủy điện, phong điện và các công trình nhà máy điện khác; sản xuất và kinh doanh điện năng.
- (ii) Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình (“Thuận Bình”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 3400675644 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Thuận cấp ngày 16 tháng 1 năm 2009. Hoạt động chính của Thuận Bình là sản xuất, truyền tải và kinh doanh điện năng.

## **6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

### **(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn**

	<b>31/12/2019</b>	<b>1/1/2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Mua Bán Điện	347.656.889.213	690.253.022.770
Các khách hàng khác	6.962.791.501	3.283.351.795
	354.619.680.714	693.536.374.565

### **(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan**

	<b>31/12/2019</b>	<b>1/1/2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Mua Bán Điện	347.656.889.213	690.253.022.770
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3	447.115.350	414.682.242
Công ty Cổ phần thủy điện Hạ Sông Pha	48.000.000	-

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn thu hồi là từ 30 - 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**7. Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2019</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2019</b> <b>VND</b>
Phải thu lãi tiền gửi, tiền cho vay	47.928.933.233	74.746.011.560
Cổ tức được chia	6.400.000.000	5.600.000.000
Phải thu khác	473.602.214	9.719.733.554
	<hr/> 54.802.535.447	<hr/> 90.065.745.114 <hr/>

**8. Hàng tồn kho**

	<b>31/12/2019</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2019</b> <b>VND</b>
Nguyên vật liệu	86.587.479.366	38.632.847.014
Công cụ và dụng cụ	772.852.401	552.002.186
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.701.198.028	1.831.069.487
	<hr/> 89.061.529.795	<hr/> 41.015.918.687 <hr/>

**9. Phải thu về cho vay**

**(a) Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	<b>1/1/2019</b> <b>VND</b>	<b>Biến động trong năm</b>	<b>31/12/2019</b> <b>VND</b>
		<b>Tăng</b> <b>VND</b>	
		<b>Giảm</b> <b>VND</b> (*)	
Phải thu về cho vay dài hạn đến hạn thu hồi (b)	200.000.000.000	- (200.000.000.000)	-
	<hr/> 200.000.000.000		<hr/> -

(\*) Khoản phải thu về cho vay dài hạn đến hạn thu hồi từ 2019 đã được gia hạn sang 2024.

**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Phải thu về cho vay dài hạn**

	<b>31/12/2019</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2019</b> <b>VND</b>
Phải thu về cho vay dài hạn	599.932.824.894	799.932.824.894
Khoản cho vay dài hạn đến hạn trả được gia hạn (Thuyết minh 9(a))	200.000.000.000	-
Khoản đến hạn thu trong vòng 12 tháng	-	(200.000.000.000)
<b>Khoản đến hạn trả sau 12 tháng</b>	<b>799.932.824.894</b>	<b>599.932.824.894</b>

Điều kiện và điều khoản của các khoản phải thu về cho vay dài hạn như sau:

	<b>Tiền tệ</b>	<b>Năm đáo hạn</b>	<b>31/12/2019</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2019</b> <b>VND</b>
Phải thu về cho vay				
Tổng Công ty Phát điện 1				
Khoản cho vay 1	VND	2024	200.000.000.000	200.000.000.000
Khoản cho vay 2	VND	2025	150.000.000.000	150.000.000.000
Khoản cho vay 3	VND	2025	449.932.824.894	449.932.824.894
			<b>799.932.824.894</b>	<b>799.932.824.894</b>

Các khoản phải thu về cho vay Tổng Công ty Phát điện 1, công ty mẹ, không có đảm bảo và có thời hạn cho vay là 5 năm. Lãi suất được xác định bằng lãi suất huy động tiền gửi kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ của Hội sở chính Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam tại ngày xác định lãi suất cộng với biên độ 2,5%/năm. Trong năm, các khoản phải thu về cho vay này hưởng lãi suất 8,9%/năm (2018: 8,5% đến 9%/năm). Nợ gốc vay được thanh toán một lần vào ngày đáo hạn khoản vay.

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi  
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

10. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	8.012.886.573.937	4.087.541.587.349	59.412.319.362	44.016.241.138	253.880.507	12.204.110.602.293
Tăng trong năm	-	54.564.812.600	2.534.299.091	2.440.201.763	-	59.539.313.454
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	446.269.182.825	1.508.239.586.313	10.563.051.058	3.471.567.173	-	1.968.543.387.369
Giảm khác	-	(3.912.000)	-	-	-	(3.912.000)
Số dư cuối năm	8.459.155.756.762	5.650.342.074.262	72.509.669.511	49.928.010.074	253.880.507	14.232.189.391.116
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	4.532.034.965.200	4.016.908.528.096	46.450.996.058	42.934.309.299	253.880.507	8.638.582.679.160
Khấu hao trong năm	195.608.030.730	96.391.848.184	3.372.672.904	1.685.865.196	-	297.058.417.014
Số dư cuối năm	4.727.642.995.930	4.113.300.376.280	49.823.668.962	44.620.174.495	253.880.507	8.935.641.096.174
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số dư đầu năm	3.480.851.608.737	70.633.059.253	12.961.323.304	1.081.931.839	-	3.565.527.923.133
Số dư cuối năm	3.731.512.760.832	1.537.041.697.982	22.686.000.549	5.307.835.579	-	5.296.548.294.942

**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 có các tài sản có nguyên giá 3.352.679.206.143 VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2019: 2.880.092.559.856 VND).

Như trình bày tại Thuyết minh 18(b), các tài sản hình thành từ các khoản đi vay Tập đoàn Điện lực Việt Nam và Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay này. Các tài khoản tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam, chi nhánh Bảo Lộc (Thuyết minh 4), tài sản cố định là tấm pin mặt trời, máy biến tần và trạm biến áp của dự án Nhà máy điện mặt trời Đa Mi được sử dụng để thế chấp cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng Phát triển Châu Á.

## **11. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Phần mềm máy vi tính VND</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu năm và cuối năm	1.528.838.057
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu năm	540.134.658
Khấu hao trong năm	152.883.804
Số dư cuối năm	693.018.462
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu năm	988.703.399
Số dư cuối năm	835.819.595

**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

## 12. Xây dựng cơ bản dở dang

	2019 VND	2018 VND
Số dư đầu năm	1.642.264.628.702	620.551.344.611
Tăng trong năm	721.604.615.457	1.064.921.809.101
Lãi vay vốn hóa trong năm	7.538.366.570	7.170.325.458
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(1.968.543.387.369)	(50.378.850.468)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>402.864.223.360</b>	<b>1.642.264.628.702</b>

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Dự án mở rộng Nhà máy Thủy điện Đa Nhim (*)	381.845.141.005	1.170.048.389.689
Dự án Nhà máy Điện Mặt trời Đa Mi (**)	21.019.082.355	472.216.239.013
<b></b>	<b>402.864.223.360</b>	<b>1.642.264.628.702</b>

(\*) Dự án mở rộng Nhà máy Thủy điện Đa Nhim (“Dự án”) được phê duyệt đầu tư xây dựng theo Quyết định số 6934/QĐ-BCT ngày 24 tháng 9 năm 2013 của Bộ Công Thương. Mục tiêu của Dự án nhằm mở rộng thêm 1 tổ máy 80MW cho Nhà máy Thủy điện Đa Nhim hiện hữu, nâng tổng công suất nhà máy từ 160MW lên 240MW. Tổng mức đầu tư dự kiến là 1.952.591.601.000 VND (tương đương 92,28 triệu USD). Nguồn vốn đầu tư của Dự án được tài trợ từ vốn vay Quỹ hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) của Chính phủ Nhật Bản (85%) và vốn đối ứng của Chính phủ Việt Nam (15%). Giai đoạn 1 của dự án đã hoàn thành và đi vào vận hành thương mại từ tháng 4 năm 2019. Tài sản hình thành từ Dự án được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay của Công ty (thuyết minh 18(b)).

(\*\*) Dự án Nhà máy Điện mặt trời Đa Mi (“Dự án”) được phê duyệt đầu tư xây dựng theo Quyết định số 2960/QĐ-UBND ngày 13 tháng 10 năm 2018 của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Bình Thuận. Mục tiêu của Dự án nhằm bổ sung vào hệ thống điện Quốc gia nguồn năng lượng sạch, với công suất 47.5 MW. Tổng mức đầu tư dự kiến 1.312.917.000.000 VND. Nguồn vốn đầu tư của Dự án được tài trợ từ vốn của chủ đầu tư (30%), vốn vay thương mại trong nước (20%) và vốn vay nước ngoài (50%). Dự án đã đi vào hoạt động từ tháng 6 năm 2019.

## 13. Chi phí trả trước

### (a) Chi phí trả trước ngắn hạn

Chi phí trả trước ngắn hạn phản ánh chi phí bảo hiểm trả trước và các khoản lệ phí đường bộ.

**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>Công cụ và dụng cụ VND</b>	<b>Chi phí trả trước khác VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
Số dư đầu năm	21.846.873.075	1.999.456.644	23.846.329.719
Tăng trong năm	1.614.671.762	9.399.491.853	11.014.163.615
Phân bổ trong năm	(19.373.528.045)	(1.659.690.907)	(21.033.218.952)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>4.088.016.792</b>	<b>9.739.257.590</b>	<b>13.827.274.382</b>

**14. Các khoản phải trả người bán**

**(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn**

	<b>Giá gốc và số có khả năng trả nợ 31/12/2019 VND</b>	<b>1/1/2019 VND</b>
Công ty Cổ phần Xây dựng 47	38.359.567.905	61.491.762.346
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Thanh An	27.036.659.939	-
GE Power India Limited	20.218.320.144	32.513.446.998
Công ty TNHH Cơ điện Minh Anh	10.867.574.247	898.805.983
Viện Nghiên cứu Cơ khí	9.017.558.460	96.223.385.417
Powerchina Huadong Engineering Corporation Limited	-	167.150.383.884
Các nhà cung cấp khác	18.145.825.774	40.234.436.141
	<b>123.645.506.469</b>	<b>398.512.220.769</b>

**(b) Phải trả người bán chi tiết theo kỳ hạn thanh toán**

	<b>Giá gốc và số có khả năng trả nợ 31/12/2019 VND</b>	<b>1/1/2019 VND</b>
Ngắn hạn	88.058.439.092	302.541.500.294
Dài hạn	35.587.067.377	95.970.720.475
	<b>123.645.506.469</b>	<b>398.512.220.769</b>

Khoản phải trả người bán dài hạn sẽ được hoàn trả trong vòng 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu hoàn thành công trình dự kiến trong năm 2021.

**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(c) Phải trả người bán là các bên liên quan**

	<b>Giá gốc và số có khả năng trả nợ</b>	
	<b>31/12/2019</b>	<b>1/1/2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Cổ phần Xây lắp điện 1	8.504.484.181	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2	178.370.587	45.745.920
Trung Tâm Thông Tin Điện Lực	4.448.400	-
Chi Nhánh Tổng Công ty Điện Lực Miền Nam - Công ty Thí Nghiệm Điện Miền Nam	-	96.461.932
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3	-	1.080.082.440

Khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 30 - 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

15. Thuế và các khoản phải nộp và phải thu Nhà nước

(a) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2019 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp/cần trừ trong năm VND	31/12/2019 VND
Thuế giá trị gia tăng	2.211.528.566	148.273.720.552	(145.064.909.836)	5.420.339.282
Thuế thu nhập doanh nghiệp	194.025.641.701	227.150.650.075	(364.483.520.701)	56.692.771.075
Thuế thu nhập cá nhân	2.041.131.477	5.001.400.236	(6.960.494.109)	82.037.604
Thuế tài nguyên	23.405.435.168	239.313.305.256	(260.277.377.051)	2.441.363.373
Các loại thuế khác	51.022.372.776	136.495.696.526	(158.738.616.024)	28.779.453.278
	272.706.109.688	756.234.772.645	(935.524.917.721)	93.415.964.612

(b) Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	1/1/2019 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã cần trừ trong năm VND	31/12/2019 VND
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	13.759.339	-	(13.759.339)	-

**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**16. Chi phí phải trả**

	<b>31/12/2019</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2019</b> <b>VND</b>
Chi phí lãi vay	12.616.328.842	13.400.273.931

**17. Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2019</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2019</b> <b>VND</b>
Cổ tức phải trả	-	211.200.000.000
Phải trả, phải nộp khác	675.232.793	481.801.970
	<b>675.232.793</b>	<b>211.681.801.970</b>

**18. Vay**

**(a) Vay ngắn hạn**

	<b>1/1/2019</b> <b>Giá trị ghi sổ</b> <b>và số có khả</b> <b>năng trả nợ</b> <b>VND</b>	<b>Biến động trong năm</b>			<b>31/12/2019</b> <b>Giá trị ghi sổ</b> <b>và số có khả</b> <b>năng trả nợ</b> <b>VND</b>
		<b>Tăng</b> <b>VND</b>	<b>Giảm</b> <b>VND</b>	<b>Chênh lệch tỷ</b> <b>giá hối đoái</b> <b>VND</b>	
Vay dài hạn đến hạn trả (b)	548.042.895.691	528.658.352.617	(558.708.750.338)	10.665.854.647	528.658.352.617

**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Vay dài hạn**

Biến động các khoản vay dài hạn trong năm như sau:

	<b>2019</b>	<b>2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu năm	1.413.572.267.701	1.499.346.126.309
Giải ngân trong năm	1.014.515.026.901	377.837.896.353
Chuyển sang nợ dài hạn đến hạn trả	(528.658.352.617)	(548.042.895.691)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại	35.282.925.463	84.431.140.730
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>1.934.711.867.448</b>	<b>1.413.572.267.701</b>

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	<b>Năm</b>			<b>31/12/2019</b>	<b>1/1/2019</b>
<b>Tiền tệ</b>	<b>đáo hạn</b>	<b>Lãi suất năm</b>		<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Vay từ Tập đoàn Điện Lực Việt Nam</b>					
Khoản vay 1 (i)	JPY	2020	3,21%	389.601.848.586	832.412.924.827
Khoản vay 2 (ii)	JPY	2021	2,75%	74.874.772.056	122.510.492.116
<b>Vay từ Công ty Tài Chính Cổ phần Điện Lực</b>					
Khoản vay 1 (iii)	JPY	2044	0,01% - 1,4%	1.139.383.599.423	1.006.691.746.449
<b>Vay từ Ngân hàng phát triển Châu Á</b>					
Khoản vay 1 (iv)	USD	2034	Lãi suất biến đổi	859.510.000.000	-
				<b>2.463.370.220.065</b>	<b>1.961.615.163.392</b>

- (i) Theo Hợp đồng cho vay lại nguồn vốn vay Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản số 05/2007/ĐN/EVN/TCKT ngày 30 tháng 8 năm 2007. Khoản vay được sử dụng để đầu tư xây dựng dự án Nhà máy Thủy điện Hàm Thuận - Đa Mi và chịu lãi suất năm là 3,21%/năm. Thời hạn cho vay lại là 11 năm 6 tháng, gốc vay được thanh toán mỗi năm hai lần vào ngày 15 tháng 1 và ngày 15 tháng 7 hàng năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay (thuyết minh 10 và thuyết minh 12).
- (ii) Theo Hợp đồng cho vay lại nguồn vốn vay Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản số 01/2013/EVN/TCKT ngày 20 tháng 9 năm 2013. Khoản vay được sử dụng để đầu tư dự án Phục hồi hệ thống điện Đa Nhim và chịu lãi suất năm là 2,3%/năm, phí quản lý khoản vay là 0,2%/năm và phí cho vay lại là 0,25%/năm. Thời hạn cho vay lại là 7 năm 6 tháng, gốc vay được thanh toán mỗi năm hai lần vào ngày 20 tháng 2 và ngày 20 tháng 8 hàng năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay (thuyết minh 10 và thuyết minh 12).

**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

- (iii) Theo Hợp đồng cho vay lại vốn vay ưu đãi Chính phủ của Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản số 01/2015/HĐCVL/TCĐL-ĐHĐ/ĐNMR ngày 8 tháng 7 năm 2015. Khoản vay được sử dụng để đầu tư Dự án mở rộng Nhà máy Thủy điện Đa Nhim và chịu lãi suất năm là 0,01%/năm đối với các khoản vay cho các hạng mục tư vấn; 1,4%/năm đối với các khoản vay cho các hạng mục xây lắp, thiết bị, và phí cho vay lại là 0,2%/năm. Thời hạn cho vay lại là 25 năm trong đó có thời gian ân hạn là 5 năm kể từ ngày 28 tháng 2 năm 2014, gốc vay được thanh toán mỗi năm hai lần vào ngày 20 tháng 1 và ngày 20 tháng 7 hàng năm sau khi kết thúc thời gian ân hạn, ngày trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 20 tháng 1 năm 2019. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay (thuyết minh 12) và tài sản Nhà máy Thủy điện Đa Nhim hiện hữu công suất lắp máy 160MW (thuyết minh 10 và thuyết minh 12).
- (iv) Theo Hợp đồng cho vay giữa Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) và Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi ngày 26 tháng 9 năm 2019. Khoản vay được sử dụng để tài trợ cho dự án Nhà máy điện mặt trời Đa Mi. Đối với phần dư nợ 214.877.500.000 VND (tương đương 9.250.000 USD) chịu lãi suất thả nổi bằng LIBOR + biên độ lãi suất 3,65%/năm. Đối với phần dư nợ 296.182.500.000 VND (tương đương 12.750.000 USD) chịu lãi suất bằng chi phí hoán đổi lãi suất cố định + biên độ lãi suất 3,65%/năm. Đối với phần dư nợ 348.450.000.000 VND (tương đương 15.000.000 USD) chịu lãi suất cố định là 2,5%/năm. Thời hạn vay là 15 năm trong đó thời gian ân hạn được tính từ ngày giải ngân đầu tiên (ngày 23 tháng 12 năm 2019) đến kỳ trả nợ đầu tiên (ngày 15 tháng 9 năm 2020). Gốc và lãi vay sẽ được trả 2 lần một năm vào ngày 15 tháng 3 và ngày 15 tháng 9 hàng năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng:
- Các tài khoản tiền gửi của Công ty tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam, chi nhánh Bảo Lộc (Thuyết minh 4).
  - Tài sản cố định là tấm pin mặt trời, máy biến tần và trạm biến áp của dự án Nhà máy điện mặt trời Đa Mi (Thuyết minh 10)

**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông thường niên. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	<b>2019 VND</b>	<b>2018 VND</b>
Số dư đầu năm	4.434.893.211	6.448.469.709
Trích lập trong năm (thuyết minh 20)	17.655.000.000	17.905.078.450
Sử dụng trong năm	(16.352.605.337)	(19.918.654.948)
Số dư cuối năm	5.737.287.874	4.434.893.211

**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**20. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	<b>Vốn cổ phần VND</b>	<b>Vốn khác VND</b>	<b>Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND</b>	<b>Quỹ đầu tư phát triển VND</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2018</b>	4.224.000.000.000	74.872.484.114	(13.698.103.037)	44.328.129.224	1.190.534.474.357	5.520.036.984.658
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	1.282.463.513.110	1.282.463.513.110
Cổ tức (thuyết minh 23)	-	-	-	-	(760.320.000.000)	(760.320.000.000)
Tạm ứng cổ tức (thuyết minh 23)	-	-	-	-	(211.200.000.000)	(211.200.000.000)
Chuyển nguồn hình thành tài sản cố định	-	53.881.687.427	-	(53.881.687.427)	-	-
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	15.000.000.000	(15.000.000.000)	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(17.905.078.450)	(17.905.078.450)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái (thuyết minh 22)	-	-	(34.350.995.732)	-	-	(34.350.995.732)
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2019</b>	4.224.000.000.000	128.754.171.541	(48.049.098.769)	5.446.441.797	1.468.572.909.017	5.778.724.423.586
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	1.047.755.523.997	1.047.755.523.997
Cổ tức (thuyết minh 23)	-	-	-	-	(718.080.000.000)	(718.080.000.000)
Chuyển nguồn hình thành tài sản cố định	-	274.021.476.654	-	(274.021.476.654)	-	-
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	384.739.053.933	(384.739.053.933)	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(17.655.000.000)	(17.655.000.000)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái (thuyết minh 22)	-	-	39.596.498.429	-	-	39.596.498.429

<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2019</b>	4.224.000.000.000	402.775.648.195	(8.452.600.340)	116.164.019.076	1.395.854.379.081	6.130.341.446.012
--	-------------------	-----------------	-----------------	-----------------	-------------------	-------------------

**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

## 21. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là :

	31/12/2019		1/1/2019	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	422.400.000	4.224.000.000.000	422.400.000	4.224.000.000.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	422.400.000	4.224.000.000.000	422.400.000	4.224.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Chi tiết vốn cổ phần của Công ty như sau:

	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	VND
Tổng Công ty Phát điện 1 – Công ty TNHH Một thành viên	99,93%	422.103.100	4.221.031.000.000
Các cổ đông khác	0,07%	296.900	2.969.000.000
	100%	422.400.000	4.224.000.000.000

Không có biến động vốn cổ phần trong các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 31 tháng 12 năm 2018.

## 22. Chênh lệch tỷ giá hối đoái

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh khoản lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm liên quan đến xây dựng cơ bản Dự án mở rộng Nhà máy Đa Nhim. Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái này sẽ được phân bổ dần vào báo cáo kết quả kinh doanh trong thời gian không quá 5 năm kể từ khi dự án này đi vào hoạt động thương mại phù hợp với hướng dẫn tại Nghị định 10 (thuyết minh 3(a)(ii)).

**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

## **23. Cổ tức**

Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 26 tháng 4 năm 2019, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức cho các cổ đông từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2018 là 929.280 triệu VND (tương đương 2.200VND/ cổ phiếu), trong đó 211.200 triệu VND đã được tạm ứng cho các cổ đông trong năm 2018 (2018: 760.320 triệu VND, tương đương 1.800 VND/ cổ phiếu).

## **24. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**

### **(a) Ngoại tệ các loại**

	31/12/2019		1/1/2019	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	24.439	567.607.276	181.177	4.105.870.557

### **(b) Cam kết chi tiêu vốn**

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	391.707.329.670	1.571.554.912.832
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	494.161.528.915	1.205.296.213.588
	885.868.858.585	2.776.851.126.420

**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**25. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu bao gồm:

	<b>2019</b> <b>VND</b>	<b>2018</b> <b>VND</b>
Tổng doanh thu		
▪ Bán điện	2.108.835.010.810	2.325.132.372.244
▪ Cung cấp dịch vụ	18.011.625.844	13.480.785.331
	<hr/> 2.126.846.636.654	<hr/> 2.338.613.157.575

**26. Giá vốn hàng bán**

	<b>2019</b> <b>VND</b>	<b>2018</b> <b>VND</b>
Giá vốn bán điện	797.290.850.111	755.779.322.433
Giá vốn của dịch vụ đã cung ứng	13.046.639.753	9.352.039.142
	<hr/> 810.337.489.864	<hr/> 765.131.361.575

**27. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>2019</b> <b>VND</b>	<b>2018</b> <b>VND</b>
Lãi tiền gửi và cho vay	106.220.293.774	126.713.267.191
Cổ tức được chia	20.087.503.500	23.540.975.900
Lãi chênh lệch tỷ giá	16.271.446.580	-
	<hr/> 142.579.243.854	<hr/> 150.254.243.091

**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**28. Chi phí tài chính**

	<b>2019 VND</b>	<b>2018 VND</b>
Chi phí lãi vay	26.637.349.902	29.129.041.576
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái giai đoạn xây dựng cơ bản (Thuyết minh 22)	39.596.498.429	-
Lỗi chênh lệch tỷ giá thanh toán	24.516.764.642	-
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	30.708.505.457	43.207.167.849
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư (Thuyết minh số 5(b))	-	(4.772.900.615)
	121.459.118.430	67.563.308.810

**29. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>2019 VND</b>	<b>2018 VND</b>
Chi phí nhân công	33.491.607.933	37.803.963.011
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.231.536.721	941.903.228
Thuế, phí và lệ phí	1.488.650.119	845.986.652
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	817.380.599	588.506.542
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	410.477.361	228.518.830
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(46.750.000)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.252.200.038	8.267.510.641
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	7.115.599.917	7.334.810.464
	56.760.702.688	56.011.199.368

**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**30. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	<b>2019</b> <b>VND</b>	<b>2018</b> <b>VND</b>
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	42.956.740.696	37.145.121.860
Chi phí nhân công	100.829.743.880	100.598.559.485
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	410.477.361	817.025.372
Chi phí khấu hao tài sản cố định	296.468.634.312	226.690.666.812
Thuế, phí và lệ phí	365.453.981.487	406.892.810.475
Chi phí hoàn nhập dự phòng	(46.750.000)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.462.013.258	24.777.834.535
Chi phí khác	35.563.351.558	24.220.542.404

**31. Thuế thu nhập**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	<b>2019</b> <b>VND</b>	<b>2018</b> <b>VND</b>
<b>Chi phí thuế hiện hành</b>		
Năm hiện hành	227.150.650.075	316.666.272.336
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	80.369.365
	<b>227.150.650.075</b>	<b>316.746.641.701</b>

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>2019</b> <b>VND</b>	<b>2018</b> <b>VND</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.274.906.174.072	1.599.210.154.811
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	254.981.234.814	319.842.030.962
Thuế của phần thu nhập không chịu thuế	(4.017.500.700)	(4.708.195.180)
Ưu đãi thuế	(25.195.512.865)	-
Chi phí không được khấu trừ thuế	1.382.428.826	1.532.436.554
Dự phòng thiếu trong năm trước	-	80.369.365
	<b>227.150.650.075</b>	<b>316.746.641.701</b>

**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo các điều khoản trong luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận chịu thuế (2018: 20%).

Dự án nhà máy Thủy điện Đa Nhim mở rộng và dự án Điện mặt trời Đa Mi được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 4 năm kể từ năm đầu tiên dự án có thu nhập chịu thuế (từ năm 2019 đến năm 2022) và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 9 năm tiếp theo.

Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất 20%.

**32. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của Báo cáo tài chính riêng, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	<b>Giá trị giao dịch cho năm</b>	
	<b>2019</b>	<b>2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty mẹ cấp cao nhất</b>		
<b>Tập đoàn Điện lực Việt Nam</b>		
Mua điện	3.151.575.218	2.186.893.067
Chi phí lãi vay	17.984.767.536	29.129.041.576
Khoản vay đã trả	506.555.119.580	-
<b>Công ty mẹ</b>		
<b>Tổng Công ty Phát điện 1</b>		
Lãi vay phải thu trong năm	72.182.827.268	72.587.237.752
Chi hộ	149.897.000	-
<b>Công ty con</b>		
<b>Công ty Cổ phần Thủy điện Hạ Sông Pha</b>		
Cung cấp dịch vụ	1.490.281.364	1.615.206.334
Cổ tức được chia	7.840.000.000	19.040.000.000
<b>Công ty liên kết</b>		
<b>Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình</b>		
Cổ tức được chia	3.258.900.000	-
<b>Các bên liên quan khác</b>		
<b>Công ty Mua Bán Điện</b>		
Bán điện	2.108.835.010.810	2.325.221.494.075

**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Giá trị giao dịch cho năm</b>	
	<b>2019</b>	<b>2018</b>
<b>Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương</b>		
Cổ tức được chia	3.868.603.500	2.836.975.900
<b>Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ</b>		
Cổ tức được chia	5.120.000.000	1.664.000.000
<b>Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2</b>		
Ứng trước hợp đồng xây dựng cơ bản	-	3.129.529.074
Chi phí dịch vụ	10.669.437.578	-
<b>Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3</b>		
Cung cấp dịch vụ	1.462.159.689	679.448.632
Chi phí dịch vụ	9.318.304.769	9.050.204.042
<b>Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4</b>		
Chi phí dịch vụ	198.969.091	1.113.716.872
<b>Chi nhánh Tổng Công ty Phát điện 1 – Công ty Thủy điện Đại Ninh</b>		
Cung cấp dịch vụ	-	54.300.000
<b>Công ty Cổ Phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Trung</b>		
Cung cấp dịch vụ	-	114.990.000
<b>Công ty Thí nghiệm Điện Miền Nam</b>		
Cung cấp dịch vụ	-	71.400.000
Ứng trước hợp đồng dịch vụ	-	463.559.985
Chi phí dịch vụ	245.656.952	-
<b>Chi nhánh Công ty cổ phần Thủy điện miền Nam tại Lâm Đồng</b>		
Cung cấp dịch vụ	53.590.000	97.419.932
<b>Trung tâm Thông tin Điện lực – Tập đoàn Điện lực Việt Nam</b>		
Chi phí dịch vụ	299.569.510	126.000.000
<b>Trung tâm Viễn thông và Công nghệ thông tin – Tập đoàn Điện lực Việt Nam</b>		
Chi phí dịch vụ	-	850.372.646
<b>Tổng Giám đốc</b>		
Tiền lương	582.465.600	592.384.000

**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Giá trị giao dịch cho năm</b>	
	<b>2019</b>	<b>2018</b>
<b>Thành viên khác trong Ban Tổng Giám đốc</b>		
Tiền lương	1.034.088.800	1.526.528.000
<b>Hội đồng Quản trị</b>		
Tiền lương và thù lao	607.421.600	735.204.600

**33. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính**

	<b>2019</b>	<b>2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Mua tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang chưa thanh toán	73.513.079.230	230.939.481.593
Thanh toán gốc vay bằng cách cắt trừ với khoản phải thu khách hàng	524.539.887.116	-
Chi trả cổ tức bằng cách cắt trừ với lãi vay phải thu	72.182.827.268	72.993.870.272
Lãi tiền gửi có kỳ hạn vốn hóa vào nợ gốc	28.531.416.284	2.636.111.111
Thanh toán lãi vay bằng cách cắt trừ với khoản phải thu khách hàng	-	28.877.048.582
Chuyển tài sản cố định sang Hàng tồn kho	3.912.000	-

**34. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2019 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Ngày 5 tháng 3 năm 2020

Người lập:  
  
**Lê Xuân Phong**  
 Kế toán tổng hợp

  
**Phạm Thị Hồng Hà**  
 Kế toán trưởng

Người duyệt:  
  
  
**Lê Văn Quang**  
 Tổng Giám đốc

**TỜ TRÌNH**  
**Về việc thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2019**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020

Căn cứ Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua;

Hội đồng quản trị Công ty xin ý kiến Đại hội về phương án phân phối lợi nhuận năm 2019, cụ thể như sau:

STT	Nội dung	Số tiền (đ)	Tỷ lệ (%)
1	Lợi nhuận sau thuế	1.047.755.523.997	
2	Lợi nhuận các năm trước để lại được phân phối	15.832.885.383	
<b>3</b>	<b>Phân phối lợi nhuận</b>	<b>1.063.588.409.380</b>	<b>100,00</b>
3.1	Cổ tức (24%)	1.013.760.000.000	95,32
	<i>Trong đó: Đã tạm ứng 12%</i>	<i>506.880.000.000</i>	
3.2	Quỹ Đầu tư phát triển	0	
3.3	Quỹ thưởng Ban điều hành (1,5 tháng tiền lương, thù lao)	515.649.000	0,05
3.4	Quỹ Khen thưởng phúc lợi (3 tháng tiền lương)	15.478.178.750	1,45
3.5	Lợi nhuận để lại	<b>33.834.581.630</b>	3,18

Kính trình Đại hội biểu quyết thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT;
- Ban KS;
- Lưu: VT, TCKT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**



Nguyễn Trọng Oánh

## TỜ TRÌNH

### Về việc thông qua tiền lương, thù lao thực hiện năm 2019 và tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2020 của HĐQT và Ban kiểm soát

Căn cứ Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua tiền lương, thù lao thực hiện năm 2019 và tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2020 của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát Công ty như sau:

#### 1. Tiền lương, thù lao thực hiện năm 2019:

(Đơn vị: đồng)

Stt	Nội dung	Số người	Thực hiện
1.	Tiền lương Chủ tịch HĐQT	1	788.348.000
2.	Tiền lương Trưởng Ban kiểm soát	1	646.248.000
3.	Thù lao Kiểm soát viên	2	247.728.000
	<b>Tổng cộng</b>		<b>1.682.324.000</b>

Bằng chữ: Một tỷ, sáu trăm, tám mươi hai triệu, ba trăm hai mươi bốn nghìn đồng.

#### 2. Tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2020:

(Đơn vị: đồng)

Stt	Nội dung	Số người	Kế hoạch
1.	Tiền lương Chủ tịch HĐQT	1	787.272.000

2.	Tiền lương Trưởng Ban kiểm soát	1	646.248.000
3.	Thù lao Kiểm soát viên	2	247.728.000
	<b>Tổng cộng</b>		<b>1.681.248.000</b>

Bằng chữ: Một tỷ, sáu trăm tám mươi một triệu, hai trăm bốn mươi tám nghìn đồng.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua./.

**Nơi nhận:**

- ĐHĐCĐ thường niên 2020;
- HĐQT;
- Ban KS;
- Lưu: VT, HCLĐ.

**TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Trọng Oánh**

Lâm Đồng, ngày 21 tháng 05 năm 2020

**TỜ TRÌNH**  
**Về việc lựa chọn công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Thủy điện  
Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Thủy điện Đa  
Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi;

Để phục vụ cho công tác kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020 được kịp  
thời, Ban kiểm soát kính đề nghị Đại hội đồng Cổ đông thông qua việc lựa chọn  
Công ty TNHH KPMG là đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020 của  
Công ty.

Công ty TNHH KPMG là công ty kiểm toán có uy tín, đã thực hiện kiểm  
toán Báo cáo tài chính của Công ty từ năm 2016 đến nay.

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét thông qua./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT, BKS

**TM.BAN KIỂM SOÁT**  
**TRƯỞNG BAN**



**Ngô Thế Long**

**TỜ TRÌNH**  
**Về việc thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 26/11/2014;

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 29/06/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán ngày 24/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

Căn cứ Thông tư số 95/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

Để đảm bảo phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và quy định pháp luật hiện hành, Hội đồng quản trị Công ty trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ sửa đổi của Công ty như sau:

STT	Nội dung cũ	Nội dung sửa đổi bổ sung
1.	<p><b>Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.</p>	<p><b>Bổ sung khoản 11 Điều 20 như sau:</b></p> <p><b>Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội. Với sự chấp thuận của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, các cổ đông có thể tham dự Đại hội đồng Cổ đông bằng điện thoại, hoặc bằng các phương tiện điện tử khác với điều kiện mỗi cổ đông này phải nghe được những cổ đông khác có mặt</p>

		tại Đại hội và các cổ đông có mặt phải nghe hoặc hiểu rõ những gì cổ đông này cho ý kiến. Hình thức tham dự này được xem như tương đương với việc đích thân tham dự. Trong trường hợp đó, việc bỏ phiếu sẽ được tiến hành theo cách thức phù hợp với phương tiện trao đổi thông tin.
--	--	--

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua./.

**Nơi nhận:**

- ĐHĐCĐ thường niên 2020;
- HĐQT;
- Ban KS;
- Lưu: VT, P.HCLĐ.



**Nguyễn Trọng Oánh**

## TỜ TRÌNH

### Về việc thông qua sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 26/11/2014;

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 29/06/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán ngày 24/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

Căn cứ Thông tư số 95/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua;

Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua;

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 thông qua sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi cụ thể như sau:

STT	Nội dung cần sửa đổi, bổ sung	Nội dung sửa đổi, bổ sung
1.	<b>Điều 6. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</b>	<b>Bổ sung khoản 1 Điều 6 như sau:</b> <b>Điều 6. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</b> Công ty phải tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên hoặc bất thường. Trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định như sau: <b>1. Các hình thức tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên.</b> Tùy theo tình hình thực tế Công ty có thể tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên bằng các hình thức sau:

	<p>- Hợp trực tiếp: Cổ đông hoặc đại diện cổ đông đến tham dự trực tiếp tại địa điểm Công ty thông báo tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên.</p> <p>- Hợp trực tuyến:</p> <p>+ Để đảm bảo Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức đúng thời gian quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị quyết định hình thức tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bằng hình thức họp trực tuyến khi: Xảy ra các tình huống bất khả kháng như chiến tranh, dịch bệnh...không cho phép Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bằng hình thức trực tiếp.</p> <p>Sử dụng các ứng dụng họp trực tuyến để cổ đông có thể tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp, Công ty cung cấp user hoặc đường link cho các cổ đông đăng ký tham dự cuộc họp, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông được quy định cụ thể tại Quy chế tổ chức đại hội ban hành trước khi tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm; Cổ đông thực hiện quyền biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử (E-Voting) quy định chi tiết tại Hướng dẫn thực hiện bỏ phiếu điện tử theo phụ lục đính kèm.</p> <p><i>(Các khoản mục từ mục 1 đến mục 10 của Quy chế cũ trở thành khoản mục từ mục 2 đến mục 11 của Quy chế mới)</i></p> <p>Chi tiết Quy chế nội bộ về quản trị Công ty theo Phụ lục 1 đính kèm.</p>
--	--

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua./.

**Nơi nhận:**

- ĐHĐCĐ thường niên 2020;
- HĐQT;
- Ban KS;
- Lưu: VT, HCLĐ.

  
**Nguyễn Trọng Oánh**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐA NHIM - HÀM THUẬN - ĐA MI**



Địa chỉ: 80A Trần Phú, Bảo Lộc, Lâm Đồng  
Điện thoại: 02633.728171 - Fax: 02633.866457  
Email: [trusochinh@dhd.com.vn](mailto:trusochinh@dhd.com.vn)

# **QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐA NHIM - HÀM THUẬN - ĐA MI**

(Ban hành theo Quyết định số .../QĐ-TĐĐHD)

Ngày      tháng      năm 2020)

## **1. MỤC ĐÍCH:**

Quy chế này đề ra những nguyên tắc cơ bản về quản trị công ty để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên và người điều hành doanh nghiệp.

Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị Công ty như:

1. Trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.
2. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên.
3. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị.
4. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm Kiểm soát viên.
4. Thành lập và hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.
7. Lựa chọn, bổ nhiệm và miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp.
8. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc.
9. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác;
10. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty.
11. Các vấn đề khác.

## **2. TÀI LIỆU THAM KHẢO:**

- Căn cứ vào Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi;
- Nghị định số 71/2017/NĐ-CP của Chính phủ ngày 06 tháng 06 năm 2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 9 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 6 tháng 6 năm 2017 của chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

## **3. NỘI DUNG:**

## **Chương I**

### **QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

##### **1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy chế này quy định, hướng dẫn các vấn đề liên quan đến quản trị công ty đối với Công ty, bao gồm:

- a) Đại hội đồng cổ đông;
- b) Hội đồng quản trị;
- c) Ban kiểm soát;
- d) Tổng Giám đốc và người điều hành khác;
- đ) Người phụ trách quản trị công ty;
- e) Báo cáo và công bố thông tin.

##### **2. Đối tượng áp dụng**

- a) Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi (Công ty DHD);
- b) Cổ đông công ty và tổ chức, cá nhân là người có liên quan của cổ đông;
- c) Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành doanh nghiệp của Công ty và tổ chức, cá nhân là người có liên quan của các đối tượng này;
- d) Tổ chức và cá nhân có quyền lợi liên quan đến Công ty.

#### **Điều 2. Giải thích thuật ngữ**

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- 1. Quản trị công ty là hệ thống các nguyên tắc, bao gồm:
  - a) Đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý;
  - b) Đảm bảo hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
  - c) Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan;
  - d) Đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông;
  - đ) Công khai minh bạch mọi hoạt động của Công ty.
- 2. “**Công ty niêm yết**” là công ty cổ phần được chấp thuận niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán trên lãnh thổ Việt Nam;
- 3. “**Người có liên quan**” là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp, Khoản 34 Điều 6 của Luật Chứng khoán;
- 4. “**Đơn vị trực thuộc**” là đơn vị do Công ty thành lập, có đăng ký hoạt động tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, không có tư cách pháp nhân gồm:
  - Ban quản lý dự án không chuyên trách;
  - Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật.
- 5. “**Công ty con**” là Công ty được thành lập trong đó Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi thuộc một trong những trường hợp sau:
  - Sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông đã phát hành của công ty đó;

- Có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc) của Công ty đó;

- Có quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty đó.

6. **“Bộ phận chức năng”** là các phòng nghiệp vụ và các phân xưởng của Công ty và các Đơn vị trực thuộc;

7. **“Người quản lý doanh nghiệp”** được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Doanh nghiệp;

8. **“Điều lệ công ty”** là bản Điều lệ được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty ĐHD.

9. **“Công ty đại chúng”** là công ty cổ phần được quy định tại khoản 1 Điều 25 Luật chứng khoán.

10. **“Cổ đông lớn”** là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của tổ chức phát hành;

11. **“Người điều hành doanh nghiệp”** là Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.

12. **“Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành”** (sau đây gọi là thành viên không điều hành) là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.

13. **“Người phụ trách quản trị công ty”** là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều 17 của Quy chế này.

### **Điều 3. Nguyên tắc áp dụng pháp luật chuyên ngành**

Trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định về quản trị công ty khác với quy định tại Quy chế này thì áp dụng quy định của pháp luật chuyên ngành.

### **Điều 4. Điều lệ công ty**

Điều lệ công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua và không được trái với Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan.

### **Điều 5. Quy chế nội bộ về quản trị công ty**

Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty ĐHD được Hội đồng quản trị xây dựng, trình Đại hội đồng cổ đông thông qua. Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty ĐHD không được trái với quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

## **Chương II**

### **TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

#### **Điều 6. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông**

Công ty phải tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên hoặc bất thường. Trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định như sau:

##### **1. Các hình thức tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên.**

Tùy theo tình hình thực tế Công ty có thể tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên bằng các hình thức sau:

- Hợp trực tiếp: Cổ đông hoặc đại diện cổ đông đến tham dự trực tiếp tại địa điểm Công ty thông báo tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên.

- Hợp trực tuyến:

+ Để đảm bảo Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức đúng thời gian quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị quyết định hình thức tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bằng hình thức họp trực tuyến khi: Xảy ra các tình huống bất khả kháng như chiến tranh, dịch bệnh...không cho phép Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bằng hình thức trực tiếp.

+ Sử dụng các ứng dụng họp trực tuyến để cổ đông có thể tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp, Công ty cung cấp user hoặc đường link cho các cổ đông đăng ký tham dự cuộc họp, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông được quy định cụ thể tại Quy chế tổ chức đại hội ban hành trước khi tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm; Cổ đông thực hiện quyền biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử (E-Voting) **quy định chi tiết tại Hướng dẫn thực hiện bỏ phiếu điện tử theo phụ lục đính kèm.**

## **2. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông:**

a) Đưa ra các quyết định triệu tập họp

Hội đồng quản trị quyết định các vấn đề sau:

- Thời gian và địa điểm tổ chức Đại hội đồng cổ đông;
- Ngày đăng ký cuối cùng;
- Chương trình và nội dung cuộc họp: Xác định cơ cấu cuộc họp, các vấn đề cần được đưa ra thảo luận và thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- Các thủ tục trong việc thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông thường niên tới các cổ đông;
- Hình thức và nội dung, cách thức biểu quyết; Báo cáo của các bộ phận tại cuộc họp...

b) Lập danh sách cổ đông

- Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.
- Công ty phải gửi đầy đủ các tài liệu (nghị quyết Hội đồng quản trị, thông báo chốt danh sách cổ đông,...) đồng thời công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng chậm nhất 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.

## **3. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông:**

Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau:

- a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;
- b) Gửi thông báo mời họp chậm nhất 15 ngày trước ngày khai mạc bằng phương thức bảo đảm kèm các tài liệu phục vụ trong chương trình họp, đồng thời công bố trên website của công ty, Sở Giao dịch chứng khoán, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

- Đối với cổ đông bên ngoài Công ty: Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi đến cổ đông qua đường bưu điện, bằng phương thức bảo đảm tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông hoặc chuyển tận tay, hoặc gửi tới số fax, địa chỉ thư điện tử của cổ đông đó;

- Đối với cổ đông là người làm việc trong Công ty: Thông báo sẽ được đựng trong phong bì dán kín gửi tận tay cổ đông tại nơi làm việc.

c) Trường hợp Công ty đã đăng tải lên trang thông tin điện tử các tài liệu phục vụ Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp vẫn phải được gửi bằng phương thức bảo đảm, trong đó ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- Phiếu biểu quyết;
- Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
- Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

#### **4. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông:**

- Tất cả cổ đông có quyền dự họp phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông trước ngày khai mạc cuộc họp;

- Trường hợp cổ đông có quyền dự họp không thể đến dự Đại hội đồng cổ đông, có thể ủy quyền lại cho người khác tham dự. Việc ủy quyền phải được lập thành văn bản có ghi rõ phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền và nội dung khác theo quy định của pháp luật. Và khi đến dự người được ủy quyền phải xuất trình giấy ủy quyền, chứng minh thư (Hộ chiếu) cho Ban tổ chức Đại hội;

- Từng cổ đông hoặc đại diện ủy quyền có quyền biểu quyết sẽ được Công ty cấp cho 01 thẻ biểu quyết có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên của đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó;

- Cổ đông vẫn có quyền tham gia đại hội khi cuộc họp đã khai mạc và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký.

#### **5. Cách thức bỏ phiếu**

- Đại hội đồng cổ đông thực hiện nguyên tắc bầu cử trực tiếp bằng hình thức bỏ phiếu kín, theo phương thức dồn phiếu;

- Mỗi cổ đông hoặc đại diện cổ đông tham dự có mặt tại Đại hội đồng cổ đông vào thời điểm bầu cử có một phiếu bầu cho từng chức danh, trong đó ghi rõ mã số cổ đông, số cổ phần sở hữu và tổng số quyền bầu cử;

- Cổ đông bỏ phiếu vào thùng phiếu tuân tực theo quy định của Ban tổ chức Đại hội.

#### **6. Cách thức kiểm phiếu:**

Việc kiểm phiếu được Ban Kiểm phiếu tiến hành theo từng vấn đề trong nội dung chương trình họp theo cách thức: Kiểm số phiếu biểu quyết tán thành trước, sau đó kiểm số phiếu biểu quyết không tán thành sau rồi đến số phiếu không có ý kiến; Tổng hợp riêng kết quả mỗi loại.

#### **7. Thông báo kết quả kiểm phiếu:**

Việc kiểm phiếu phải được lập thành biên bản và kết quả kiểm phiếu phải được công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

#### **8. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông**

- Các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông đã được thông qua theo đúng quy định tại Điều 21 của Điều lệ công ty thì các phản đối của cổ đông không cần phải xem xét lại;

- Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

+ Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Quy chế này;

+ Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty;

+ Ngoài những quy định trên, cổ đông (người đại diện), thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát chỉ có quyền phản đối các quyết định của Đại hội đồng cổ đông ngay trước khi các quyết định đó được thông qua tại Đại Hội.

#### **9. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**

- Biên bản Đại hội đồng cổ đông được lập bằng tiếng Việt, bao gồm các nội dung sau:

+ Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

+ Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

+ Chương trình họp và nội dung cuộc họp;

+ Họ, tên chủ tọa và thư ký;

+ Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

+ Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

+ Tổng số phiếu biểu quyết với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến, tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

+ Các quyết định đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

+ Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.

- Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được lập xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

#### **10. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông**

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày quyết định được thông qua, Nghị quyết ĐHĐCĐ được thông báo đến các cổ đông có quyền dự họp. Việc công bố thông tin ra công chúng được thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán cùng các văn bản khác có liên quan.

#### **11. Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản**

##### **A. Quy trình lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:**

1. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến, nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 137 của Luật Doanh nghiệp 2014. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 139 của Luật Doanh nghiệp 2014.

2. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;

đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty;

3. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty theo một trong các hình thức sau đây:

a) Gửi thư. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường

hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;

Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

4. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty.

Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- đ) Các vấn đề đã được thông qua;
- e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của công ty, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

#### **B. Các trường hợp không được lấy ý kiến bằng văn bản:**

1. Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ công ty;
2. Định hướng phát triển Công ty;
3. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
4. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
5. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn do Điều lệ công ty quy định,
6. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
7. Tổ chức lại, giải thể Công ty.

#### **Điều 7. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông**

Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông phải tối thiểu có các nội dung sau:

- Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 3 Điều 158 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

- Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị;
- Kết quả đánh giá của thành viên độc lập Hội đồng quản trị về hoạt động của Hội đồng quản trị (nếu có);
- Hoạt động của các tiểu ban khác thuộc Hội đồng quản trị (nếu có);
- Kết quả giám sát đối với Tổng Giám đốc;
- Kết quả giám sát đối với người điều hành khác;
- Các kế hoạch trong tương lai.

#### **Điều 8. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông**

Báo cáo hoạt động của BKS trình ĐHĐCĐ phải tối thiểu có các nội dung sau:

- Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc;
- Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng Kiểm soát viên;
- Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng Kiểm soát viên theo quy định tại khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát;
- Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty;
- Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác;
- Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông.

### **Chương III**

## **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **Điều 9. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị**

##### **1. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị**

Theo quy định tại Điều 151 của Luật Doanh nghiệp, Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp 2014;
- b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định khác.
- c) Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác.

d) Không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Công ty; không được là người có liên quan của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ.

## **2. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông đề cử và ứng cử người vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị**

### **2.1. Cách thức đề cử và ứng cử vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị:**

Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ học vấn;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
- e) Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;
- f) Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- g) Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- i) Các thông tin khác (nếu có).

Công ty phải đảm bảo cổ đông có thể tiếp cận thông tin về các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2.2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

## **3. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị**

- a) Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

Số lượng, nhiệm kỳ và cơ cấu của thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại Khoản 1, 2 Điều 26 của Điều lệ công ty.

- b) Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị

- Việc bầu cử thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Chủ tọa Đại hội giới thiệu danh sách đề cử để Đại hội thống nhất thông qua. Ban kiểm phiếu Đại hội đồng cổ đông công bố thể lệ bầu cử, phát phiếu bầu cử cho các cổ đông (đại diện cổ đông) có mặt dự họp và tiến hành bầu cử và kiểm phiếu bầu cử thành viên Hội đồng quản trị. Người trúng cử vào Hội đồng quản trị phải là người có đủ tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 của Điều này và phải đạt được từ 51% cổ phần trở lên có quyền biểu quyết có mặt dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành và lấy từ cao xuống thấp đảm bảo đủ số lượng thành viên Hội đồng quản trị theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

- Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được thông báo theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

#### **4. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị**

a) Thành viên Hội đồng quản trị bị bãi nhiệm, miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- Không có đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 151 của Luật Doanh nghiệp;

- Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

- Có đơn xin từ chức;

- Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

- Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

b) Các trường hợp trên, thành viên Hội đồng quản trị khi bị miễn nhiệm phải được quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được thông báo theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

#### **5. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị:**

a) Việc đề cử ứng viên vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị phải được lập thành văn bản và gửi đến Hội đồng quản trị đương nhiệm;

b) Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

#### **Điều 10. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị**

Hội đồng quản trị phải tổ chức họp ít nhất mỗi quý 01 lần theo trình tự được quy định tại Khoản 2 Điều 30 của Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty. Trình tự, thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị cụ thể như sau:

##### **1. Thông báo họp Hội đồng quản trị**

- Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng

quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.

- Địa điểm họp: Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị;

- Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết;

- Tùy vào tình hình thực tế, cuộc họp Hội đồng quản trị có thể mời thêm một số thành viên khác tham dự khi bàn những nội dung có liên quan.

## **2. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị**

Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

- Triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, kể từ ngày nhận được đề nghị bằng văn bản của một trong số các đối tượng dưới đây nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:

- + Ban kiểm soát;
- + Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác;
- + Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
- + Các trường hợp khác (nếu có).

- Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

- Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

- Các điều kiện khác quy định theo Điều 153 - Luật Doanh nghiệp.

## **3. Cách thức biểu quyết**

- Mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết.

- Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển

đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

#### **4. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị**

- Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

- Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

#### **5. Ghi biên bản họp Hội đồng quản trị**

- Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi vào sổ biên bản;  
- Biên bản họp Hội đồng quản trị lập bằng tiếng Việt, có thể cả bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- Thời gian, địa điểm họp;
- Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- Các vấn đề đã được thông qua;
- Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản.

Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

#### **6. Thông báo nghị quyết Hội đồng quản trị:**

Các nghị quyết của Hội đồng quản trị phải được thông báo cho Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và công bố thông tin theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

### **Chương IV**

## **BAN KIỂM SOÁT VÀ KIỂM SOÁT VIÊN**

### **Điều 11. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm Kiểm soát viên**

#### **1. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với Kiểm soát viên:**

a) Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:

- Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;
- Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

b) Kiểm soát viên công ty cổ phần niêm yết, công ty do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên.

c) Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty.

## **2. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên:**

a) Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại khoản 2, Điều 9 Quy chế này.

b) Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

## **3. Cách thức bầu Kiểm soát viên**

a) Nhiệm kỳ và số lượng Kiểm soát viên

Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

b) Cách thức bầu Kiểm soát viên

- Việc bầu cử Kiểm soát viên được thực hiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Chủ tọa Đại hội giới thiệu danh sách đề cử để Đại hội thống nhất thông qua. Ban kiểm phiếu Đại hội đồng cổ đông công bố thể lệ bầu cử, phát phiếu bầu cử cho các cổ đông (đại diện cổ đông) có mặt dự họp và tiến hành bầu cử và kiểm phiếu bầu cử Kiểm soát viên. Người trúng cử vào Ban Kiểm soát phải là người có đủ tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 4 của điều này và phải đạt được trên 50% cổ phần có quyền biểu quyết có mặt dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành và lấy từ cao xuống thấp đảm bảo đủ số lượng Kiểm soát viên theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

- Việc bổ nhiệm các Kiểm soát viên phải được thông báo theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

c) Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định.

## **4. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên:**

1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 164 của Luật Doanh nghiệp.

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
2. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:
- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
  - b) Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
  - c) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
3. Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên phải được thông báo theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định, tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

### **Điều 12. Cuộc họp của Ban kiểm soát**

1. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp. Các Kiểm soát viên tham dự họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng Kiểm soát viên.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Người phụ trách quản trị công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.

## **Chương V**

### **THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **Điều 13. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng.

2. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

4. Hội đồng quản trị quy định chi tiết về việc thành lập tiểu ban, trách nhiệm của từng tiểu ban, trách nhiệm của thành viên của tiểu ban hoặc trách nhiệm của

thành viên độc lập được cử phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng.

## **Chương VI**

### **TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC**

#### **Điều 14. Lựa chọn, bổ nhiệm và miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp**

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.

##### **1. Các tiêu chuẩn của người điều hành doanh nghiệp:**

Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm mẫn cán để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

##### **2. Bổ nhiệm người điều hành doanh nghiệp:**

Trình tự, thủ tục quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và đề bạt bổ nhiệm giữ các chức vụ người điều hành doanh nghiệp phải theo quy định trong Quy chế về công tác cán bộ của Công ty do Hội đồng quản trị ban hành.

Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm sau khi được sự thống nhất thông qua của Chủ sở hữu- Tổng công ty Phát điện 1.

##### **3. Ký hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp:**

Việc ký hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp được thực hiện theo quy định của Luật lao động;

##### **4. Các trường hợp miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp:**

Thực hiện theo Quy chế về công tác cán bộ hiện hành của Công ty.

##### **5. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp:**

Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp phải được thông báo theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

#### **Điều 15. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc**

1. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc:

- Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời và tài liệu kèm theo đến Ban kiểm soát, Trưởng Ban kiểm soát có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị;

- Biên bản kết quả họp, Nghị quyết Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc để đảm bảo được thực hiện và giám sát;

2. Thông báo nghị quyết của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát:

Tất cả các nghị quyết của Hội đồng quản trị phải được cung cấp đến Ban Kiểm soát.

3. Các trường hợp Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị:

- Khi có yêu cầu của một nhóm cổ đông quy định tại Điều lệ công ty;
- Có bằng chứng cho thấy cần phải triệu tập họp Hội đồng quản trị nếu không sẽ gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty;
- Có đầy đủ bằng chứng cho rằng Hội đồng quản trị thực hiện nghị quyết của mình có thể sẽ ảnh hưởng lợi ích của Công ty, vi phạm pháp luật Nhà nước;
- Một số trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

4. Báo cáo của Tổng Giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao:

- Tổng Giám đốc phải thực hiện báo cáo với Hội đồng quản trị về việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, các kế hoạch kinh doanh, kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Tổng Giám đốc phải thực hiện báo cáo với Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao và khi có yêu cầu của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông;
- Một số trường hợp khác mà Tổng Giám đốc phải báo cáo với Hội đồng quản trị theo quyết định của pháp luật và Điều lệ công ty.

5. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc:

Hội đồng quản trị họp đánh giá, kiểm điểm về việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng quản trị về điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Tổng Giám đốc. Việc đánh giá này được thực hiện trong các buổi họp Hội đồng quản trị định kỳ.

6. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát:

- Khi có yêu cầu của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về tình hình sản xuất kinh doanh, tình hình quản lý của Công ty. Tổng Giám đốc phải báo cáo và cung cấp đầy đủ thông tin theo yêu cầu;
- Việc cung cấp thông tin của Tổng Giám đốc cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải tuân theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.

7. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các Kiểm soát viên và Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban Tổng Giám đốc phải phối hợp hoạt động, kiểm soát, điều hành và giám sát lẫn nhau theo đúng chức năng, nhiệm vụ được quy định trong pháp luật và Điều lệ Công ty;
- Việc phối hợp này nhằm tránh sự xung đột về quyền và nghĩa vụ, đảm bảo lợi ích cao nhất của Công ty, tuân thủ thực hiện theo các quy định của pháp luật.

## **Chương VII**

### **ĐÁNH GIÁ, KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT**

**Điều 16. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác**

#### **1. Tiêu chuẩn đánh giá**

1.1. Đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Tổng Giám đốc

a) Thực hiện có hiệu quả các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định Điều lệ, Quy chế quản trị công ty và Quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

b) Điều hành có hiệu quả toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, mang lại lợi ích thiết thực chính đáng cho các cổ đông, cán bộ công nhân viên và vì sự phát triển của Công ty;

c) Trung thành lợi ích của Công ty và cổ đông của Công ty, không lạm dụng, địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi cá nhân hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

1.2. Đối với người điều hành doanh nghiệp khác

a) Thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, trung thực;

b) Thể hiện năng lực quản lý và điều hành ở mảng công việc được phân công phụ trách;

c) Gương mẫu trong làm việc và đạo đức lối sống;

d) Không bị kỷ luật từ khiển trách trở lên.

#### **2. Hệ thống khen thưởng và kỷ luật**

Áp dụng theo quy chế thi đua khen thưởng của Tổng công ty Phát điện 1 và quy chế chi trả tiền thưởng cho người quản lý Công ty (theo Quy chế quản lý vốn và Người đại diện của Chủ sở hữu - Tổng công ty Phát điện 1 và Quy chế của Công ty).

#### **3. Tổ chức bộ máy đánh giá, khen thưởng và kỷ luật**

Công ty thành lập Hội đồng thi đua khen thưởng - kỷ luật do Tổng Giám đốc làm Chủ tịch hội đồng, Chủ tịch Công đoàn cơ sở, Bí thư Đoàn thanh niên và cấp trưởng một số bộ phận trong Công ty làm thành viên.

## **Chương VIII**

### **NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY**

**Điều 17. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty**

#### **1. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty**

- Có hiểu biết về pháp luật;

- Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;

- Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và quyết định của Hội đồng quản trị.

#### **2. Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty**

Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 152 Luật Doanh nghiệp.

### **3. Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị công ty**

- a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d. Tham dự các cuộc họp, lập biên bản và nghị quyết cuộc họp;
- e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;
- g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty.
- h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- i. Bảo quản, lưu giữ hồ sơ, tài liệu của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị; cung cấp và thông báo cho các đối tượng liên quan về các nghị quyết, văn bản của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị theo quy định của Công ty;
- j. Được trực tiếp làm việc với các cán bộ, nhân viên của Công ty và các cơ quan, đơn vị khác để giải quyết công việc trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao; chịu trách nhiệm cá nhân trước Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị về công việc được giao;
- k. Được hưởng lương, phụ cấp, các chế độ khác và có các nhiệm vụ, quyền hạn khác được quy định đối với các cán bộ, nhân viên chuyên môn, nghiệp vụ của Công ty.
- l. Đối với Người phụ trách quản trị công ty làm công tác kiêm nhiệm, được hưởng tiền thù lao kiêm nhiệm (mức thù lao do lãnh đạo Công ty thống nhất chỉ trả phù hợp với tình hình thực tế tại từng thời điểm), nguồn hạch toán vào quỹ lương người lao động của Công ty.
- m. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

### **4. Miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty**

Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.

### **5. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty**

Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty phải được thông báo theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

## **Chương IX**

### **BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN**

#### **Điều 18. Nghĩa vụ báo cáo và công bố thông tin**

1. Công ty có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị của Công ty cho cổ đông và công chúng. Thông tin và cách thức công bố thông tin được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. Ngoài ra, Công ty phải công bố kịp thời và đầy đủ các thông tin khác nếu các thông tin đó có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng khoán và ảnh hưởng đến quyết định của cổ đông và nhà đầu tư.

2. Việc công bố thông tin được thực hiện theo những phương thức nhằm đảm bảo cổ đông và công chúng đầu tư có thể tiếp cận một cách công bằng. Ngôn từ trong công bố thông tin rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho các cổ đông và công chúng đầu tư.

#### **Điều 19. Công bố thông tin về cơ cấu tổ chức quản lý công ty**

1. Công ty phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và công bố thông tin về cơ cấu tổ chức quản lý và hoạt động Công ty theo quy định tại Điều 134 Luật Doanh nghiệp.

2. Trong trường hợp Công ty thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý, Công ty phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và công bố thông tin trong vòng 24 giờ kể từ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định thay đổi cơ cấu tổ chức.

#### **Điều 20. Công bố thông tin về tình hình quản trị công ty**

1. Công ty đại chúng phải công bố thông tin về tình hình quản trị công ty tại các kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên và trong Báo cáo thường niên của Công ty theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

2. Công ty đại chúng có nghĩa vụ báo cáo định kỳ sáu (06) tháng và công bố thông tin về tình hình quản trị công ty theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

#### **Điều 21. Tổ chức công bố thông tin**

1. Xây dựng ban hành các quy định về công bố thông tin theo quy định tại Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn.

2. Người công bố thông tin là Kế toán trưởng của Công ty.

3. Người công bố thông tin phải có tiêu chuẩn, điều kiện sau:

Có kiến thức kế toán, tài chính, có kỹ năng nhất định về tin học.

4. Trách nhiệm của người công bố thông tin:

- Công bố các thông tin của Công ty với công chúng đầu tư theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

- Công khai tên, số điện thoại làm việc để các cổ đông dễ dàng liên hệ;

- Ghi nhận những ý kiến của các cổ đông, định kỳ công bố trả lời ý kiến của các cổ đông và các vấn đề quản trị công ty theo quy định;

- Chịu trách nhiệm về công bố các thông tin của Công ty với công chúng đầu tư theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

## **Chương X**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 22. Tổ chức thực hiện**

Hội đồng quản trị chủ trì phối hợp với Tổng Giám đốc, Kiểm soát viên và các đơn vị, cá nhân có liên quan trong Công ty tổ chức thực hiện Quy chế này.

## **Chương XI**

### **SỬA ĐỔI BỔ SUNG QUY CHẾ**

#### **Điều 23. Sửa đổi, bổ sung quy chế**

- Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị Công ty phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Quy chế này, hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này, thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

## **Chương XII**

### **NGÀY HIỆU LỰC**

#### **Điều 24. Hiệu lực thi hành**

1. Quy chế này gồm 12 chương, 24 điều, được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 22 tháng 5 năm 2020 và cùng chấp nhận toàn văn của Quy chế này.
2. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kiểm soát viên và toàn thể Cán bộ công nhân viên của Công ty có trách nhiệm thi hành Quy chế này.

**Phụ lục I**  
**HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN BỎ PHIẾU ĐIỆN TỬ**  
**CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN**  
**ĐA NHIM - HÀM THUẬN - ĐA MI**  
(ban hành kèm Quy chế nội bộ về quản trị Công ty  
đã được Đại hội cổ đông thông qua ngày 22/05/2020)

**Chương I**  
**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng**

Hướng dẫn này quy định về việc bỏ phiếu điện tử của các cổ đông tại các đợt thực hiện biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên/Đại hội đồng cổ đông bất thường hoặc đợt Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản (sau đây gọi là đợt biểu quyết) của Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi (sau đây gọi là Công ty)

**Điều 2. Giải thích từ ngữ**

Trong Hướng dẫn này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- **Bỏ phiếu điện tử** là việc cổ đông thực hiện biểu quyết theo hình thức sử dụng máy tính hoặc các thiết bị khác kết nối mạng Internet để thực hiện biểu quyết theo hình thức bỏ phiếu điện tử thông qua hệ thống bỏ phiếu điện tử (“Hệ thống V-Vote”) của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (“VSD”) là đơn vị được Công ty ký kết cung cấp dịch vụ bỏ phiếu điện tử.

- **Bỏ phiếu truyền thống** là việc cổ đông hoặc đại diện ủy quyền của cổ đông tham gia biểu quyết trực tiếp tại đại hội.

**Chương II**  
**QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

**Điều 3. Điều kiện, cách thức cổ đông tham gia bỏ phiếu điện tử**

**1. Điều kiện tham gia**

- Có tên trong danh sách cổ đông có quyền bỏ phiếu do VSD lập theo thông báo thực hiện quyền của Công ty.

- Đã thực hiện kích hoạt tài khoản truy cập theo thông báo của VSD.

**2. Cách thức thực hiện**

- Cổ đông là cá nhân và tổ chức trong nước thực hiện bỏ phiếu điện tử trực tiếp trên hệ thống V-Vote.

- Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài thực hiện bỏ phiếu điện tử trên hệ thống V-Vote thông qua ủy quyền cho tổ chức đại diện hoặc trực tiếp thực hiện bỏ phiếu điện tử trên hệ thống V-Vote nếu hệ thống V-Vote cho phép.

#### **Điều 4. Cung cấp tài khoản truy cập và thực hiện bỏ phiếu điện tử**

Việc cung cấp tài khoản truy cập và thực hiện bỏ phiếu điện tử của cổ đông được thực hiện theo hướng dẫn tại Quy định về việc tổ chức cung cấp dịch vụ bỏ phiếu điện tử tại VSD do VSD ban hành.

#### **Điều 5. Ủy quyền thực hiện bỏ phiếu điện tử**

1. Việc ủy quyền thực hiện bỏ phiếu điện tử chỉ áp dụng đối với trường hợp cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài ủy quyền cho tổ chức đại diện thực hiện bỏ phiếu điện tử.

2. Trình tự, thủ tục ủy quyền thực hiện theo hướng dẫn tại Quy định về việc tổ chức cung cấp dịch vụ bỏ phiếu điện tử tại VSD do VSD ban hành

#### **Điều 6. Kết quả bỏ phiếu điện tử**

1. Kết quả bỏ phiếu điện tử trong thời gian thực hiện bỏ phiếu điện tử được thống kê và tính toán bởi VSD.

2. Kết quả bỏ phiếu điện tử do VSD cung cấp được giữ nguyên niêm phong của VSD và được Ban Chủ tọa Đại hội đưa ra cho toàn thể Đại hội chứng kiến tại thời điểm khai mạc Đại hội.

3. Ban kiểm phiếu được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Đại hội hoặc Ban kiểm phiếu được Hội đồng quản trị đề cử tại đợt Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản là người có thẩm quyền mở kết quả bỏ phiếu điện tử để tổng hợp kết quả bỏ phiếu.

4. Các cổ đông đã thực hiện việc bỏ phiếu điện tử hợp lệ nhưng vẫn đến tham dự Đại hội đồng cổ đông và thực hiện bỏ phiếu truyền thống thì kết quả bỏ phiếu điện tử của cổ đông sẽ bị loại bỏ.

5. Kết quả bỏ phiếu điện tử tại thời điểm tổng hợp kết quả bỏ phiếu được Công ty tính toán dựa trên kết quả bỏ phiếu điện tử do VSD cung cấp trừ đi các trường hợp đã bỏ phiếu điện tử nhưng lại thực hiện bỏ phiếu truyền thống.

6. Trường hợp tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông, các cổ đông tham gia họp trực tiếp đồng ý sửa đổi, bổ sung nội dung biểu quyết khác với các nội dung biểu quyết mà Công ty đã thông báo trước đây thì số phiếu của các cổ đông đã tham gia bỏ phiếu điện tử cho các vấn đề bị thay đổi sẽ được coi là phiếu trắng.

#### **Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông khi tham gia bỏ phiếu điện tử**

1. Được biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty theo hình thức bỏ phiếu điện tử.

2. Vẫn có thể trực tiếp dự họp và tham gia biểu quyết tại Đại hội hoặc ủy quyền cho người khác tham dự họp và tham gia biểu quyết tại Đại hội ngay cả khi đã thực hiện bỏ phiếu điện tử. Trong trường hợp này kết quả bỏ phiếu điện tử của cổ đông sẽ bị hủy bỏ.

3. Phải đăng ký thông tin số điện thoại, địa chỉ liên lạc và/hoặc địa chỉ thư điện tử chính xác để đảm bảo nhận được thư thông báo tài khoản bỏ phiếu điện tử và chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với các thông tin đã đăng ký này.

4. Được sử dụng tài khoản truy cập do VSD cấp để đăng nhập vào hệ thống V-Vote và thực hiện bỏ phiếu điện tử cho tất cả các đợt biểu quyết của Công ty mà cổ đông được quyền bỏ phiếu.

5. Trường hợp cổ đông nước ngoài ủy quyền bỏ phiếu điện tử cho tổ chức đại diện, Cổ đông và tổ chức đại diện chịu trách nhiệm đối với việc ủy quyền và kết quả bỏ phiếu điện tử theo tài khoản truy cập đã được cấp. Trường hợp cổ đông là pháp nhân, người đại diện theo pháp luật của cổ đông là người chịu trách nhiệm đối với các quy định nêu tại khoản 3 và khoản 4 Điều này.

6. Cổ đông phải có trách nhiệm bảo mật các tên truy cập, mật khẩu và các yếu tố định danh khác do VSD cấp để đảm bảo rằng chỉ có cổ đông mới có quyền thực hiện việc bỏ phiếu trên hệ thống V-Vote của VSD. Mọi kết quả giao dịch bỏ phiếu của cổ đông do VSD cung cấp chính thức sẽ được mặc nhiên coi là ý chí của cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về mọi tranh chấp (nếu có) giữa cổ đông và VSD liên quan đến việc xác thực lại việc bỏ phiếu điện tử qua tài khoản truy cập của cổ đông. Cổ đông chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật, trước Công ty về kết quả giao dịch bỏ phiếu điện tử đã được thực hiện qua tài khoản truy cập của Cổ đông trên hệ thống V-Vote của VSD.

### **Chương III**

#### **ĐIỀU KHOẢN KHÁC**

##### **Điều 8. Điều khoản khác**

Các nội dung khác liên quan đến điều kiện tiến hành đợt biểu quyết, cách thức tiến hành biểu quyết, thông qua Quyết định của đợt biểu quyết và trường hợp tổ chức đợt biểu quyết không thành được thực hiện theo quy định tại Quy chế quản trị nội bộ và Điều lệ Công ty.

##### **Điều 9. Hiệu lực thi hành**

1. Hướng dẫn này gồm 3 chương, 9 điều và có hiệu lực từ ngày ban hành.

2. Cổ đông, tổ chức đại diện và các cá nhân, tổ chức tham gia bỏ phiếu điện tử đối với các đợt bỏ phiếu của Công ty có trách nhiệm thực hiện theo Hướng dẫn này.

## QUY CHẾ

### TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020 CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐA NHIM - HÀM THUẬN - ĐA MI

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua,

#### Mục I

#### NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

##### Điều 1. Phạm vi áp dụng

Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 (sau đây gọi tắt là Đại hội) của Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi (sau đây gọi tắt là Công ty).

**Điều 2.** Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của các cổ đông và Đại diện cổ đông theo ủy quyền (sau đây gọi tắt là “cổ đông”) tham gia Đại hội, điều kiện và cách thức tiến hành Đại hội.

**Điều 3.** Cổ đông tham gia Đại hội có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

#### Mục II

#### QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN THAM GIA ĐẠI HỘI

##### Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông khi tham dự Đại hội

##### 1. Quyền của các cổ đông khi tham dự Đại hội

a) Cổ đông có quyền tham dự, thảo luận và biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông; mỗi cổ phần phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết.

b) Cổ đông có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bằng Giấy ủy quyền (theo mẫu quy định) cho người đại diện thay mặt mình tham dự và biểu quyết tại Đại hội.

c) Các cổ đông khi tới tham dự Đại hội phải xuất trình Thông báo mời họp, giấy tờ tùy thân (Chứng minh thư nhân dân hoặc Hộ chiếu) để hoàn thành các thủ tục đăng ký tham dự Đại hội với Ban Tổ chức Đại hội và nhận một Thẻ biểu quyết có ghi tên cổ đông và số cổ phần có quyền biểu quyết của mình. Giá trị biểu quyết mà cổ đông đó nắm giữ sẽ tương ứng với số cổ phần có quyền biểu quyết mà cổ đông sở hữu hoặc đại diện.

d) Tại Đại hội, các cổ đông sẽ nghe các báo cáo được nêu trong Chương trình của Đại hội, cùng thảo luận và thông qua từng phần bằng biểu quyết giơ Thẻ biểu quyết. Những ý kiến của các cổ đông tại Đại hội phải được thảo luận công khai.

e) Cổ đông đến dự Đại hội muộn được đăng ký và sau đó có quyền tham gia biểu quyết tại Đại hội ngay sau khi đăng ký, nhưng Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho họ đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng.

f) Phát biểu ý kiến tại Đại hội

Các cổ đông tham dự Đại hội muốn phát biểu ý kiến phải tuân theo nguyên tắc và điều kiện sau:

- Được sự chấp thuận của Đoàn Chủ tịch.
- Nội dung phát biểu phải ngắn gọn và phù hợp với chương trình Đại hội.
- Nội dung đề xuất không được vi phạm pháp luật, liên quan đến vấn đề cá nhân hoặc vượt quá quyền hạn của Đoàn Chủ tịch.
- Các ý kiến đóng góp hoặc chất vấn sẽ được tập hợp cùng lúc và Đoàn Chủ tịch trả lời theo từng nội dung cụ thể.
- Chỉ được tham gia đóng góp ý kiến trong phần Thảo luận của Đại hội. Trường hợp ý kiến đề xuất phức tạp, cần nhiều thời gian để trình bày thì cổ đông có thể gửi bằng văn bản đến Ban tổ chức 02 ngày trước khi diễn ra Đại hội.
- Trường hợp nhiều cổ đông có ý kiến cùng lúc thì Chủ tọa sẽ mời tuần tự từng cổ đông lên trình bày ý kiến của mình.
- Chủ tọa có quyền cắt ngang phần trình bày ý kiến của các cổ đông nếu thấy cần thiết.

## **2. Nghĩa vụ của các cổ đông khi tham dự Đại hội**

Cổ đông có các nghĩa vụ theo qui định tại Luật doanh nghiệp và các quy định tại Quy chế này, nghiêm túc chấp hành nội quy tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, tôn trọng kết quả làm việc tại Đại hội và sự điều hành của Đoàn Chủ tịch Đại hội

## **Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Ban Tổ chức Đại hội, Ban kiểm tra tư cách cổ đông**

### **1. Ban Tổ chức Đại hội**

- Ban Tổ chức Đại hội do Hội đồng quản trị Công ty quyết định. Ban Tổ chức Đại hội có nghĩa vụ thông báo công khai chương trình Đại hội, các nội dung thảo luận và biểu quyết tại Đại hội cho các cổ đông.

- Trưởng Ban Tổ chức Đại hội có trách nhiệm thành lập bộ phận giúp việc đón tiếp, chuẩn bị tài liệu, bố trí chỗ ngồi, phát tài liệu và Thẻ biểu quyết cho các cổ đông có đủ tư cách tham dự Đại hội.

### **2. Ban kiểm tra tư cách cổ đông**

- Ban Kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội do Trưởng Ban tổ chức Đại hội quyết định.

- Ban Kiểm tra tư cách cổ đông tiếp nhận giấy tờ của những người đến dự Đại hội xuất trình, kiểm tra đối chiếu, phát tài liệu, Thẻ biểu quyết và báo cáo các loại giấy tờ của cổ đông, đại diện cổ đông đến họp, sau đó phát các tài liệu, các phiếu bầu cử và các thẻ biểu quyết.

- Ban Kiểm tra tư cách cổ đông phải báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội.

## **Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Đoàn Chủ tịch và Thư ký Đại hội**

### **1. Đoàn Chủ tịch**

- Đoàn Chủ tịch là các thành viên HĐQT, Chủ tịch HĐQT làm Chủ tọa Đại hội.

- Quyết định của Đoàn Chủ tịch về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông mang tính phán quyết cao nhất.

- Đoàn Chủ tịch tiến hành các công việc cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự và phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông tham dự.

- Không cần lấy ý kiến của Đại hội, bất cứ lúc nào Chủ tịch đoàn cũng có thể quyết định hoãn Đại hội đến một thời điểm khác và tại một địa điểm khác do Chủ tịch đoàn quyết định nếu nhận thấy rằng:

+ Hành vi của những người có mặt cản trở hoặc có khả năng cản trở diễn biến có trật tự của cuộc họp;

+ Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của Đại hội được tiến hành một cách hợp lệ.

### **2. Thư ký Đại hội**

Thư ký Đại hội do Đoàn Chủ tịch đề cử, Thư ký đại hội thực hiện các công việc theo phân công của Đoàn Chủ tịch, gồm:

- Nhận góp ý của các cổ đông; đếm thẻ biểu quyết (Thu thẻ sau khi cổ đông giao thẻ nếu chủ tịch đoàn yêu cầu), tổng hợp và nộp cho Chủ tịch đoàn;
- Tổng hợp ý kiến trình Chủ tịch đoàn;
- Lập biên bản và Nghị quyết Đại hội;
- Phản ánh trung thực, chính xác nội dung Đại hội trong biên bản và Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên.

### **Mục III**

#### **TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI**

##### **Điều 7. Điều kiện tiến hành Đại hội**

Đại hội đồng cổ đông thường niên được tiến hành khi có số cổ đông (kể cả đại diện cổ đông) dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

##### **Điều 8. Cách thức tiến hành Đại hội**

1. Đại hội cổ đông thường niên sẽ lần lượt nghe các báo cáo theo chương trình của Đại hội và thảo luận biểu quyết thông qua các báo cáo này.
2. Việc biểu quyết thông qua từng nội dung trong Đại hội được thực hiện theo Thẻ lệ biểu quyết.

##### **Điều 9. Nghị quyết và Biên bản Đại hội**

Tất cả nội dung tại Đại hội đồng cổ đông phải được Thư ký Đại hội ghi vào Biên bản và Nghị quyết của Đại hội. Nghị quyết của Đại hội được đọc và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp và được lưu giữ tại Công ty.

### **Mục IV**

#### **ĐIỀU KHOẢN KHÁC**

**Điều 10.** Mọi vấn đề về tổ chức Đại hội, trì hoãn hay triệu tập lại đều được thực hiện theo Điều lệ Công ty.

**Điều 11.** Chi phí cho việc đi lại, ăn nghỉ của các cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi do các cổ đông tự túc.

### **Mục V**

## ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

**Điều 12.** Quy chế này gồm 5 Chương, 12 Điều, được Ban Tổ chức Đại hội thông qua ngày 12 tháng 05 năm 2020 và có hiệu lực để thực hiện công tác chuẩn bị và tiến hành tổ chức Đại hội./.

**Nơi nhận:**

- ĐHĐCĐ thường niên 2020;
- HĐQT;
- Ban KS;
- Lưu: VT, HCLĐ.



**TỔ CHỨC ĐẠI HỘI  
CHỦ TỊCH HĐQT**

**Nguyễn Trọng Oánh**

**QUY ĐỊNH THẺ LỆ BIỂU QUYẾT  
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020  
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐA NHIM - HÀM THUẬN - ĐA MI**

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

**BAN TỔ CHỨC  
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020  
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐA NHIM - HÀM THUẬN - ĐA MI**

**QUY ĐỊNH:**

Thông qua Thẻ lệ biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi như sau:

**1. Các nội dung thông qua biểu quyết**

Tất cả Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông Công ty như: cử Thư ký Đại hội, thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020, sửa đổi Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty... và các Nghị quyết, Quyết định khác đều phải được biểu quyết công khai và trực tiếp.

**2. Quy định về thẻ biểu quyết**

**a) Phát thẻ biểu quyết**

Sau khi đăng ký và có mặt tham dự Đại hội, mỗi cổ đông/đại diện cổ đông sẽ được cấp một Thẻ biểu quyết có ghi mã số cổ đông, tên cổ đông và tổng số cổ phần có quyền biểu quyết, được tính bằng tổng số cổ phần mà người đó sở hữu và/hoặc đại diện sở hữu và được ủy quyền. Cổ đông/đại diện cổ đông kiểm tra các thông tin trên mặt thẻ.

Cổ đông/đại diện cổ đông đã nhận Thẻ biểu quyết có nghĩa vụ tham gia biểu quyết các nội dung cần thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Trước khi biểu quyết các nội dung của Đại hội, Cổ đông/đại diện cổ đông cần đọc kỹ Quy định thể lệ biểu quyết này.

b) Thẻ biểu quyết

Dùng để biểu quyết thông qua các nội dung liên quan đến phương thức điều hành, tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm:

- Thư ký Đại hội, Ban kiểm tra kết quả biểu quyết;
- Chương trình Đại hội;
- Quy chế tổ chức Đại hội;
- Quy định Thẻ lệ biểu quyết.
- Biểu quyết thông qua các nội dung chính của Đại hội, gồm:
  - + Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2019 và kế hoạch năm 2020;
  - + Báo cáo của Hội đồng quản trị về tình hình quản lý công ty năm 2019 và kế hoạch hoạt động năm 2020;
  - + Báo cáo của Ban Kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020;
  - + Đề xuất lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020;
  - + Thông qua nội dung sửa đổi Điều lệ tổ chức hoạt động công ty;
  - + Thông qua nội dung sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị công ty;
  - + Tiền lương thù lao thực hiện năm 2019 và tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2020 của người quản lý Công ty;
  - + Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2019;
  - + Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2019;
  - + Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

c) Thẻ hợp lệ

Là thẻ do Ban kiểm phiếu phát ra, trên thẻ có đóng dấu của Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi, có đầy đủ họ tên của cổ đông, mã số cổ đông, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông/đại diện cổ đông và nộp lại cho Ban kiểm phiếu khi có yêu cầu. Các trường hợp phiếu bị tẩy xóa, rách nát và không theo quy định trên thì được coi là không hợp lệ.

3. Các Nghị quyết, quyết định của Đại hội chỉ có giá trị khi có từ 51% trở lên so với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội chấp thuận.

4. Thẻ lệ biểu quyết

a) Thẻ biểu quyết dùng để biểu quyết tất cả các vấn đề tại Đại hội bằng phương pháp giơ thẻ.

b) Đối với biểu quyết thông qua các nội dung liên quan đến phương thức điều hành, tổ chức Đại hội: Khi biểu quyết các cổ đông phải giơ cao Thẻ biểu quyết. Ban kiểm tra kết quả biểu quyết sẽ trực tiếp đếm số thẻ đồng ý trước, sau đó đếm số thẻ không đồng ý và cuối cùng đếm số thẻ không có ý kiến để Chủ tọa quyết định.

c) Đối với biểu quyết thông qua các nội dung chính của Đại hội: Cổ đông thực hiện quyền biểu quyết bằng việc giơ Phiếu biểu quyết cho một trong ba lựa chọn: “Đồng ý”, “Không đồng ý” và “Không có ý kiến”. Cổ đông không được có hai hoặc ba ý kiến khác nhau trong cùng một vấn đề. Thẻ biểu quyết sẽ được thu lại và lưu trữ cùng bộ hồ sơ Đại hội.

5. Trong trường hợp có ý kiến thắc mắc về kết quả biểu quyết, Chủ tọa sẽ xem xét và quyết định ngay tại Đại hội./.

**Nơi nhận:**

- ĐHĐCĐ thường niên 2020;
- HĐQT;
- Ban KS;
- Lưu: VT, HCLĐ.

**TM. BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI  
CHỦ TỊCH HĐQT**



**Nguyễn Trọng Oánh**